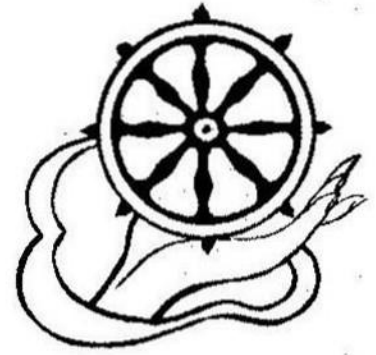


VIÊN GIÁC

Bộ mới số **2**
tháng 4, năm 1981



VÕ ĐÌNH

tap chí của Kiều-Bào và Phật-Tử Việt-Nam
_____ tại Cộng-hòa Liên-bang Đức _____

VIÊN GIÁC

Bổ mới số 2 tháng 4. 1981



Trong số này	trang
. Như tòa soạn	1
. Phật Giáo - như một sức dung hoá nhiệm màu	2
. Tài liệu lịch sử: PGVN thời Pháp thuộc (1862. 1954) (tiếp theo)	3
. Lễ nhạc của Phật Giáo VN	6
. Câu chuyện Đạo	11
. Thiên Học (tiếp theo)	14
. Trang giáo lý GĐPT	17
. Thơ: Nhớ Thầy; lá thư	19
. Thư cho bạn	20
. Gia chánh chay	20
. Quốc sử tạp lục (Ranh giới Việt Nam (tiếp theo)	21
. Việt Nam Phong sử	25
. Truyện Hưng Đạo Vương	28
. Thơ: Hệ lụy	30
. Ký sự: Đường qua xứ tuyết	31
. Thơ thơ thơ	35
. Trong cơn lốc đỏ	36
. Tin tức	39
. Phương danh Quý Phật Tử Hộ Trì, cúng dường Tam Bảo	40

Chức vụ:

Đại Đức THÍCH NHƯ ĐIỀN

Thực hiện: MAI VI PHÚC

Kỹ thuật: THỊ CHON

cùng sự đồng góp của

HỘI SINH VIÊN và KIỀU BAO
PHẬT TỬ VIỆT NAM tại
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Tòa soạn: Chùa VIÊN GIÁC

Trung tâm VĂN HÓA PHẬT GIÁO
VIỆT NAM tại C.H.L.B.Đức

Eichelkampstr. 35a 3000 Hannover 81

điện thoại: (0511) 86 46 38

Thư TÒA SOẠN

Với tâm niệm phục vụ đồng bào Phật Tử kể cả Quý - vì chưa có nhân duyên với Phật Pháp, Viên Giác không ngừng nỗ lực trong việc cải thiện tờ báo mỗi ngày một thêm thích hợp với đời sống tinh thần của chúng ta.

Trong thư trước, chúng tôi có nói đến niềm an ủi mà Phật-Giáo có thể đem lại bằng cách giúp những người tỵ nạn thực được rằng sự đau khổ gắn liền với đời sống con người vốn chịu lẽ vô thường chi phối.

Những Phật Giáo không chỉ có thể, không chỉ quan tâm đến quá khứ, đến những gì đã vượt khỏi tầm tay. Mà Phật - Giáo còn vạch cho con người những mục thước, những cách thức để sống cuộc đời hiện tại, hiểu như sự dọn đường cho một tương lai giải thoát.

Trong 49 năm thuyết pháp, Đức Phật đã tùy lúc, tùy nơi và tùy người để giảng dạy. Khi huyền, khi thức, giáo lý của Ngài không bị ngăn ngại bởi bất cứ một quốc độ nào. Tinh vongai này của Phật Giáo đồng thời cũng giúp cho những lời dạy của Đức Phật không lỗi với thời gian. Tuy nhiên, chỉ nhân biết được điều này không đủ để chúng ta diệt được đau khổ. Điều cần yếu là chúng ta phải thực hành những lời dạy ấy.

Kể từ số tới, Viên Giác sẽ khởi sự đăng những bài thực hành các pháp môn sẽ giúp chúng ta thể nghiệm được chân lý của đạo Phật. Giữa lúc Tây phương đang tìm về những suối nguồn tư tưởng Đông Phương ngõ hầu giải tỏa phần nào những bế tắc và khủng hoảng do nền văn minh cơ khí và hiện tại thể giới tạo ra, việc duy trì và phát huy nếp sống thâm nhuần tinh thần Phật Giáo của chúng ta là một điều cần thiết.

Không hề nuôi lấy một tham vọng, chúng ta, dù vậy, cố gắng nghĩ rằng một đời sống khuôn theo những lời dạy của Đức Phật sẽ đem lại ý nghĩa không những riêng cho người tỵ nạn mà nó còn ảnh hưởng phần nào tới nếp sống của dân tộc đã tiếp cận chúng ta.

Bởi vì như ánh sáng đẩy lui bóng tối, chân lý Đạo Phật khi hiện thân thành những tâm gương của trí tuệ và từ bi sẽ giúp cho con người - không phân biệt màu da miền xứ - nhận ra được chính mình, làm rụng đi những bóng mây ám đạm đang che phủ tâm hồn, cũng như thời đại mà con người đang sống.

Viên Giác



I

Giờ lại những trang sử n ước Tàu, chúng ta đọc thấy có hai điều thoát nhìn như mâu thuẫn. Điều làm cho người đọc dễ ý trước nhất là những chiến bại của người Tàu trên ngay chính đất nước họ trong những cuộc chiến tranh với nước ngoài. Mặc dầu có những binh g i a giỏi, người Tàu thường không thắng nổi bằng quân sự các lực lượng ngoại xâm. Không nói đến giặc Mông Cổ trước k i a hoặc Mãn Thanh sau này, ngay như Lý Thường Kiệt của m ộ t Việt Nam nhỏ bé, mà người tàu gọi một cách khinh miệt là Nam man, vẫn đánh bại được quân sĩ nhà Tống khi ông xua quân vào châu Ung và châu Khâm.

Thế nhưng liền sau điều vừa kể, người đọc nhận thấy m ộ t điều khác cũng không k ế m phần nổi bật là sự lật ngược thế cờ chung cuộc của những cuộc thư' sức ấy. Nói rõ hơn sự đồng hóa các nước đã thắng - người Tàu bằng quân sự. Ở đây chúng ta không đi sâu v à o việc phân tách sự mâu thuẫn kia. Chúng tôi chỉ muốn n ề u lên như một sự thật lịch sử tiềm năng đồng hóa mạnh m ẽ của văn hoá nước Tàu. Để tởở đi đến một sự thật lịch - sử khác: sức đối kháng hữu - hiệu của văn hoá Việt Nam t r ước tiềm năng văn hoá vừa kể.

II

Tính chung, Việt Nam lệ thuộc nước Tàu ngót mười thế kỷ. Thời gian dù không liên tục nhưng cũng đủ khiến văn - hoá một nước phải tiêu ma nếu quả thật dân tộc nước ấy không có một sức mạnh tinh thần đáng kể, một nền văn minh v ấ n g - vàng. Hiểm họa tiêu ma ấy còn để xảy ra hơn nửa khi nước lệ thuộc chịu ảnh hưởng - dù một cách chủ động - văn hóa của nước thống trị, như trước hợp Việt Nam đối với Tàu. Về

tổ nào đã tạo nên sự tồn tại của Việt Nam? Phải chăng vì dân tộc Việt Nam hiểu chiến nên đánh giặc giỏi, đã l ấ n - lượt đánh đuổi tất cả các thế lực ngoại nhập. Nhìn hỡi hột như một số người trong đó có Kissinger dễ quan niệm, người ta sẽ dễ đi đến kết luận với vấ như trên. Nhưng dưới c á i nhìn có tính cách cơ cấu, chú ta sẽ thấy vấn đề không đơn giản như vậy. Cắt nghĩa k h á nặng đôi kháng của một dân - tộc chỉ duy bằng tính " hiểu - chiến " thì cũng gần bằng như không giải thích một điều gì. Nếu không muốn nói là nghịch lý khi chúng ta nhớ lại rằng các cuộc chiến tranh đã xảy ra trong lịch sử Việt - N a m thường do các đạo quân có tên quân Tống, Nguyên hoặc Minh, Thanh hay Pháp... đem lại. Chúng tôi thiên nghĩ thay vì căn cứ nói cách thức người VN thể hiện đặc tính của họ trư chiến trường, chúng ta nên tìm hiểu yếu tố tinh thần nào đã giúp họ, bắt buộc đối phương phải rời khỏi chiến trường - như kẻ chiến bại. Và đã nói tới tinh thần, chúng ta không thể nói tới các trào lưu tư tưởng đã làm nên tinh thần ấy.

PHẬT GIÁO

như một sức dung hóa nhiệm mầu

III

Lùi xa trong lịch sử và vào sâu tiềm thức người Việt - Nam chúng ta nhận thấy hậu n h ư mọi động cơ tâm lý của người Việt đều thấm nhuần màu sắc đạo giáo. Không giáo như những kỷ cương để trên sự ổn định ấy con người kiên định s ự tinh tâm của mình trước ngoại vật mà Lão Giáo đã coi đó chỉ là m ộ "số cấu". Sự đậm n h á t của 3 đạo này tùy theo c ấ n cốt của mỗi người, nói m ộ i tưởng sinh hoạt thường l ệ

của người ấy. Rất thường khi - chính cá nhân liên hệ cũng khó lòng thấu đáo được mình đ ấ chiusự chi phối của đạo nào nhiều hơn cả. Làm thế nào đ ể chúng ta có thể xác định được người chiến sĩ Việt Nam đang ngang nhiên lao mình vào lửa đạn kia là do lòng trung quân ái quốc. Biết đâu sự liệumạng ấy lại không là của người xem thường mọi vật, coi chính bản thân cũng là "chó rơm" thôi. Hay đó là hành động của một người muốn tẩy sáng l ộ ng tư' bi bằng ánh lửa hủy diệt chính xác thân giá tạm c ứ a mình như Bồ Tát Quảng Đức. Sự giao thoa giữa ba đạo ấy quả có điệp trùng nhưng nếu không chỉ' giới hạn nói một cá nhân mà rộng nhìn nói cơ cấu tâm linh của một dân tộc, m ộ tiêm thức tập thể nếu nói t h e o Jung, chúng ta vẫn có thể phân biệt đâu là yếu tố quyết định.

IV

Ở trên chúng ta có nói tới tiềm năng đồng hóa mạnh m ẽ của văn hoá Tàu. Một nền văn - hoá chỉ có sức đồng hóa mạnh mẽ khi nào nó đã đạt tới một trình độ cao. Việt Nam tiếp

Trương Đình Thuy

giáp với nước Tàu bị đ ấ t - trước một mâu thuẫn sinh tử khế thế khế tiếp thu nhệđiều hay nét đẹp về văn hóa c ứ a nước láng giềng không l ộ đ ể phát triển, vừa phải thường xuyên cảnh giác nguy cơ b ị nuốt chửng bởi chính văn hóa ấy. Lối thoát độc nhất c ứ a người Việt Nam là trung hòa tính đồng hoá của văn hóaTàu bằng một tư tưởng siêu vượt hơn, không ngại dung hóa nhữg dị biệt văn hóa, miễn s a o

— xem tiếp trang 39

Phật Giáo Việt Nam thời Pháp thuộc (1862-1954)

(tiếp theo số 1 bộ mới 2/81)

— Thượng Toạ Thích Hiền Chơn



Sang đời Tự Đức, năm 1849, vua sắc chỉ các chùa thành chùa công như chùa Thiên Mục, Giác-Hoàn, chùa Thánh Duyên... và cấp bằng sắc. Mỗi chùa đều có Tăng Cang trông coi chùa và Tăng chúng. Tháng 12 năm 1853 vua sắc chỉ cấp công điền cho các chùa công như Thiên Mục, Diệu Đế, Thánh Duyên, Linh Hựu Long Quang và chùa ngoài kinh đô là Tam Thai và Ứng Chân (bây giờ là Linh Ứng - Non Nước Quảng Nam), Khải Tường, (Sài Gòn).

Tới triều Tự Đức cơ hội đã chín mùi để Pháp lấy cớ Việt Nam giết đạo Thiên Chúa mà xâm lăng nước ta. Năm 1856, Pháp đề nghị muốn thông thương buôn bán và dùng làm đạo để họ lập lãnh sự tại Huế. Triều đình Huế chẳng chấp thuận. Năm 1858, Pháp cùng Y Pha Nho gồm 14 chiếc tàu và 3000 lính tiến đánh vào cửa Đà-Nẵng. Ở đây chúng ta tướng cũng nên mở một dấu ngoặc để giải tỏa một ngộ nhận theo đó các giáo sĩ Thiên chúa đã xúi dục và tiếp tay Pháp đánh chiếm Việt Nam. Sự ngộ nhận này sơ dĩ có là do sự hiện diện của Giám Mục Pellerin trên tàu Médécis. Trong thực tế, chúng ta phải nhìn nhận rằng Phật Giáo Việt Nam thời bấy giờ không được sáng giá. Vua thì chỉ lo trùng tu chùa chiền, ban sắc tứ. Tăng chúng

thì không có mấy vị am hiểu Phật Pháp. Tín đồ Phật - T u thiếu sự hướng dẫn nên dila sang con đường mê tín dị đoan, các Giáo sĩ Thiên chúa đứng trước tề trạng ấy hẳn nhiên phải tìm mọi cách để truyền bá đạo của mình, thực hiện sứ mạng vì lòng Bác ái. Chúng ta không thể chỉ trích những hành vi tử thiện ấy, cho dù đôi khi có những giáo sĩ vì không thấu hiểu giáo lý nhà Phật trở lại bài xích đạo này khiến nên hành động cấm đạo của các vua triều Nguyễn. Hơn nữa chủ nghĩa thực - dân dang dở bành trướng, Pháp cũng tìm mọi cách xâm chiếm Việt-Nam dù có hay không có sự tiếp tay của giáo sĩ, sự cấm đạo của Triều đình Huế.

Năm 1859, để quân giữ Đà Nẵng, Pháp thắng vô danh Nam Kỳ - tiên chiếm ba tỉnh miền Đông. Năm 1863 triều đình ta cử Phan Thanh Giản sang Pháp điều đình để chuộc lại ba tỉnh này. Nhưng Pháp không chịu. Chẳng những thế năm 1865 thượng thư thuộc địa Chasseloup Laubat gọi thiếu tướng Lagrandière về Pháp để sau đó phải trở sang Việt-Nam chiếm nốt ba tỉnh còn lại.

3. - PHẬT GIÁO NAM KỲ (từ 1862 đến 1920)

Sau khi thực dân Pháp chiếm

trọn Nam kỳ gồm 6 tỉnh (Biên-Hoà, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, Hà Tiên, An Giang), các nhà cách mạng thương nước miền dân nổi nhau nổi lên chống - thực dân Pháp. Gò Công có Trưng Công Định. Vùng Định Tường (Cai Lậy, Mỹ Tho, Mỹ Quý) t h u khoa Huân mộ nghĩa quân. Lại có Nguyễn Trung Trực tử quan bỏ Hà Tiên về Nhật Tảo (Tân-An) mưu đồ khởi nghĩa. Song song với sự kháng Pháp bằng vũ khí, chúng ta còn có những nhà văn nhà thơ yêu nước dùng ngòi bút để cổ võ các phong trào chống lại thực dân. Có thể kể Nguyễn Đình Chiểu viết văn khố Phan Thanh Giản. Trương công Định, tế chiến sĩ trận vong. Ngoài ra còn có Phan Văn Trị, Phan Văn Đạt...

Phật Giáo thời Nam Kỳ thuộc Pháp trải qua bao cảnh khổ đôn. Chùa chiền bị triệt - hạ và bị bắt buộc dời ra ngoài - ô, nhường chỗ cho việc xây cất nhà thờ. Có nơi tăng chúng bị đuổi ra khỏi chùa, để các linh mục tạm thời làm nơi xem lễ khai đạo (lúc chưa có nhà thờ Đức Bà). Chín cảnh chùa ở Sài Gòn bị san bằng là:

1. - Chùa Kim Cương ở trung tâm Sài Gòn và Chợ Lớn. Vị trí chùa này nay là Tổng Nha Cảnh Sát Quốc gia. Chùa được kiên tạo năm 1756 thời chúa Thế-Tôn do Qui Nhơn và Du T ả ng Đạt Bốn Hoà Thượng được kế - thừa cả mấy đời, được triều đình Huế thừa nhận, sắc tứ ban vàng, trợ cấp tài chánh.

Sau dời chùa Thế Tôn là Chúa Mục Vương Nguyễn Phúc Thuận - vì chính chiến với Tây Sơn, nhường ngôi cho đông cung - vương lên làm Tân chánh Vương Mục Vương lên làm Thái Thượng Vương đã cùng triều thần văn võ nhóm họp nơi ngôi chùa - lịch sử này.

2. - Chùa Khải Tường do chúa

Nguyễn tạo cầu phúc cho Thái
Tư Đóm tức vua Minh Mạng. Vị-
trí ở trường y khoa cũ góc -
đường Trần Quý Cáp Sài Gòn.

3.- Chùa Ông Phúc cũng gọi
là chùa Phật lớn gần thành Ô
Ma bị Pháp dỡ năm 1865.

4.- Chùa Kiến Phước, nói Nguyễn
Tri Phương làm căn cứ chống
Pháp, một phần ở bên đường
Nguyễn Văn Thoai, một phần ở
về Đông Đô số 20-23 ngang tở
trường nữ tức trường bà Đám.

5.- Chùa Pháp Võ vùng C h ở
Quán bị Pháp dỡ sau năm 1863

6.- Chùa Phước Hải trong vòm
bệnh viện Chợ Rẫy bị Pháp dỡ
năm 1865.

7.- Chùa Phước Hưng trên đường
Hồng Bàng bị Pháp dỡ năm 1864
nay còn lại ngôi tháp ở kính
đường Nguyễn Tri Phương.

8.- Chùa Kim Tiên ngang chợ
Quán bị Pháp dỡ năm 1863.

9.- Chùa Già Diển phía trong
Chợ Quán bị Pháp dỡ năm 1865

Ngoài việc dỡ chùa, thực dân
Pháp còn buộc các sư phải -
nộp thuế thân, phải đi lính.
Nơi nào chùa có đám tiệc phải
xin phép; nếu không sẽ bị phạt
bị tội. Tình trạng khốn đốn
của Phật Giáo buổi này chẳng
khác nào đóng cửa để chờ chết
vì chẳng còn hệ thống, tổ chức
như trước kia. Thực dân Pháp
cố tình cắt đứt sự tổ - hợp
của Phật Giáo vì sợ dân chúng
mؤمن của chùa quy tụ người -
chống lại họ. Tăng giới thời
này chẳng biết làm gì hơn -
trước sự dòm ngó theo dõi của
mật thám Pháp. Sự sinh - hoạt
do đó trở nên rời rạc, vô tổ
chức. Tuy vậy vẫn còn một số
Tăng giả tiến bộ, có thức học
thực tu tìm mọi phương cách
đầy trí mới đạo. Các Ngài hờ
hào phải duy trì Tông lâm qui

chế của Đạo Phật. Mỗi năm tứ
mông tám, mông 9, mông 10 đến
rằm tháng tư xin phép chính
quyền thực dân tổ chức kiết
hạ an cư (cũng gọi là trường
huống). Phép tắc được chính
quyền phê chuẩn nhưng bị xét
nét mọi bề để xem có tánh -
cách chánh trị hay không.
Trong thời kỳ kiết hạ này,
từ 10 tháng 4 đến rằm tháng
bảy, Tăng chúng hội họp để tu
học luật, kinh do các danh
tăng giảng dạy. Thời này theo
trong Phật Giáo, các vị giảng
sư ấy được gọi là Pháp Sư.
Mãn hạn kỳ 3 tháng ông Chủ
trường Hương tức chủ chùa đã
chủ trương tổ chức nơi ẩn
chôn ở cho tăng chúng mở -
thêm giới đàn, truyền giới
cho chư tăng xa gần đến thọ.
Đó là khai kỳ và người tổ
chức gọi là chủ kỳ. Đàn giới
chia ra ba hạng.

1% Giới Sa Di (10 giới)
2% Tỷ Kheo (250 giới)
3% Bồ Tát (10 giới trọng 48
giới khinh).

Chư tăng đứng đàn truyền -
giới gọi là Tam sư thất chúng
tất cả là 10 vị: một Đền đầu
Hoà Thượng, một Kiết Ma, một
Giáo Thọ và bảy vị tôn chúng.
Khi được truyền trao giới -
pháp xong, giới tử lãnh giới
diệp có ấn ký của 10 vị kể
trên cùng Hoà Thượng chứng
minh và ông chủ kỳ. Cũng nhân
giới đàn ấy, gọi là Trường kỳ
cấp phát văn bằng cho các
sư có tài đức làm chức Giáo
thọ, Kiết Ma, Hoà Thượng. Các
sư được cấp bằng phải cúng
cho ông chủ tổ chức giới đàn
một số tiền hỗ trợ việc tôn
phí. Phật Giáo thời kỳ này
lấy danh nghĩa ngày kiết hạ
cho là Tông Lâm qui chế, cố
lễ để giáo hoá tăng tín đồ.
Nhưng rối lộn lẫn cũng tước
đi đến nhiều tệ trạng cho PG
xứ này. Nếu may gặp được ông
sư chu hương chốn chánh chử
màn lợi danh thì chẳng có gì
để nói. Rủi gặp ông sư tổ -
chức kiết hạ để lợi dụng làm

tiên thì tai hại cho Phật Giáo
rất nhiều. Vì lẽ ấy, tăng chúng
càng ngày càng xa đạo pháp,
chẳng ai kiểm soát được ai. Sự
này làm quấy, sự kia sai theo.
Cứ mãi chạy theo lợi danh hư
giả, nơi cửa tử bị bán bả n g
giáo thọ, Kiết Ma, Hoà Thượng..

Đáng buồn hơn nữa, chức tước
chẳng thiếu gì, nhưng lượng người
tài đức để duy trì đạo Pháp -
không phải ở văn bằng giả dối
ấy. Ngoài các kỳ kiết hạ ra, có
những chùa còn thừa kế giảng -
dạy Luật kinh cho chư Tăng.
Tuy Hán học đã suy tàn, các
chùa lại cứ theo kinh văn Hán
tứ, bởi thế giáo lý của Phật
chẳng làm sao phổ biến rành
gian. Buổi này Đạo Phật chỉ còn
là cầu an, cầu siêu, cúng đám
vậy thôi. Những chùa có truyền
kế để tăng chúng lục tinh đến
học kinh, luật nhờ đó duy trì
đến ngày Phật Giáo chấn hưng -
(1920) là chùa Giác Viên, Tứ
Ấn tại Sài Gòn Chợ Lớn, chùa
Trưởng Thọ, chùa Long Huệ ở Gò
Vấp, Gia Định. Kế nữa là chùa -
Giác Lâm, miệt Phú Thọ Hoà. Ở
Lục Tinh có chùa Tân Long tại
quận Cao Lãnh, chùa Long Phước
ở Vĩnh Long. Cũng có thể kể
thêm chùa Long Triều, chùa Kim
Cang (ở Cầu Voi) đều thuộc tỉnh
Long An. Một vài chùa chỉ truyền
lại từ Thầy đến trò thì suy vi
chẳng có người nối nghiệp nữa
như chùa Linh Tuyên ở Gò Công
chùa Hội Linh ở Cần Thơ, chùa
Long Phước ở Bạc Liêu.

Cái tệ trạng của Phật - Giáo
buổi này, ngoài các Tăng chôn
chánh, đa số các chùa chỉ
chuyên về đám sá (đốt mã phá
ngục) lập gánh hát gọi là hát
Phật, diễn tuồng Mục Liên Thanh
Đế, Tam Tang thỉnh kinh, Tế -
Thiên phá động yều v.v....

Từ năm 1907 tới năm 1920 có
một số ít tăng đạo hạnh, trụ -
trì chùa cao Phật Lớn như Hoà
Thượng Tâm Thông chùa Trưởng -
Thọ (Gò Vấp - Gia Định) Hoà Thượng

Tứ Phong chùa Giác Hải (Chợ Gạo Phú Lâm) Hoà Thượng Hoà Nghĩa chùa Giác Viên (Chợ Lớn), Hoà Thượng Tứ Văn chùa Hội Thánh (Thủ Dầu Một) Hoà Thượng Huệ Tịnh chùa Linh Tuyên (Gò Công), Hoà Thượng Tứ Văn chùa Tân Long (Cao Lãnh) Pháp Sư Hoà Đạo chùa Hội Linh (Cần Thơ) Hoà Thượng Mẹ Nội, tục gọi như thế, chùa Phước Lâm (Sa Đéc) nổi danh - biện luận gia đệ nhất. Xuất sắc nhất là Hoà Thượng Khánh Hòa chùa Tuyên Linh (Bến Tre)

4.- PHẬT GIÁO BẮC KỲ TỬ 1882 tới 1932:

Thực dân Pháp sau khi thôn-tính Nam Kỳ, liền thực -hiện tiếp chương trình đồ hộ của họ .Năm 1873 họ đánh thành Hà Nội lần thứ nhất. Trong -trận này chúng ta thiệt mất đại trung thần Nguyễn Tr i Phương. Ông là tay thao lược giỏi nhất thời này n h ù ng trước khi giới tối tân ông đánh phải thua trận. Bithuóg nặng ông không chịu bằng bó đê' vậy cho tới khi trút hơi thở cuối cùng. Năm 1882, Pháp đánh Hà Nội lần thứ 2. Chúng ta lại mất thêm một vị trung thần nữa: Tổng Đốc Hoàng Diệu. Ông tự kết liễu cuộc đời, không để rơi vào tay giặc.

Sau khi chiếm nốt Bắc Kỳ , Pháp cho triệt hạ nhiều chùa lớn xây dựng từ thời Lý Trần. Về chính quyền họ áp đặt chế độ bán thuộc địa, cai trị dân ta xuyên qua các quan l a i Việt Nam. Trong một hoàn cảnh như vậy, nội tình Phật Giáo càng ngày càng suy vi hơn - trước. Mặc dầu các bản kinh được khắc từ nhiều đời trước còn lưu lại, nhưng tệ trạng mê tín dị đoan còn gúa hơn trong Nam Kỳ. Dân chúng thờ phượng thần thánh một cách - hỗn loạn, chẳng khác nào đ a thần giáo. Tê đoan này k é o

dài mãi tới gần năm 1932 mới lần lần chuyên hướng đotiênđội của phong trào chấn hưng tu Nam Kỳ.

5.- PHẬT GIÁO TRUNG KỲ TỬ 1883 tới 1931:

Chiếm Nam Bắc xong, năm 1883 thực dân Pháp thôn tính nốt Trung Kỳ. Chúng đặt thế' c h ế bảo hộ, theo đó vua quan trực tiếp trị dân. Nhưng thực - tế thì mọi việc đều do viên Khâm sứ Pháp quyết định. Trong triều đình Huế lúc bấy giờ - vua Tự Đức đã băng hà, quyền - hành nằm trong tay Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết. Bên ngoài thì thực dân Pháp ế p hức, bên trong lại diễn ra trở phe' lập không ngừng - Hiệp - Hòa bị đầu độc, Kiến Phước bị hãm hại, Hàm Nghi lên ngôi - nước ta bị rơi vào tay Pháp - là điều không tránh khỏi.

Năm 1885 Tôn Thất Thuyết bắn đại bác vào Tòa Khâm Sứ. Pháp phản công chiếm đồn Mang Cá và Hoàng Thành. Tôn Thất Thuyết đối vua Hàm Nghi ra Thánh Tên Sớ (Quảng Trị), sau giao sớ mang vua Hàm - Nghi cho Phan Đình Phùng phát c ở Cần Vương chống Pháp.

Chẳng mấy chốc Trung kỳ được bình định do sự trưng trị dã man của Pháp trước phong trào cần vương vừa kể, cũng n h ư phong trào Văn Thân. Phật Giáo thời này bị chi phối b ở i tình thế' đất nước, đều có còn cũng chỉ về hình thức thôi . Trong các chùa công như Thiên Mụ, Diệu Đế, thuộc bộ lễ trông coi, có cứ' chức Tăng Cang trụ trì, được cấp như bổng hắng tháng. Tại Thừa Thiên và Kinh đô các chùa tự tổ chức thành Sơn Môn gọi là chi' Sónđ liên lạc nhau trong tinh thần Phật Giáo. Các tỉnh khác cũng đều theo cách tổ chức ấy. Nhưng có tệ trạng là các sư hay cầu

cầu cạnh các cụ, tức các quan để nhờ bộ lễ cấp sắc tứ cho chùa vào chức Tăng Cang, Trụ Trì, Tự Trưởng. Đây cũng l à cách mua bằng cấp chức tước, giống như ở Nam Kỳ các sùnua bằng Giáo Thọ, Kiết Ma, kéodài tới năm 1945 mới chấm dứt. Đa số chùa chiền sinh hoạt chẳng khác nào nhà riêng của vị trụ trì. Chi' một vài nơi có q ú i vị học rộng, thấy xa về đ a o lý, đem khả năng giáo hoát tăng đồ như các chùa ở Phú Yên và Bình Định, Huế. Gần đây nhất là Hoà Thượng Phước Huệ c h ù a Tháp Tháp tại Bình Định. Dưới triều Thành Thái Ngải được - mới ra Huế giảng dạy trogdại nội (nội cung) và chùa Tây - Thiên. Xứ Trung Kỳ chỉ có chùa Tháp Tháp chứa ba tạng kinh xưa (mộc bản) do Ngải Nguyên - Thiệu Hoàn Bích đã thỉnh hồi triều chúa Nguyễn Phúc Lan từ bên Tàu đem về Việt Nam - đầu thế kỷ 17.

Xét kỹ về Phật Giáo Trung Kỳ cũng như Bắc Kỳ, mặc dầu Hán Văn mới chấm dứt trào Thành - Thái, thế' mà trong dân gian chẳng mấy người được am tường Phật Giáo. Phải chăng Tăng đồ kém truyền bá hay Phật Giáo đã đến lúc suy đồi. Riêng Nam Kỳ, Hán học đã chấm dứt từ năm 1862 chẳng kể làm gì. Thời kỳ này kinh điển Phật Giáo toàn là Hán Văn, chưa ai dịch chú nào cả. Sau rồi lần nữa tới - năm 1931-1932 có cơ hội thay đổi lần.

(còn tiếp)



Đề đề đơn một nền
Phật Giáo Dân Tộc



Lẽ Nhạc
của P.G.V.N

— Minh Hạnh —

Nguyễn Doãn Can Lộc sưu-lục

87

Trong gần một thế kỷ nay lẽ nhạc của Phật Giáo Việt Nam đã không năm vững được kỹ thuật kỳ diệu và cao tuyệt của lẽ nhạc thời xưa. Cái sa sút ấy chúng tôi suy đi đi của Đạo Phật về mọi mặt: giáo lý, hành trì, tu chứng và truyền bá. Lẽ nhạc là phần phát hiện bên ngoài của một văn hóa. Mà văn hóa Đạo Phật là một nền văn hóa siêu việt thì cố nhiên lẽ nhạc của Phật Giáo phản ánh của nền văn hóa siêu việt ấy, cũng phải có những bản sắc siêu việt.

Chúng tôi rất lấy làm buồn tủi khi thấy kho tàng quý giá của tiên nhân để lại hiện nay không còn được quý trọng như xưa; người ta đã hờ hững xem thường, và đôi khi còn muốn huỷ hoại đi là khác nữa.

Nghiên cứu lại lẽ nhạc Phật-Giáo Việt Nam ta thấy văn hóa Phật Giáo Việt Nam ngày xưa đã đến một trình độ khó diễn tả bằng lời nói. Thật vậy, chớ tội đã say mê những nét sáng sủa huy hoàng, những nét thanh hùng uy nghiêm, những nét nhẹ nhàng uyển chuyển, những nét giải thoát nhiệm mầu khi bước chân vào ngôi nhà lẽ nhạc PG.

Từ một nghi thức tụng niệm, một khóa lễ hằng ngày cho đến

một nét nhạc xứng dương Tam Bảo, tất cả đều diễn tả một trình độ tu chứng thanh thoát, một tâm niệm giải thoát vô ưu.

Hãy đi tìm nếp sống văn minh của những Phật tử ngày xưa trong lẽ nhạc! Ta sẽ thấy tâm hồn ta nhẹ nhàng thanh thoát khi thoáng thấy, nếp sống an hòa tĩnh lạc của họ. Ta sẽ ước ao trở về với nếp sống thuần tịnh để tâm hồn khỏi vướng bận những rộn ràng của kiếp sống xao động hiện nay.

Hãy tìm đến một ngôi chùa xưa năm yên lặng bên một nếp đồi, dưới rừng thông xanh đậm và cao vút. Mái chùa uốn cong nhẹ nhẹ, không vươn lên một cách ngạo nghễ như những kiến trúc làm tiền nhiều bậc của Trung Hoa. Tam quan hùng mạnh uy nghiêm nhưng vẫn hiền từ đón tiếp chúng ta như một bà mẹ hiền triêu mến nhìn đứa con đi xa mới về quê cũ. Tâm hồn ta yên tĩnh khi bước vào sân chùa, vòng quanh hồ bán nguyệt thả sen đi lên chùa dưới hàng sen cao vút như những chiếc long to lớn. Trong hơi gió thoảng ta nghe tiếng chuông giatri khoan thai điểm trong nhịp mõ đều đều và âm áp. Tiếng mõ trầm trầm và lắng lắng kia không phải có ra do một sự tình cờ. Đó là công phu của biết bao nhiêu ngày tháng. Gõ dùng đục chạm trên chiếc mõ ấy đã được lựa chọn hàng tháng trong các thứ cây. Nghệ thuật đục mõ đã quyết định âm thanh của mõ. Có những chiếc mõ mà tiếng âm n h ư nắng mùa xuân, dịu nhà lối nói ôn tồn của vị sư già ngồi xếp bằng trên toa cu, bên cạnh chiếc án thủ đề n bóng. Chúng ta hãy đến các ngôi chùa xưa nhất để thọ trì một thời kỳ và để thử xem âm thanh của những chiếc

mõ. Toàn là những thứ mõ rất quý giá mà âm thanh thanh ngọt ngào, êm dịu. Buổi chiều đứng trên hồ sen nghe tiếng mõ trầm trầm đưa tiếng kinh lan rộng, tâm hồn ta thanh thoát không biết chừng nào. Nhưng đến các chùa mới lập, ta không thể nào chịu nổi khi nghe tiếng mõ chát như ôi non và loãng như nước gạo. Một người thợ đục mõ vừa đến chùa Linh Sơn hơn bốn mươi chiếc mõ con để dùng cho tu gia, mà chúng tôi đã không chọn được chiếc nào có âm thanh chứa được đạo vị. Nếu không có một khiếu thẩm âm của nhà thiền, ta sẽ không chọn được thứ mõ có âm thanh đạo vị và giải thoát. Còn ch chuông! Đó là một công phu tinh tế hơn nhiều. Nghệ thuật pha đồng, nắn khuôn để tạo nên một cái chuông có âm thanh thuyên vị không phải là một nghệ thuật thô sơ. Hình dáng của chuông, sự dày mỏng của những bộ phận trong chuông, công thức pha trộn các thứ kim khí đã quyết định giá trị tiếng nói nhà "thuyên". Nghe tiếng đại hồng chung của chùa Linh Sơn Đà Lạt rồi về Huế, nghe tiếng chuông Tứ Hiếu hay Linh Mu, ta thấy khác nhau đến thế nào! Đại hồng chung của hai ngôi chùa, âm thanh mơ hồ thuyên vị làm sao. Trầm lắng và âm áp thanh tao. Trong khi ấy chuông chùa Linh Sơn chỉ là một tiếng đồng lạnh lẽo, rời rạc và âm trầm. Nghệ thuật đục chuông ghi còn sót lại ở nhóm đạo hữu k h u ôn Dương Biểu, nhưng ai có thể quyết chắc rằng nghệ thuật đó đã không mất dần đi giá trị cũ? Tiếng chuông của chùa Viên Giác Cầu Đất tương xứng cho nghệ thuật. Dương Biểu làm sao so sánh với tiếng chuông Báo Quốc, tiêu biểu cho nghệ thuật đục chuông ngày xưa?

Giáo Dương Biếu chịu khổ trở về nghe lại tiếng chuông nguyễn xưa và quan sát hình thức cũng cách chế biến của những quả hồng chung cô điển, cô gắng để đào luyện một tâm hồn đạo vị và một khiêu thâm âm tính tế. Chúng tôi tin chắc rằng Dương Biếu có thể đưa cao nghệ thuật đức chuông lên như cũ được.

Mãi nói chuyện về chuông mõ ta bước vào Lạc Nghĩa Đường mà không hay. Nhìn cách bài trí trong Lạc Nghĩa Đường ta cảm thấy ngất, hướng thuyên vị. Ba chữ Lạc Nghĩa Đường xướng kính uy nghi ngứ trên tâm hoành gỗ lim nân u bông, mát dịu. Tường với màu khôi hướng nhất. Những bức đồ, những trường kỷ, những bộ đoàn có học đồ, cho đến những cột kèo chạm trở tinh vi đều mang một màu nâu bông làm mát rười cả gian nhà. Nếu ta vừa ở ngoài nắng vào, ta sẽ thấy mát mẻ như tắm mĩn h trong dòng nước trong. Màu sắc thanh nhã và uy nghi làm cho ta không dám nói lớn tiếng và không dám lễ quốc hưng hổ trên nền gạch nân u sẫm màu. Thật khác hẳn với cách trang hoàng của những ngôi chùa mới: từ cái khăn trải bàn màu rực rỡ, đến nhũ bức họa lấm màu treo trên tường, những bộ bàn ghế đánh véc-ni bóng lộn, những bình họa giấy lõe loet... cho đến những lũ cờ năm sắc treo cùng nói khắp chốn làm cho ta nhức mắt như khi bước vào một hiệu tạp hóa của người Tàu. Thật không còn gì là đạo vị nữa.

Ta hãy nhìn xem bộ ghế "gựa đống" nằm chính giữa. Chỗ ấy là nói vị Thượng Toạ trước lão ngôi, và dù khi người khách ngồi đây mà đi ngang qua, tự nhiên ta cũng phải cúi đầu. Trong đại chúng, không một ai dám có tư tưởng ngôi thứ

lên đây để xem cô cảm giác thế nào, vì đạo hạnh uy nghi của vị trưởng lão đã làm cho mọi người kính sợ. Ở đây tùy theo tuổi tu và tùy theo đức hạnh, có một trật tự tôn ty rất hợp lý và nghiêm ngặt. Không một vị tăng nào, dù là cao cấp, dám ngồi ngang Thứu Toạ. Các bậc tỷ kheo nhỏ tuổi và các Thầy Sa Di, mỗi khi hầu chuyện phải đứng một bên, hoặc nếu người cho phép sẽ bắt chiếc ghế con ngồi ghé một bên rất khiêm tốn. Nói gì đến các vị cư sĩ tại gia; khi vào chùa, họ không dám động mạnh và khi gặp Thượng Toạ, làm người sụp xuống đánh lễ. Sự tôn nghiêm và lễ giáo này không có một tí gì là "phong kiến" hay "giai cấp" cả; ở đây không hề có sự bóc lột: nhân cách và đạo đức của người tu - hành đã cảm hóa được mọi người. Và lẽ nghi chính là do tình thân đạo đức hình thành. Đánh lễ một vị Đại Đức, tâm hồn ta thấy an tịnh, thuần kính, không phải như khi ta bị cưỡng ép phải cúi đầu ở trước một vị công chức hống hách. Ta tìm thấy trong những lễ nghi thuần căn cứ một nếp sống có quy hướng, có mục đích, những tâm hồn thuần căn kính tín, khẩn thiết và chí thành. Chúng tôi không biết ăn làm sao nói làm sao khi thấy lối tiếp khách của một vài ngôi chùa mà tăng - tục bình đẳng một cách sơ sài, làm người xem bậc tăng già không ra gì: không biết sự thuần căn của họ làm sao mà có được để họ tự xưng mình là Phật Tử? Hoặc giả cũng vì tại các bậc tăng già ấy chưa có một đạo đức thâm sâu để phát ra một nhân cách đáng xưng tụng cũng nên.

Trên chiếc tủ cổ kính dưới bức Lạc Nghĩa Đường đứng một thạch bàn cổ nhưng đường vân hình một vị Bồ Tát đang ngồi

thiền tọa. Đối diện với bức "Lạc Nghĩa Đường" là một bức hoành bằng gỗ, màu cánh dán, trên khắc mười lăm lời đại nguyện của một vị tổ khai sơn. Phía tả, chân dung Đức Quán Thế Âm bằng nét thủy-mạc linh động, lồng trong một chiếc khung thật lớn. Nét vẽ thân điều diện tả được một phần nào vẻ thanh tú và id bi của đấng đại sĩ. Lối trang hoàng thật thanh nhã, thật công phu, sự sắp đặt trong ngôi nhà thật có thú vị sít sao, màu sắc và hình dáng ăn khớp với nhau để tạo nên một khung cảnh thuyên vị, khác hẳn lối trang hoàng ồn ào ở những phòng khách của các chùa "tân thời" ngày nay.

Tiếng guốc mộc khoan thai báo cho ta biết rằng nhà tu hành sắp ra. Ta đứng dậy đến đón chào người. Nụ cười hiền dịu của ngài làm ta dịu cả tâm hồn. Người ngồi xuống trên chiếc bục kê sát một bên. Trong khi chủ điều soạn khay pha trà, dáng điệu nhẹ nhàng và cung kính trong chiếc áo năm thân màu lam, ta lễ phép đáp lại một vài câu hỏi hiền từ của nhà tu hành đang kính. Màu áo nân u sẫm của Người, sao ta thấy tinh khiết và đẹp để quý a chúng. Màu nâu sồng là một màu thanh đạm, trầm mặc, nhưng kiên nhẫn, chưa đầy hùng lực. Thật là một màu sắc được chọn lọc của đạo Phật nước nhà, thích hợp với tinh thần đạo lý Đông Phương và ngất màu quê hương xứ sở. Đạo Phật Việt Nam từ ngàn xưa đã được nhìn qua màu nân u sống thanh nhã và trầm hùng. Các vị tăng già chỉ đáp y-vàng khi vào lễ Phật và khi giảng kinh thuyết pháp. Pháp phục, vì vậy, được tôn trọng ngang với kính điển. Tăng già của Cao Môn, Tích Lan dùng y vàng luôn luôn trong cang ngày

nền màu vàng trở nên tâm thuồng không gói được niềm cung kính tuyệt đối như màu vàng của "vàng son điện thép" của Đại Hùng Bửu-Điện. Một vài vị Tăng già sang Xiêm, sang Tích Lan, sang Lào, khi về muốn chữ Tăng già Việt Nam đôi phẩm phục, dùng y vàng. Các vị ấy về khố có kiến thức về văn hóa của nền Phật Giáo dân tộc và cở truyền của đất nước cho nên mới có ý tưởng vong bản v à ngoại lai đó. Màu sắc nàu sống của Phật Giáo nước nhà đã trở nên thiêng liêng, mạng đayhôn dân tộc, hôn đất nước, chúa - đưng bao nhiêu ý nghĩa về đức tánh trầm hùng, tướng trảng - cho một nền Phật Giáo lịch sử có những thời đại huy hoàng như Lý, Trần ngày trước. M à u nàu sống của Phật Giáo Việt Nam bắt diệt! Tinh thần Phật-Giáo truyền thống và dân tộc đòi hỏi như thế, và không cho phép chúng ta đi xa mất gốc. Tôi không biết các vị du học tăng kia, khi cở động cho Tăng già Việt Nam đổi màu sắc của phẩm phục, có cở động cho Tăng già Việt Nam... ăn bặc b à ng tay và ăn mấn dùng cả cá thịt và Cà-ri như Tăng Già Tích-Lan hay không?

- Khi các bậc Tăng già Việt Nam hành lễ, thì cở áo k à u màu khôi hướng và ngoài thì đay ngũ điều, hay nhi thập ngũ điều, tùy theo trường hợp khinh trọng và tùy theo giới-lap đức hạnh của mình. Trang-nghiêm và thành kính không - biết chừng nào mà kể.

Sau khi cung kính nhận lấy hai lần chén trà thơm ngát - mùi hoa mộc, hoa sồi, chúng ta đứng dậy xin đi vắng cảnh - chùa. Vị Tăng già đáng kính với nu cữ bi hiền dịu, báo chú điều lấy nón cho Ngài, r ò i à uà chúng ta đi ra vườn cảnh.

Dưới ánh nắng mai, hình dáng nhà tu hành dưới chiếc n ò n

thật rộng vành - có đến hai mươi mấy vành là ít, trông - khoan thai, điềm đạm và ung dung một cách lạ lùng. Thật là hiện thân của đạo hạnh, của giải thoát. Ta nhớ lại là đã cở trông thấy một v à i vị tăng đôi mũ tây, cở x e đay phòng nhanh trên đường đô thị. Sao mà khó nhìn đến thế! Trông một vị đôi mũ tây ta thấy mất đi hết một nửa con người của nhà tu hành, và cảm thấy khó chịu. Có l ẽ các vị cho là tiện lợi. Chúng tôi đồng ý là cở thế đ ã t ra những thứ che dấu thích hợp và tiện dụng hơn nòn là những với điều kiện hình - thức của những thứ ấy phải - thích hợp với tinh thần đạo đức đông phương. Nhìn một vị Tăng đôi mũ áo giầy, t ò i tưởng như đang nhìn một giáo sĩ tây phương đang đi l à m việc xã hội. Không! Phật Giáo Việt Nam phải có những hình bóng tăng già tướng - trảng cho nên đạo tử bi và giải-thoát: toàn thể con người của một nhà tu phải là một bài thuyết pháp không lời. Đôi cái mũ tây và cở những c ú đống lẳng xẵng, thiếu khoan thai, thiếu phong độ, tức là đã phản với hình thức và nội dung của bài thuyết pháp.

Chúng ta viếng những mộ tháp và để ý nhìn lối kiến trúc cổ điển của Phật Giáo dân-tộc. Những đường cong thanh-tử, những chạm trổ tinh v i mà mỗi nét mỗi hình, tượng trưng cho mỗi ý đạo: khô, khố, vô thường, vô ngã, diên tam một tinh thần phong phú đạo lý, lành mạnh, vững chắc trube - moi biến thiên. Nhìn những kiến trúc đặc biệt ấy c ú a tiên nhân rồi nghĩ đến những ngôi chùa mới đưng, ta hoảng hốt thấy rằng kiến trúc của Phật Giáo Việt Nam hiện thời đang đi đến chỗ phá sản. Nhiều chùa đã xây dựng như nhà tây. Phần nhiều đều lai:

lai đình miếu còn khá, lai Cao Mên, lai rap hát, lai tây v à hai nhất là lai nhà thờ. Ngôi chùa sư nữ nào đó ở Phan - Thiết đã có những cửa đi xây dựng theo kiểu "art gothique" của nhà thờ Thiên Chúa. Không khéo, vào các chùa ấy và nghe hát những "bản nhạc Phật" mới sáng tác theo điệu Gia-tô, ta sẽ tưởng lầm là ta lạc vào một cái nhà thờ mất. Nguy hại cho nền Phật Giáo dân - tộc biết chừng nào! Mong rằng tá nay những ngôi chùa mới, như chùa Xá Lợi hay một ngôi chùa toàn quốc tưởng lai chẳng hạn sẽ trở về được với kiến trúc cao đẹp của Phật Giáo Việt - Nam cổ điển và nếu có dung cái, sẽ dung cái theo những luật tắc nằm sẵn trong kiến trúc truyền thống.

Đi vắng cảnh xong, ta xin phép nhà tu vào chánh điện lễ Phật. Thới kính sáng chùa chằm dứt Chúng ta cở giầy, bỏ guộc, mặc áo tràng lam, và, trước khi bước vào chánh điện, ta nhâm lại câu mà các vị tăng già - mỗi khi nhìn thấy Phật, đều đọc lên để xưng tán:

"Kiến Phật tướng hảo, chóng nguyện chúng sanh, đặc thanh-tịnh nhân, kiên nhất thiết Phật".

"Thấy tướng Phật đẹp, xin - nguyện cho chúng sanh đều đặc đức pháp nhân thanh - tịnh để thấy tất cả chú Phật mười phương"

CÁC VỊ TĂNG GIÀ MỖI KHI ĐI ĐÚNG, LÀM VIỆC, ĐỀU Ý THỨC ĐƯỢC CÔNG VIỆC MÌNH VÀ LUÔN LUÔN NHIỆP ĐƯỢC THIÊN NIỆM - NHỚ ĐỌC NHỮNG CÂU KỂ N H Ư THỂ, THỨ LẬT CUỐN "TỶ NI NHẬT DỤNG THIẾT YẾU" RA XEM, TA SẼ THẤY NẾP SỐNG TINH THẦN CỦA NHÀ TU GIÀU THỊNH VÀ Ý NGHĨA KHÔNG BIẾT MÀY MÀ NÓI, RÚA - TAY CÁC, VỊ ĐOC: , "Đi thuy quán chúng, chúng

nguyện chúng sanh, đặc thanh tịnh thủ, thọ trì Phật pháp"

"- Lấy nước rửa tay, nguyện cho chúng sanh đều được hai bàn tay trong sạch để thi hành và nắm giữ Phật pháp".

¶ nghĩa bao gồm trong những câu ấy thật sâu xa, súc tích cho đến một việc "tâm thường nhất như khi đi đại tiểu tiện, các vị cũng đọc:

"Đại tiểu tiện thời, đương nguyện chúng sanh, khứ tham sân si, quyên trừ tội phạp".

"- Khi đi đại tiểu tiện, xin nguyện chúng sanh tổng ra ngoài những tham sân si, và dứt sạch mọi tội lỗi".

Đang kính phục thay, nếp sống đạo vị ấy. Tất cả chỉ là lễ nghi và lễ nghi. Lễ nghi với đạo là một. Thấy một đờn g nước, rửa mặt, rửa chân, ngồi ngay thẳng, thắp một cây đèn uông một tách nước... Các Ngài, đều đọc một câu đầy ý nghĩa để nhiếp phục tâm niệm. Buổi khuya nghe chuông tĩnh dậy, cho đến buổi chiều tĩnh tọa để an nghỉ, suốt ngày, nhớ tu hành nhiếp được tâm niệm trong chánh đạo, trách gì chánh niệm không chóng thành tựu. Đọc hết cuốn sách ấy, ta đã thấy được cái cao đẹp vô biên của nếp sống đạo lý.

Nhưng kia, tiếng chuông gia trì đã ngân nga trong trẻo dịu dàng và âm áp. Qua khỏi trầm hương, ta nhìn thấy đức Phật với nụ cười muôn th阜. Nghệ thuật điêu khắc xưa đã diễn tả được nhiều đức từ - bi, trí tuệ và hùng lực. Thi sĩ Thanh Tịnh, một đêm đứng trước bàn Phật của một ngôi chùa cổ chôn thân kính, đã cảm động mà có hai câu thơ: "Gió luôn khe cửa chào đèn Phật,

Một nụ cười xua phạp t h nguyên.

Cảm giác thật là cảm - giác hiển diệu của ta khi đứng trước cảnh tôn nghiêm của chánh điện. Lối thờ tự, tuy mới nhìn thấy như phiến phức nhưng thật ra có một trật tự không thể nào thay đổi. Mỗi bàn, mỗi tượng, mỗi nhạc khí chuông mõ, linh, tạng, trống... đều có một địa vị nhất định không thể thay đổi. Trật tự ấy có một ý nghĩa sâu sắc, chứa đựng một triết lý, biểu lộ cả một văn minh tinh thần cao đẹp. Các nhà mỹ thuật thấy đến viếng các ngôi chùa xưa để ngắm những tượng La Hán để rồi khiếp đảm trước những nét kỳ diệu của điêu khắc cổ điển Phật Giáo Việt Nam. Ở miền Nam, hãy đến chùa Vĩnh Tràng, Mỹ Tho, vì ở đây cũng có nhiều di tích của nghệ thuật ấy.

Nhắc chi đến cách bài - trí bàn Phật bây giờ cho đ a u lòng. Tượng Phật chỉ chuông - màu sắc lờ lờ. Đèn điện trở trào, đèn ống phơi bày văn minh cơ khí một cách kỳ dị không phải là ta không thể dùng điện, nhưng hãy đ ù n g kín đáo, và không thể bỏ nên, vì nên là một trong những - thứ phải có để cúng dường - Tam Bảo cho trang nghiêm.

Ta lắng nghe tiếng xướng uy nghiêm của vị chủ lễ, tiếng xướng tán Tam Bảo trang trọng mà quy kính như ánh nênlung linh trang nghiêm. Tiếng, chuông mõ khoan thai mở đầu cho khóa lễ. Phải có một tâm hồn điềm đạm và trang nghiêm làm mới điem được những tiếng chuông và những tiếng mõ trọng như thế kia. Chúng tôi nhớ lại một buổi lễ của gia đình Phật Tử. Cũng mõ ấy, chuông ấy, nhưng chất chứa và lung củng vô cùng. Bối cảnh tình các em còn nóng nãy,

vút chạc hồ hững. Ta lại gần để xin thỉnh một tiếng chuông. Nhẹ nhàng, ta cầm dùi chuông lên, trong lòng yên tĩnh, ta nhẹ tay đưa dùi chuông sát nhẹ vành chuông: một tiếng ngân trong sáng vọng ra êm ái mà thuần dịu.

Nhưng nếu tâm hồn không bình tĩnh, ta sẽ đánh lên những - tiếng chuông mà nếu thâu thah lại, ta thấy không thể nào dùng được. Một vị cao tăng đã nói với chúng tôi rằng người có thể xét biết trình độ tu chúng và giải thoát của một người, khi nghe giọng tụng kinh và tiếng chuông mõ của người ấy..

Một bài tán hương được cử lên tạng mõ cùng điem trong một sự nhịp nhàng tuyệt đối. Bài tán là một bài thơ phổ nhạc thuyên. Ta hãy lắng mà nghe. Nếu ta mang nặng một tâm hồn trần tục, ta sẽ không cảm nhận được những nét nhạc giải - thoát siêu việt ấy. Giá - trị văn thơ và triết lý của những bài thơ đã là đáng kể; nét - nhạc diễn tả ý thơ lại càng đáng cho ta khâm phục hơn nữa.

Viết về cổ nhạc Phật Giáo, nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba đã nói "Trong âm nhạc giữa đời, chúng ta nghe có điệu như mâu sôi, lửa cháy, như quý khóc, tử van, có khúc như say đắm đắm ô, như reo cười mùa hát. Tất cả chúng, đã tượng trưng đúng cho cảnh vui buồn tương đối của trò đời già đời vậy.

"Trái lại, âm nhạc nhà Phật là phản ảnh của đời sống an lạc đạm bạc của tâm hồn bình dị, thanh khiết, của đạo mâu giải thoát khổ đau... Nội tâm thì bình tĩnh an vui, ngoại cảnh thì thanh thoát hồn nhiên, nên âm nhạc nhà Phật đã thâm nhuần tinh thần thoát tục siêu phàm, không vướng -

chút gì gọi là u sầu phiến - luy.

"Ở đây có những nét nhạc lung linh như nên, uyển chuyển như khói trầm, nhẹ nhàng như hương sen, có những nét nhạc sáng sủa như vàng, huy hoàng như vàng son diện tháp; có những nét nhạc trầm hùng và toarog như chuông, chiêu, oai - nghiêm như đại cô".

"Giác Ngộ", số 3 ra ngày 15 tháng năm Kỷ Sửu.

Nhạc Sĩ Nguyễn Hữu Ba quả đã thấy được phần nào kho tàng quý giá của Phật nhạc Việt-Nam. Phải có một tâm hồn thanh thoát, mới cảm thấy được tất cả tính chất siêu việt của ý nhạc, mới cảm thấy được cái hay cái đẹp của âm thanh, của giai điệu. Nguyễn Hữu Ba lại đã nghĩ rất đúng khi ông viết:

"Nhạc nhà Phật rất cao siêu, có nhiều nhạc điệu lạ kỳ, rất hay, đối với nhạc ngoài đời đã không kém mà lại có chỗ cao siêu hơn. Nhạc điệu nhà Phật hoàn toàn có màu sắc Việt Nam, không chịu ảnh hưởng nước nào; chẳng những thế, không giống gì nhạc điệu của các ngành kia".

(Trong bài đã dẫn)

"Không giống" vì đây là nhạc giải thoát. Lương và phẩm của nhạc Phật rất đấng kẻ, nhưng tiếc thay, không ai chịu nghiên cứu, suy tâm, bảo vệ: hiện giờ có nhiều nhạc điệu đã thất truyền. Sự thất truyền ấy đang theo thời gian mà thúc đẩy đến toàn vẹn. Mong rằng người ta dẹp ngay những bài hát Phật cái cách lai, để trở về tìm nguồn trong kho tàng Phật nhạc để rồi duy trì cổ nhạc và sáng tác, với kỹ thuật tây phương, những nhạc phẩm mới cho Phật Giáo Việt Nam, những

nhạc phẩm có thể tiêu biểu - cho tinh thần đạo Phật của dân tộc.

Những bài hát lai tây và lai nhạc nhà thờ cần phải được loại ra khỏi nền Phật nhạc. Tâm hồn chúng ta sẽ biến cải nếu ta cứ bị nghe mãi những nét nhạc ngoại lai không có tinh thần từ bi trí tuệ và giải thoát.

Một ban nghiên cứu và sưu tầm phải thu lượm tất cả những bài thơ phổ nhạc của đạo Phật để tìm hiểu, phân tích, truyền bá, bảo tồn và phát huy. Phật Tử Việt Nam sẽ tìm nguồn cảm hứng ở đây để sáng tác, phải cố gắng tập cho tâm hồn thanh thoát để sáng tác.

Ngay đến cách tụng niệm cũng đã là những bản nhạc thần diệu rồi. Bài "Nguyện tiêu" và "Nguyện sanh" với giọng thiết tha, bài "Lãng nghiêm" trầm trầm thanh thoát như sanh đình bài "Hồng danh" nhịp điệu bông - trám, chú "vãng sanh" lãng lãng như bay bổng sang Tịnh độ. Mỗi bài một lối tụng, tùy theo nội dung và ý nghĩa của từng bài. Đến như các bài nhạc thì tuyệt diệu: Bài "Nhất diện" với nhạc điệu siêu tuyệt diễn tả cảnh vô thường "thần hình bảo ảnh tứ ngàn sông", bài "Ai hà thiên xích lãng" diễn tả tâm niệm tịnh tấn và cảnh thăng trầm của "khô ái vạn trùng" bài "toạ bồ đề tòa" với những nét cao vút như đỉnh tuyết sơn và đẹp như ánh sao băng diễn tả giờ thành đạo "nhất đồ minh tinh, đạo thành giảng pháp lâm": bài "Hương tainhiết diện tá nết lung linh của khối hương, tràng phan, nét tuấn chuyên của "chủ Phật Bồ Tát hạ thiên cung" trong lúc "Hương yên liêu nhiều Liên Hoa động".

Bao nhiêu là màu sắc, là âm điệu, là hình bóng, là nghĩa lý thâm uyển.

Rồi ta sẽ xin phép nhà tu xem qua nghi thức của các lễ cầu An, Cầu Siêu, Khai Kinh. Mông - Sơn, Truyền giới...

Trong mỗi nghi thức, ta sẽ khám phá ra được một quan - niệm nhân sinh, một nếp sống an lành, hiểu nghĩa, từ bi, xem trọng sự lợi sanh và giải - thoát của muôn loài. Ở đây, lý trí và tình cảm điều hòa tạo một nếp sống vị tha, đạo hạnh ngạt mùi dân tộc và dục vọng giải thoát. Nếu còn nhiều thì giờ chúng ta hãy đọc lên một vài đoạn văn trong khóa "Mông Sơn" để thấy lòng từ bi của Phật dạy loại chúng sinh, và vài đoạn văn trong sách truyền - giới "Đại Học" để thấy tất cả sự quan hệ của nếp sống tinh thần của người tu học... Mỗi câu xướng, mỗi cử động, trong nghi thức chứa đựng một ý - nghĩa, mà suốt từ đầu đến cuối một sự sắp đặt toàn mỹ và nhịp theo với mục đích của khóa lễ: Sám Hối bao giờ cũng trước phát nguyện; phát nguyện bao giờ cũng trước hồi hướng và nghi thức bao giờ cũng - chấm dứt bằng tam tự quy để hành giá quay về với số niệm tốt đẹp của đời đạo hạnh.

Trong lễ nhạc, trong các nghi thức, nếu nghiên cứu, ta sẽ thấy cả một nếp sống tâm linh cao đẹp, phong phú, một nền văn minh tinh thần siêu việt một khuynh hướng giải thoát an lạc.

Sau khi được lãnh thọ bùa - trai phạn tinh khiết và thanh, đạm, chúng ta xin phép xin ở về. Nhà tu hành sẽ đưa chúng ta ra Tam Quan và hẹn ngày tái ngộ. Chúng ta bước rakhỏi chùa với một tâm hồn an lạc và tin tưởng.

Những nghĩ rằng lễ nhạc thuần túy của Đạo Phật hiện đã hao mòn và hiện giờ còn bị người

SỐNG NGÀY NAY



Phạm Kim Khánh

Vào thế kỷ thứ XI, tại vùng Tử Sơn miền Bắc nước Việt, có Ngài Thuyền Lao Thiên sư là một vị cao tăng danh tiếng lấy lưng. Một hôm, nhân cơ hội đến viếng Ngài vua Lý Thái Tôn hỏi:

- Hòa Thượng trú ở chùa này được bao lâu? Vị Thiên sư trú danh liền đọc lên hai câu thơ:

*"Đản trì kim nhật nguyệt
Thùy thức cứu xuân thu"*

Chỉ biết ngày tháng hiện tiền, biết làm gì xuân thu cũ. Về sau hai câu này được dịch là:

*"Sống ngày nay biết ngày nay
Còn xuân thu trước ai hay làm gì?"*

Trước đó, cũng trong ý nghĩa này, bài kinh số 1, tựa đề Devata Samyutta, của bộ Tập A - Hàm, Samyutta Nikaya, có ghi rằng một hôm nọ vào lúc đêm về khuya, có một vị Trời hạ quang rực rỡ đến hầu Phật và bạch hỏi Đức Thế Tôn vì sao các vị tỳ khưu, đệ tử Phật, sống tu giữa rừng sâu, ngày chỉ ăn một bữa, mà xem vắng lặng tự tại, và tuổi thọ sáng ngời. Đức Phật dạy:

"Các vị ấy không phiền muộn vì những gì đã xảy ra trong quá khứ. Không mơ ước, không có khát vọng nào cho tương lai. Hiện tại đã đủ cho các Ngài. Do đó các vị ấy tuổi thọ sáng ngời như vậy.

Do sự ham muốn khát khao cho tương lai, do sự sầu muộn than vãn vì những gì đã trôi vào quá khứ, do những điều ấy kẻ cường sĩ trở nên héo xào, như ngọn cỏ non bị cắt rồi cây".

Sống trong hiện tại, đó là bí quyết của sự thành công. Quá khứ đã trôi qua. Vị lai chưa đến. Chúng ta không thể đi trước, cũng không

thể đi ngược dòng thời gian để sửa đổi hay sắp xếp hoàn cảnh. Ta chỉ có thể hành động trong giây phút hiện tại.

Nếu chúng ta hình dung thời gian là một con đường dài thì kiếp nhân sinh trong thời gian tựa hồ như bánh xe lăn trên con đường. Thời gian vô cùng tận. Trên con đường thời gian vô tận ấy bánh xe đời sống của chúng ta đều đặn di chuyển. Nhưng, trong mỗi lúc, trong mỗi khoảnh khắc, bánh xe chỉ chấm trên đường vào một điểm duy nhất, điểm hiện tại. Điểm kế đó ở phía trước, thuộc về tương lai thì bánh xe chưa lăn đến. Điểm phía sau thì đã qua, trôi vào quá khứ. Cùng thế ấy, ta chỉ thật sự hiện hữu trong một khoảnh khắc: - Khoảnh khắc hiện tại. Và ta chỉ thật sự sống trong khoảnh khắc hiện tại ấy. Ta có thể thảo những kế hoạch, đặt những chương trình cho tương lai. Ta có thể ôn cố tri tân, nhìn lại quá khứ, tìm chỗ lấm lạc để sửa sai những điểm khả quan để phát triển. Những hành động ta có thể hành động trong hiện tại. Đại Đức Kassapa, người Tích Lan, có lời dạy như sau:

"Hãy chú tâm vào ngày hôm nay. Nghiệp báo, tư bi, vô thường, tất cả chân lý trong đời sống đều nằm gọn trong giây phút ngắn ngủi này. Hôm qua chỉ là giấc mộng. Và ngày mai... nào ai biết sẽ ra sao. Hãy sống trong hiện tại."

Lẽ dĩ nhiên, những lời dạy trên nhằm vào những vị đang hành thiện. Đối với người tu niệm "sống trong hiện tại" có nghĩa là tự kiểm soát thân tâm trong từng khoảnh khắc. Giống như người lính gác thành phải chú tâm canh phòng cẩn mật vì quân địch cũng như bạn lành có thể xuất hiện bất luận lúc nào. Người hành thiện, người có chú nguyện - gọi rửa mọi ô nhiễm trong tâm cố gắng nhận diện mỗi tư tưởng phát sanh đến mình để ngăn ngừa, hoặc dứt bỏ, các ác pháp, và đề - phát triển, hoặc củng cố, các thiện pháp. Công trình tu luyện này phải được thực hiện từng giây, từng phút, từng khoảnh khắc. Như vậy, trong pháp môn thiền định "sống trong hiện tại" là điều tối quan trọng.

Trong đời sống hằng ngày pháp này vẫn đem lại nhiều lợi ích thiết thực. Chuyện - tích con ong bị kẹt trong những tai hoa có thể là một đề tài hứng thú để chúng ta suy gẫm. Trong rừng có những loài hoa, nở vào buổi sáng và xếp cánh trở lại vào lúc mặt trời khuất bóng. Câu chuyện thuật rằng, hôm nọ một con ong mãi mê hút mật đến quá chiều, không

hay biết rằng các tai hoa đang dần dần xếp lại, cho đến khi bị kẹt, không còn bay đi được nữa. Giữa cánh ngực tù bên trong những tai hoa, thay vì tìm cách thoát thân, ông suy nghĩ "Hiện giờ ta bị kẹt ở đây. Nhưng rồi đêm sẽ qua, và trời sẽ trở lại sáng. Khi những tia nắng ấm đầu tiên bắt đầu rơi xuống cơ cây thì hoa sẽ nở tung ra và ta sẽ bay về ổ, mang về bao nhiêu mật ngon ngọt... và cứ thế, ông xây đắp mộng vàng cho tương lai, một tương lai sáng lạng.

Cùng lúc ấy, một thốt voi đi tìm ăn cũng đến gần đó. Voi thấy cánh hoa tười ngon liền bỏ vòi quấn ngang, bẻ cánh hoa bỏ vào miệng, và nuốt luôn vào bụng cả hoa lẫn ong, cùng với tất cả mộng đẹp của ong.

Con ong trong câu chuyện tượng trưng cho phần đông chúng ta. Thường, trong những ngục tù của tai hoa đời sống, ta mãi mê mơ tưởng một tương lai tốt đẹp, hay ẩn nấp hồi tiếc những điều đã qua mà không thực sự tích cực làm những việc đáng lẽ phải làm trong hiện tại. Thay vì để tâm hồn thả trôi theo giấc mộng vàng, phải chi ông tích cực tìm cách thoát ra khỏi những cánh hoa ấy không đến nỗi phải chết trong bụng voi. Biết bao trường hợp cho thấy rằng thành công hay thất bại chỉ khác nhau do sự biết xử dụng giây phút hiện tại.

Biết bao người, khi nhận được một quyền kinh thị cảm nghe vui sướng, rồi thận trọng cất giữ vào tủ hay trên bàn thờ, cho tới tuổi già rảnh rỗi sẽ lấy ra đọc. Bao nhiêu người khác thấy bạn đi chùa nghe giảng Giáo Pháp biết đó là việc nên làm, nhưng lòng vẫn hèn lười, để khi nào sắp xếp xong việc gia đình sẽ lo đến việc tu tâm dưỡng tánh. Bao nhiêu người khác nữa, thấy người ta quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới thì cũng muốn làm như vậy để có cái gì nhắc nhở mình ẩn hiện ở lành và tránh thói hư tật xấu, nhưng rồi tự hèn với mình, chớ đến lúc nghĩ việc hồi hưu.

Những than ôi! với bản chất vô thường của đời sống, ai dám đoán chắc rằng mình sẽ có một ngày già rảnh rỗi, hay mình sẽ sống đến ngày sắp xếp xong công việc gia đình, hoặc sẽ được mạnh khỏe đến lúc nghỉ việc hồi hưu.

Thời gian luôn luôn trôi chảy. Ta không nên đứng lại bên đường, sửng khoanh tay tưởng vọng những thành công mà ta mơ ước chọt ước lại để thấy nó dần dần trở thành những thảm bại trong ký ức. Trong ngày hôm nay, trong

mỗi giây phút, mỗi khoảnh khắc hiện tại ta có đủ phương tiện trong tay để xây đắp những gì sẽ tồn tại trong nhiều ngày, những gì vững chắc hơn mộng đẹp ảo huyền.

Một câu chuyện thuật rằng:

Trong triều đình nhà vua rất yêu chuộng một vị đại thần, và ngày đêm thưởng thức những nghĩ nhớ đến vị này. Một vị đại thần khác, rồi đến vị thứ ba, cũng được vua thưởng yêu những kém hơn vị trước. Nhưng có ông quan thứ tư thì không được vua để ý. Mỗi khi có người nhắc đến tên ông quan này thì vua nghe qua rồi quên đi. Đôi khi vua cũng nhớ thoáng qua, nhưng không bao giờ chịu mất thì giờ nhiều để suy tư về vị này.

Ngày kia có vua xứ khác đến đánh. Vua này không thể kháng cự và bị bắt cầm tù. Lúc bấy giờ, vị đại thần mà trước kia được vua yêu chuộng nhất lại rất lạnh lùng, không màng nói năng, nhắc nhở hay biết đến vua. Vị thứ nhì thỉnh thoảng nhắc đến vua, rồi thôi. Vị thứ ba tiến chân vua đến tận cửa ngục, đứng đó tỏ ý thưởng tiếc, rồi lui gót trở về. Chỉ có ông quan thứ tư mà trước kia không được vua ngó ngang đến thì không rời vua một bước. Vua đi đâu cũng theo đó. Vua vào ngục tù cũng vào ở chung, và hết lòng phụng sự vua.

Ông vua trong câu chuyện là chính ta. Vị đại thần mà được vua yêu chuộng nhất là tiền của, sự nghiệp. Vị thứ nhì là danh vọng. Vị thứ ba là thân bằng quyến thuộc. Vị thứ tư tượng trưng cho những hành động lành, những thiện nghiệp. Và ông vua rất mạnh mẽ từ xứ khác đến đánh và bắt cầm tù vua này là tư thân.

Trong đời sống ta luôn luôn mơ tưởng đến việc tạo nên cơ nghiệp, kiếm được tiền càng nhiều càng tốt, để bao đảm một cuộc sống - thoải mái cho chính ta, cho vợ, hay chồng, con ta, cho thân bằng quyến thuộc ta v.v... Hầu như suốt ngày chúng ta để hết tâm trí vào việc làm ăn sinh sống, và không còn thì giờ nào để lo chuyện khác. Đó là ông quan thứ nhất. Khi được có tiền của và sự nghiệp ta gia công tạo danh thơm tiếng tốt. Chúng ta thích được trở danh, và cảm nghe tự nhiên sung sướng, vô cùng hạnh phúc khi thanh danh của chúng ta bay xa, lan rộng. Đó là ông quan thứ nhì.

Vợ, chồng, con cái, bè bạn và thân nhân. Đó là

Ông quan thứ ba, cũng được ta hết lòng thương yêu, nhưng không còn bao nhiêu thì giờ để lo nghĩ đến.

Những đến các hành động lành, những việc thiện có thể làm được - ông quan thứ tư - thì rất ít khi ta phải bận tâm rợn rợn lo lắng. Đôi khi có ai nhắc nhở ta cũng biết rằng đó là điều nên làm, nhưng bao nhiêu - việc khác "gọi là để sinh sống" đã được sắp ưu tiên hàng đầu và chiếm hết thì giờ. Rồi ta hẹn dần, hẹn dần... mãi cho đến khi từ - thân (ông vua xứ khác) nhẹ đến thì thăm nói khẽ vào tai, "đây là giờ phút phải rảnh" chúng ấy, và chỉ đến chúng ấy, ta mới sực nhớ lại là suốt đời ta chỉ dành rất ít thì giờ để làm việc thiện, tạo nghiệp lành, tích trữ phúc báu. Trọn kiếp sống ta chưa sẵn sàng chuẩn bị hành trang để lên đường. Và đây là một sự ra đi không thể cưỡng, không thể trì hoãn, hẹn, hay khát lại một ngày khác.

Điểm quan trọng khác nữa là ta phải ra đi với hai bàn tay không. Lúc bấy giờ, tiền của và sự nghiệp mà trọn đời ta để hết tâm mỗ tưởng và yêu chuộng lại không mần gì ở trên ta... lạnh như đông. Danh thơm tiếng tốt mà ta đã mất biết bao nhiêu công khó để thành đạt, người đời thỉnh thoảng nhắc đến trong những lúc trà dư tửu hậu, rồi biến tan trong mây khói. Vợ, hay chồng, con cháu, bạn bè thân thuộc chỉ có thể đưa ta đến huyết mã, khóc than mền tiếc, rồi lần lượt kéo nhau về. Chặng ấy chỉ còn chút nghiệp lành nào mà ta đã tạo trong đời sống mới theo ta như bóng sẽ theo hình, và trong bất luận hoàn cảnh nào cũng hết lòng phục vụ, nâng đỡ ta.

Đức Phật dạy: "Tất cả chúng sanh là sở hữu chủ của cái nghiệp của mình, là thừa kế của cái nghiệp của mình, sanh ra do cái nghiệp của mình, họ hàng thân thuộc của cái nghiệp của mình, ăn náo trọng và nâng đỡ bởi cái nghiệp của mình. Bất luận nghiệp nào mà ta đã tạo, dầu thiện hay bất thiện, thì ta sẽ là thừa kế, hưởng trọn hậu quả của nó."

Trong đời sống ta có thể cần cù làm lụng, kiếm cần dành để, và tạo nên nhà cửa, sự nghiệp, vòng vàng, trang sức v. v. Ta cũng có thể thừa hưởng những vật trên do ông bà cha mẹ truyền lại. Ta gọi đó là "của mình", hay nói "mình là sở hữu chủ" của những vật đó. Tuy nhiên, dầu ta có cố bám chặt và tận lực gìn giữ đến đâu, nó vẫn ở với ta một cách tạm thời. Bao nhiêu yếu tố như hỏa hoạn, bão lụt trộm cướp, kẻ thù nghịch, chiến tranh v. v. và sau cùng, cái chết phải đến, luôn luôn sẵn sàng để tước đoạt quyền làm chủ của ta. Chỉ

có một điều nghiệp thiện hay bất thiện mà ta đã tạo - sẽ không bao giờ rời ta, dầu ở trong kiếp sống này hay nhiều kiếp trong tương lai. Không có kẻ trộm cướp hay thù nghịch nào tranh đoạt, không có chiến tranh hay thiên tai nào tiêu hủy được cái nghiệp của ta. Do đó đức Phật dạy rằng "Tất cả chúng sanh là sở hữu chủ của cái nghiệp của mình". Vì cái nghiệp mà ta đã tạo theo dính liền với ta, ta sẽ hưởng hậu quả của nó như phần di sản, ta sẽ tái sinh vào trạng thái nào cũng do nơi nó, nó là những người họ hàng thân thuộc không bao giờ rời ta. Ta sẽ ăn náo an toàn trong thiện nghiệp và nhờ thiện nghiệp nâng đỡ.

Vậy, ta phải chăm sóc, giữ gìn cái nghiệp cho được luôn luôn tốt đẹp. Ta phải biết thương, biết bảo tồn thiện nghiệp hơn là thương yêu và bảo tồn chính sự sống của ta. Ta phải biết sợ, biết lánh xa bất thiện nghiệp, hơn là ta sợ và lánh xa chính cái chết của ta. Thế thương, ta muốn sống và sợ chết. Để bảo tồn sự sống và ngăn chặn cái chết, lắm khi ta hành động bất chánh, và do đó tạo những nghiệp bất thiện vô cùng tai hại mà trong nhiều kiếp sống chính ta phải gánh chịu hậu quả.

Cuộc sống của chúng ta trên thế gian này quả thật bấp bênh, bất an toàn, bất ổn định. Cũng như tứ cành cây có nhiều trái rơi rụng, trái non có, trái lớn có, trái già có, trái chín mùi cũng có, cùng thế ấy, tứ sự sống chúng ta có thể liả đời bất luận vào lứa tuổi nào, lúc sơ sinh, lúc thiếu niên, lúc thanh niên, lúc tráng niên, hoặc khi niên cao tuổi lớn. Đến một mình, ta sẽ thui thủi ra đi một mình. Đến với hai bàn tay trắng, ta sẽ liả đời với hai tay không. Chỉ có cái nghiệp sẽ theo dính ta, và chỉ có nghiệp thiện mới phục vụ và nâng đỡ ta như người bạn chí thân, và "tứ thế gian này đến thế gian kia, người hành thiện sẽ được nghiệp lành của mình đón rước như người thân thuộc từ phương xa trở về."

"Sống ngày nay biết ngày nay" và hành động trong giây phút hiện tại. Chúng ta hãy hướng về gương lành của Đức Bồ Đề Sĩ, lập tâm chú nguyện hằng ngày làm những việc lành, tránh những điều ác, và gội rửa tâm trong sạch.

Ước mong chúng ta được nhiều bạn lành đón mừng nồng hậu trong cảnh giới tái sanh sắp tới.

Trong đời sống hằng ngày con người ít có cơ hội thực - tập Thiền định nên khi ngồi lại thấy khó chịu, áy náy khi b e chân lên hoặc bỏ chân xuống. Có nhiều người thích khung - cảnh thanh tịnh của chùa - rất thích, nhưng nếu bảo ngồi thiền, nhiều người đã trả lời rằng không. Có nhiều người tỏ mò muốn hỏi thứ nguyên - nhân tại sao không thích, có phải là tại không biết ngồi không?

Thật ra khi người Âu - Châu

chính, ngay ngắn, và cách ngồi phải được qui định bởi một nguyên tắc nhất định bởi người hướng dẫn.

Trong kinh có dạy "Uy nghi tức Phật Pháp". Người hành đ a o phải chú ý về oai nghi, đó là một hình thức pháp tướng bên ngoài, nếu mà tự mình l u n g lạc thì không có giới - luật nào cho phép cả.

Có nhiều người hỏi rằng "Muốn ngồi được Thiền tại sao phải ngồi?"

ngộ đạo của Đức Thế Tôn được gọi là "cảm ứng đạo giao" Chỉ có yên lặng mà ngồi là t ốt hơn cả.

Thiền không phải là văn - đề tri thức, không y cứ vào văn tự (chữ) không thể phê phán mà lại càng không thể giải thích được. Vì chỗ sơ' câu nên mới tùy thuận. Do đó nếu câu hỏi "tại sao phải ngồi Thiền" thì cũng băng thừa.

Kể từ sau thời kỳ Minh - Tri duy t ận (Meiji ishin-1868) sự

THIÊN HỌC



Đại Lão Hòa Thượng Thiền Sư YOSHIOKA TOICHI soạn - nguyên tác ZEN. Thích Như Điển dịch từ Nhật sang Việt ngữ.
(Tiếp theo Đặc San Viên Giác số 5, 6 bộ cũ và số 1/2/81 bộ mới)

ngồi Thiền mới thấy khổ sở. Vì thường ngày họ hay ngồi trên ghế chứ không ngồi như kiểu người Nhật, nên khó chịu mỗi lúc ngồi, nhưng Thiền cũng chấ lệ thuộc vào cách ngồi, vì càng lệ thuộc thì khổ còn Thiền nữa.

*Ngồi nơi yên lặng
Không có chuông ngai
Giữ giới trong sạch
An ổn điều hòa
Nói ngồi thanh tịnh
Đời sống dễ dàng*

Đây là một chúng trong Pháp Cú kinh mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã truyền dạy c h o chúng ta đến ngày hôm nay.

Điều trên đây cho ta thấy rằng người Đông phương đã q u e n cách ngồi tư cô chí kim, và cũng chính tùy theo từng cách ngồi mà nhiều người đã chứng được đạo quả. Thế những ngồi Thiền phải ngồi nghiêm

Trong lịch đời Thiền Tông chủ vị Tổ sư khai sáng chứa c ó một vị nào đã giải thích tại sao phải ngồi cả. Nhưng mà cũng có thể nói rằng: " Những người tham thiền luận - đạo tùy theo cách ngồi của họ, vì họ đã làm theo những t ỉn d ỉ u nên họ đã ngộ đạo". Nếu mà như vậy thì câu hỏi trên được đặt ra không phải là chuyện sai.

Cách đây 2500 năm về trước Đức Thích Ca đã chứng đ a o trên bờ sông Ni Liên - lâm một chi nhánh của sông Hằng. Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ Đề Thiền định và đã đạt được đạo ở đó.

Trong niềm tin Tôn giáo, nhữg bậc tu hành đã điem n h iên Thiền tọa, ngồi ngay ngắn, đ ứ g với sự thực hành của đ ấ n g Thích Tôn. Tùy theo từng s ự ngồi, mà cũng chính từ đó Đức Thế Tôn đã chứng đạo và s ự

giáo dục học đường của Nhật - Bản đều hấp thụ sự giáo dục của Âu Châu.

Sự học văn hay nền giáo dục là niềm mong đợi mang l ạ i hạnh phúc cho con người, thế những hạnh phúc tất yếu của con người không thể y cứ vào văn đề giáo dục được.

Giáo dục cơ bản của Nhật đã trở thành chủ nghĩa hợp lý, chủ nghĩa chủ trị. Nếu tôn - trọng lý tánh, cam tình hoặc bản năng hay kinh nghiệm thì bị phê phán thật nghiêm khắc. Sự nhận thức trên đây được nảy sinh từ kinh nghiệm của lý tánh, và tiến đến một mục tiêu phản lại tôn giáo.

Khoa học càng ngày, càng tiến bộ, văn minh có giới ngày càng phát triển, sự sinh hoạt hằng ngày càng bất an và đời sống tinh thần của con người càng ngày càng trở nên khổ c ấ n

sỏi đá.

Nếu con người càng ngày càng dựa vào văn minh của khoa-học thì hạnh phúc chóng thật của con người ngày càng cao xa bay chạy.

Nếu nhận xét một cách khách quan thì tình huống cũng không được nẩy sanh, nếu chỉ dựa trên văn minh khoa-học hiện đại, vì tình huống là một việc không thể giải đáp trọn nghĩa của nó được. Trong khi đó khoa học cái gì cũng có sự đo lường.

Có nhiều người cho rằng tình huống là một sự hy sinh, nhưng thực chất của tình huống không phải là sự hy sinh thế mà khi có tình huống cho kẻ khác thì hay bị phê phán là "hy sinh".

Nếu nói một cách hợp lý thì trong tình huống đó có ít nhiều mong muốn hy sinh, nhưng tình huống là một sự hy sinh không bền.

Đứng về phương diện lịch sử, nếu nhìn một cách khách quan về những người, theo quan niệm "duy vật sự quan" thì: đầu cho lịch sử là một việc có thật đi chăng nữa, lịch sử cũng không thể trốn chạy sự thật được. Đầu cho có phê phán được đi chăng nữa thì trong vấn đề lịch sử ta cũng không thể lấy ý kiến riêng của một mình ta mà cái gì của cuộc đời có là nó có.

Cùng với vấn đề trên ta có thể so sánh với vấn đề của thiên nhiên vạn vật được. Đầu cho thiên nhiên là những vật được phân tích, hệ thống hóa lại được đi chăng nữa, sự tạo dựng lại thiên nhiên vẫn không thể được. Cũng công người cho đó là một việc phải thiên nhiên hóa, nên phải để ý.

Thiên là sự chống đối lại cách viết có tính cách bao quát của chơn lý thuộc về tính cách khách quan, và xuyên qua việc tọa thiên chúng ta có thể chi phối được vũ trụ một cách dễ dàng, ấy là chơn lý.

THIÊN KHÔNG BIẾN GIỚI:

Ở chúng trước đã trình bày về quyển "Phổ khuyến tọa thiên nghi" rằng Thiên không phân biệt kẻ trí người ngu kẻ khôn người dại... mà ngôi Thiên là để hiểu biết (giác ngộ) ở chính mình. Thiên không chủ trương là kẻ trí mớingộ mà người ngu không ngộ. Ngày xưa Ngài Thân Loan Thánh - Nhơn (Shinran Schönin) tổ sư của Tịnh Độ Chơn Tông đã nói rằng: không những chỉ kẻ thi thiên mới được vắng sanh mà kẻ ác cũng được vắng sanh - nữa. Trong lãnh vực tôn giáo không chấp trước giữa chuyệ thiên và ác, kẻ có trí người mê muội - mà tất cả mọi người đều có thể hành - trì như nhau cả. Đương nhiên cũng không có chuyện phân biệt - cái này quá đẹp, cái kia quá xấu, con người, quốc tịch....

Cứng rắn quá hoặc dịu dàng quá, khôn quá hoặc dại quá - đối với những trạng - thái này người tu hành tức thời ngay.

Về đời Giang Hộ (Edo) có một vị Thiên Tăng xuất thân từ hàng thứ dân tên là Nhứt Hưu (1394-1481). Có một võ - sĩ hỏi Ngài rằng: "Thế gian pháp nghĩa là thế nào?" Và Ngài đã trả lời: "Sống trong cuộc đời, ăn uống ngủ nghỉ và sau đó là chết"

Cũng có nhiều người tọa thiên đã thay đổi phong cách

và có nhiều người đã bảo kẻ tọa thiên kia thuộc về loại người "khác thường" - nhưng không, đó là những sự thay đổi của con người ở nơi đạo tràng của Thiên vậy.

Bởi thế cho nên chúng ta có thể nói, rằng: con người hay thay đổi liên tục, kẻ ấy không thể gọi là Thiên mà những - người đang ở trong trạng - thái bình thường chính là Thiên vậy. Trong đời sống hằng ngày thông thường như người ở trạng thái bất bình thường, thường hay thay đổi người bình thường trở thành bất bình thường. Điều này đã xảy ra trong những bệnh viện thần kinh, khi người bình thường hay người thân vào thăm họ, những người bất bình thường đều xem những người đi thăm họ là những kẻ "đi thường".

Ngày xưa Ngài Nhứt Hưu nuôi một con Hạc trong chùa và đặt tên cho nó. Một ngày nọ con Hạc không may chết đi Thiên sư làm lễ chôn cất nó như một con người và Thiên Sư viết những câu liên điều con Hạc, ngày nay vẫn còn đó. Ngày nay cũng có nhiều người thường chôn, khi chết thường hay mỗi vài vị sư đến tụng kinh cầu vắng sanh và chôn cất tứ tế giống như Thiên Sư Nhất Hưu vừa nói trên. Cũng có nhiều người nghĩ Thiên sư là người "đi thường", nhưng không - chính những kẻ mà nghĩ điếu đó mới là những kẻ "đi thường" vậy.

Ngài Nhứt Hưu cũng chẳng phải là con người phi phạm, cũng chẳng phải là người bị thường căn trí thức mà cũng chẳng phải là người học giả thông minh. Thiên không chấp nhận những người không bình thường, nhưng cũng không hẳn hoàn toàn là như vậy, vì Phật

giáo hay nói đúng hơn là Thiên không công nhận sự toàn trị toàn năng về sự tồn tại của nó. Trong khi đó ở lãnh vực Tôn giáo tại Âu Châu thường hay chủ trương rằng thần thánh là kẻ không hoàn toàn nên khi nghiên cứu đến Phật Giáo, một tôn giáo không công nhận có thần linh thì họ cho rằng đó không phải là tôn giáo mà đó chỉ là Đạo Đức học mà thôi.

Ở trong các chùa Thiên thuở hay có những thời gian để nghiên cứu về việc tu hành của những vị tu sĩ gọi là "an cư". Ở Ấn Độ theo âm lịch vào đầu tháng tư là bắt đầu mùa và cũng vì trời mưa suốt ngày nên những vị tu sĩ không thể đi khất thực được, nên hay nhập cốc, tham thiền, luận đạo suốt trong 3 tháng trưởng. Trong lúc an cư kết hạ những bậc tôn túc thường hay giảng những nghĩa lý về Thiên. Trong quyển "Bách Nham Lục" thường hay dùng những danh từ Thiên này.

Ngài Đạt Ma Tổ Sư (? - 528) - lúc đi từ Ấn Độ sang Trung Quốc, bấy giờ gặp đời vua Lương Vũ Đế trị vì. Vua Vũ Đế đã hỏi Ngài Bồ Đề Đạt Ma như sau:

Thánh Đế đề nhứt nghĩa là gì? Đạt Ma đáp: Không có gì là Thánh cả. Vua hỏi: Vậy đối trước Trâm là ai đây? Đạt Ma đáp: Không biết - cũng không vua. Rồi Đạt Ma qua sông, đến núi Thiệu Lâm ngôi xây mặt về ở vách suốt 9 năm trưởng.

Ngài Đạt Ma đến Trung - Hoa vào đời nhà Lương (Phổ Thông nguyên niên 520), lúc bấy giờ Vua Vũ Đế được xưng tụng như Vua Văn Đế đời nhà Tống là những bậc Quốc Vương hộ Pháp

đắc lực đối với Phật-Pháp, nên khi gặp Ngài Đạt Ma nhà vua liền hỏi:

- Đối với Phật Giáo việc gì là quan trọng hơn cả? Đạt Ma trả lời: - Chẳng có việc gì là quan trọng cả. Nhà vua lại hỏi tiếp: - Vậy đối trước mặt trẫm là ai? Đạt Ma đáp: - Không biết.

Đối với công án (Koan) này là căn bản của Thiên Tông, nhưng cũng có nhiều cách giải thích. Thế nhưng, Đạt Ma không trả lời hẳn câu hỏi của nhà vua, vì nhà vua tự biết mình là người thông hiểu và đang bảo hộ Phật-Pháp. Đạt Ma trả lời "không biết" là Đạt Ma muốn phá cái chấp của nhà vua.

Mặc dầu những người thường hay tu Thiên nhưng nếu không có tiến bộ trong Thiên thuở hay đem chỗ hiểu biết riêng của mình mà giải thích, hoặc người nọ có chuyện gì thất bại thường hay nói theo một lối lý luận suông. Đối với những người này thì mãi cho đến bao giờ cũng chẳng được hưởng vị của Thiên.

Ngược lại đối với những kẻ chính tự mình làm sai một việc gì mà hiểu được điều đó là sự lầm lỗi của mình thì kẻ đó tu Thiên lại mau tiến bộ hơn cả.

(Kỳ tới: THIÊN LA GI?)

Cáo lỗi cùng Độc Giả

Vài lời cùng Hoa Sĩ Võ Đình

Trong sự tình có chúng tôi đã sưu lục được một tập tài liệu về tranh gỗ Việt - Nam của tác giả Võ Đình do nhà xuất bản Hòa Bình tại New - York thực hiện, trong đó có nhiều bức họa rất độc đáo và nổi tiếng. Mặc dầu chúng tôi chưa có cơ hội để xin phép Tác Giả cho in lại những họa phẩm ấy, nhưng chúng tôi thiết tưởng rằng: với một tập chỉ như Viên Giác phát hành nhằm bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam - nhất là văn hoá Phật Giáo - tại Đức, mà tác giả - như trong lời giới thiệu là một Phật - tử thuần thành với Đạo, với Giáo hội, nên chúng tôi xin phép Tác giả được in lại những họa phẩm của Tác giả trên những số báo Viên Giác tới. Thành tâm cảm tạ trước.



Trong tập san Viên Giác số 1 vừa qua vì kỹ thuật chưa được tiến bộ, nên đã in lầm nhiều chữ quan trọng. Nay xin đính chính. Xin quý độc giả lưu tâm sửa lại giùm cho:

Mục Quốc sử tạp lục: trang 19 sách Thiên Hạ Quần Quốc (với dấu nặng), không phải là Thiên Hạ Quần Quốc.

Trang 20 - những chữ sứ đầu hỏi, in lộn thành sứ (đầu sắc). Trang 20 dòng 43 trở đi in sót mấy tên đất như sau: "Về cuối đời Trần, 59 thôn đất Cổ Lâu thuộc về Lộc Bình Châu (gồm miền Lạng Sơn) bị Hồ Hán Thướng đem cắt nhượng cho - Minh (1405) nay thuộc về đất huyện Tây Lâm, châu Tây Long tỉnh Quảng Tây; 6 động: Cổ Sum An - Lương, Tư Phú, La Phú...."

ở huyện Kiên thủy (Tàu) Lưu ý: Những chữ có gạch bên dưới là những chữ bỏ sót hoặc in lầm.



trang Giáo Lý

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ



Ăn chay, Niệm Phật

A. ăn chay

1) LỜI NÓI ĐẦU : Em vào Đoàn, nghe anh, chị Đoàn trưởng khuyên em ăn chay. Em muốn vâng lời anh, chị đoàn-trưởng : vậy em cần biết ăn chay là thế nào và cách ăn chay ra sao: có vậy việc làm của em mới có ý-nghĩa và khỏi bị những sự sai lầm.

11) Ý - NGHĨA ĂN CHAY : Ăn chay là một phương-pháp Phật dạy các em làm để thay thế ăn mặn. Ăn chay là ăn các món không có sanh mạng, như rau, trái, uống các thứ sữa v.v.. như vậy, ăn các loài chim, dùn g nước mắm cũng thuộc về ăn mặn.

111) VÌ SAO ĐỨC PHẬT DẠY CÁC EM ĂN CHAY : Đức Phật là một vị có lòng thương các em, thương mọi loài, nên đức Phật dạy các em tăng trưởng lòng từ-bi khỏi giết hại các súc vật, để bỏ dần tánh độc-ác, để các loài súc vật khỏi giết hại.

IV) EM ĂN CHAY SẼ ĐƯỢC NHỮNG LỢI ÍCH GÌ ?

Đức Phật là một vị sáng suốt. lời dạy của Ngài bao giờ cũng đem lại sự lợi ích thiết thực cho các em, nếu các em làm theo Ngài. Các em ăn chay sẽ được những lợi-ích sau này :

1) Thân thể được khỏe mạnh đỡ bệnh tật, các em làm việc được giai sức : trong hoa quả, rau sữa có nhiều chất bổ, chất đạm rất cần cho sức khỏe của thân thể. Khác với các món thịt, món thịt có rất nhiều chất độc, nhất là thịt các loài chim có bệnh, hoặc

thịt để lâu ngày. Các món ăn chay sạch sẽ nhẹ nhàng, dễ tiêu hóa nên trong người đi khỏe. Trái lại thịt cá lâu tiêu, tanh hôi hay khiến thân thể mệt mỏi nhiều bệnh. Ăn chay lại được giai sức, làm lâu mệt, ít biết mỏi, chịu đựng được nhiều sự khó nhọc.

2) Trí não em được sáng suốt, tánh tình em được thuần hậu : Khi các em ăn nhiều thịt trí não nặng nề mệt nhọc, khó nhớ lâu và nhiều, vì các món thịt cá khó tiêu và hay kích thích tâm-trí. Trái lại ăn chay thời trí-não được nhẹ nhàng, điềm tĩnh, sáng suốt, nhớ lâu, nhớ nhiều. Ăn mặn thời tánh tình hay gắt gỏng khó chịu, nhiều lòng tham, vì thịt có nhiều chất độc kích thích tánh-tình, dễ nhiễm tánh ác. Trái lại ăn chay thời tánh-tình thuần hậu, vui vẻ, biết thương mọi người.

3) Em ăn chay, em sẽ được thành Phật, em được mọi người thương kính : là tương như đến hạnh tử bi các cá của đức Phật, tức là em đi dần trên con đường đạo Từ-bi, sẽ dần dần gần đức Phật. Đức Phật tương như tới em, an-ủi hộ-trì cho em. Em ăn chay lại được mọi người thương kính vì ăn chay là có lòng thương mọi loài, là biết chịu khó biết cố gắng sửa tánh tình và như vậy em sẽ được nhiều người thương kính. Em ăn chay lại được các loài vật có lòng thương mến vì em không sát hại các loài sanh vật. Em có hiểu vì sao đức Phật lại được mọi người tôn kính hay không ? Em có hiểu vì sao các loài vật lại thường cung kính quanh hầu đức Phật mỗi khi gặp ngài hay không ? chính đức Phật trải qua nhiều đời nhiều kiếp luôn luôn ăn chay không sát hại các loài sinh vật.

4) Em ăn chay tức là em tập sống giản dị, đỡ tốn kém : Các thứ rau trái rẽ tiện, lại đạm bạc đúng với hạnh thanh bạch của một Phật-tử.

V) ĂN CHAY NHƯ THẾ NÀO : Các em đã hiểu ý-nghĩa ăn chay và biết những sự lợi-ích của sự ăn chay. Vậy nay các em cần phải ăn chay như thế nào ?

1) Ăn chay có nhiều cách : a) ăn chay trường : tức là ăn chay trọn đời, không bao giờ ăn mặn.

b) Ăn chay kỳ : tức là một năm nguyện ăn vài tháng hoặc trong một tháng, nguyện ăn vài ngày. Nhưng trong một năm, nguyện ăn ba tháng thì ăn vào tháng giêng, tháng năm và tháng chín. Trong một tháng, có thể nguyện ăn 10 ngày là ăn vào các ngày 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30, 1. Ăn 6 ngày là ăn vào các

ngày : 8,14,15,23,29,30. Ăn bốn ngày là 14, 15,30, mồng 1 : hoặc ăn hai ngày vào ngày mồng Một và Rằm.

2) Ăn chay như thế nào : a) Emdāphátnguyên ăn chay, vậy em phải nhớ những điều sau này - ăn chay hai ngày, ngày Rằm và ngày mồng 1 Một.

b) Đã phát nguyện ăn thì trọn đời giữ theo không vì trường hợp gì mà bỏ qua : trừ khi đau bệnh nặng có thể khỏi giữ, nhưng lần h bệnh phải giữ lại.

c) Các món ăn chay đạm bạc, đừng có ăn quá sang trọng, quá phiền phức, cứng đờng ăn quá kham khổ và đừng làm phiền nhiều nhiều người.

d) Ăn chay một cách tự nhiên, đừng k h o e khoảng, đừng làm bộ, đừng khinh người không ăn.

d) Trong những ngày Vía, những ngày đi trại nên ăn chay.

VI) GƯƠNG SÁNG GIỮ HẠNH ĂN CHAY : Cao hơn tất cả, các đức Phật trong mười phương đều giữ hạnh ăn chay, từ kiếp nầy cho đến kiếp khác, không bao giờ giết hại một sinh linh nào. Gần các em hơn, có các vị Xuất gia trọn đời ăn chay, có các vị Cư-sĩ tại gia phát tâm ăn chay trọn đời.

VII) KẾT LUẬN. - Ăn chay là một phương pháp Phật dạy cho các em thật hành. Các em là Phật tử, các em theo lời Ngài dạy, tức là các em tiến đến gần Ngài. tức là các em theo đúng mục đích của Đoàn.

B. - NIỆM PHẬT

1) LỜI NÓI ĐẦU : Em đã biết đức Phật, em thấy đức Phật đức hạnh hoàn-toàn, trí-huệ đầy đủ. Em thấy em có nhiều tánh xấu, nhiều ngu dốt, em muốn được như đức Phật, em muốn tiến gần đức Phật, em nên niệm Phật; và trước khi em niệm Phật, em hãy tìm hiểu ý nghĩa niệm Phật và cách thức niệm Phật.

II) Ý-NGHĨA NIỆM PHẬT : Niệm Phật là một phương-pháp Phật dạy các em thật hành để các em được gần Phật, và được như đức Phật. Niệm Phật có những nghĩa chính như sau :

1) Niệm Phật là tụng các kinh Phật, những lời Phật dạy những danh hiệu chú Phật và các vị Bồ-Tát, như khi em tụng kinh Vu-Lan hay tụng danh hiệu Phật ...

2) Niệm Phật là suy tưởng đến đức Phật, tẩn

thần cúng dường các đức Phật. Nhu kh niệm đức Quán - Thế - Âm thì tướng niệm đến đức từ bi của Ngài.

3) Niệm Phật là sám - hối những lỗi lầm, là nguyện làm các việc lành, nguyện theo lời Phật dạy ; như các em niệm sám - hối bài bốn nguyện lớn.

4) Niệm Phật là quán-tướng đến tướng tốt đẹp của đức Phật.

5) Niệm Phật là cầu đức Phật gia-hộ tiếp dẫn cho, như khi em tụng kinh cầu an để khỏi tật-bệnh nguy nan, tụng kinh cầu siêu để nhờ đức Phật tiếp độ hướng linh về cõi sanh nước Cực-Lạc.

III) VÌ SAO PHẬT KHUYÊN EM NIỆM PHẬT. -

Các em cũng thường hay đau khổ, các em cũng có những tánh tình không tốt đẹp ; đức Phật dạy các em niệm Phật để sửa đổi tánh tình các em tốt lành, để đỡ sự khổ cho các em. Các em nhiều khi cũng gặp nhiều sự chẳng may, đức Phật dạy các em niệm Phật để tránh các tai nạn, luôn luôn vui-vẻ, được nhiều phước đức. Các em nhiều khi mê mờ khờ rồ đờng đi, em niệm Phật tức là em được đức Phật chỉ rõ hướng đi chơn chánh cho các em.

IV) EM NIỆM PHẬT ĐƯỢC NHỮNG LỢI ÍCH GÌ ?

Em niệm Phật, em niệm thành tâm chuyên n nhứt, em sẽ thấy nhiều sự lợi ích đến với các em :

1) Em niệm Phật, em sẽ được gần Phật, em sẽ được đức Phật che chở hộ trì. Đức Phật bao giờ cũng thương các em, tưởng nhớ đến các em, nên các em niệm Phật tức được gần đức Phật, được sống một bên Phật, được chư Phật che chở hộ trì.

2) Em niệm Phật, em sẽ thấy đổi tánh tình ngay. Em niệm Phật tức là em niệm những đức tánh Tinh-tấn, hỷ-xã, thanh-tịnh, Trí-huệ Từ bi, tức là các em liền được các hạnh ấy ngay. Đức Phật là gương sáng của muôn hạnh lành, hằng ngày các em soi vào gương sáng ấy thì muốn hạnh lành sẽ đến với các em. Các em không thể nhắc khi niệm đến hạnh tinh tấn của đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni.

3) Em niệm Phật tức được mọi người kính yêu : đức Phật là một vị ai cũng tôn kính. Em niệm Phật, em sẽ được mọi người yêu vì họ thấy ở nơi em, một mầm non hướng đến đức Phật, một hình ảnh trung thành của đạo Từ-Bi..

4) Em niệm Phật em sẽ đỡ được những nỗi đau khổ và luôn luôn vui-vẻ đạo Phật là đạo của An-lạc, của chơn Hạnh-phúc, Niệm Phật

em thấy em sống trong khung cảnh hoan - hỷ
em được sống trong không khí hòa - thuận
tin yêu vui vẻ.

V Em Niệm Phật như thế nào?

Niệm Phật có nhiều cách, em muốn theo cách nào cũng được.

1) Tụng niệm: Tức đứng trước bàn Phật, niệm lớn tiếng có chuông có mõ.

2) Mật niệm; là niệm nhỏ tiếng, niệm thầm. Như gặp chỗ không có bàn Phật hoặc trước khi đi ngủ, khi sáng dậy em niệm thầm, nhỏ nhỏ, vừa em nghe là được.

3) Khẩn niệm: Là khi em gặp những sự đau khổ hoặc tai nạn, em niệm Đức Quán Thế Âm một cách khẩn thiết, chí thành v.v. khi đau em niệm Đức Dược Sư, khi có người sắp mất, khi cầu siêu, em niệm danh hiệu Đức - Phật A Di Đà.

4) Quán niệm: là đứng trước hình ảnh của Đức Phật, em chiêm ngưỡng tướng tốt của Đức - Phật, hoặc tưởng tượng như có Đức Phật ở trước mặt.

5) chuyên niệm: là đi đứng nằm ngồi, p h à m làm việc gì, hoặc gặp việc gì, luôn luôn em nhớ đến Phật, lúc nào cũng niệm Phật.

Đối với năm cách niệm Phật trên, em có thể niệm cách nào cũng được, nhưng cần - thiết nhất là cách chuyên niệm. Em là Phật tử, là con Phật, em luôn luôn niệm Phật nhớ nghĩ đến lời dạy của Đức Phật, vâng theo 1 ớ i Phật dạy, luôn luôn niệm Phật. Khi chán nản biếng nhác, em niệm hạnh tinh tấn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni; lúc em giận buồn, em niệm hạnh hỷ xả của Đức Phật Di Lạc. Khi em nhiều lòng tham, em niệm hạnh thanh tịnh của Đức Phật A Di Đà. Khi em không hiểu hay si mê em niệm hạnh trí huệ của Đức Văn Thù. Khi em có ý hại người, em niệm hạnh từ Bi của Đức Quán Thế Âm.

Mỗi ngày trước khi đi ngủ, em hãy tự xét trong ngày đó em đã làm những gì; trong năm hạnh của Phật Tử, em đã phạm những lỗi gì và đã làm được những hạnh gì. Có lỗi, em thành tâm niệm bài sám hối và niệm danh hiệu các Đức Phật, các vị Bồ Tát và phát nguyện cố gắng sống, cố gắng thực hành theo năm hạnh của Phật Tử. Nếu trong nhà có bàn Phật, em hãy niệm ít nhất một ngày một lần nếu trong một ngày em không nhớ nghĩ tới Phật, tức em không phải là Phật Tử. Em đã tự xưng là Phật Tử, thì chính các em không

muốn không niệm Phật, tức là các em niệm - Phật. Vậy các em hãy cùng nhau niệm Phật đi.

VI Kết luận:

Em tự muốn như Đức Phật nên em phải niệm Phật, một tiếng niệm Phật tức là em tiến một bước gần Phật; luôn luôn niệm Phật tức các em đứng gần Đức Phật, em sống một bên Đức Phật. Đức Phật đã ở xung quanh em, Đức Phật ở chính trong lòng các em; Đức Phật cùng với em hòa giao trong niệm cảm - ứng thanh tịnh của chữ Phật trong mười phương.

Nhớ Thầy

Ngày nay con đã xa Thầy
Con còn tìm được gì đây cho mình
Hay là cuối néo linh đình
Bơ vơ cánh nhạn vạn nghìn thương đau
Nhớ về quê cũ rạt rào
Xa xôi diệu vợi ngày nào hồi hương
Xứ người trời nổi muốn phượng
Thân con lạc lòng biết thương về đâu
Muốn tu nào sợ dãi dầu
Lời Thầy căn dặn buổi đầu còn ghi
Khổ thay cho phận nữ nhi
Bên đời bên đạo vậy thì làm sao
Mỗi lần nhìn chiếc lá chao
Trong cơn gió lốc xiết bao ngậm ngùi
Thương Thầy buồn vẫn chưa nguôi
Nhớ Thầy con vẫn dưỡng nuôi tâm lành.

Lá Thu

Lá ơi! ta hỏi lá cùng
Tại sao lá phải chấp chùng gió thu
Có buồn cho phận phù du
Xa cảnh lià cội cho dù thân đón
Dầu cho lá có túi hồn
Hay là lá phải gầy đón ly bôi
Thời gian vẫn lặng lẽ trôi
Mang bao kỷ niệm để rồi lãng quên
Ta thương thân lá không bền
Như thương người phải chông chênh giữa với
Biên trần lặn hụp chơi với
Chết rồi dưỡng thể như đời lá trôi
Ai người tưởng tỏ khúc nổi
Mau tu giải thoát để thôi làm người.

- Diệu An -

THƯ CHO BẠN

Điều An

Chúng ta là những người con Phật, đã biết quy hướng về ngôi Tam Bảo mà giới Phật dạy đầu tiên là cấm sát sanh. Nhưng muốn không còn sát sanh trực tiếp hay gián tiếp thì chỉ có cách ta phải ăn chay hay là tập ăn chay vậy. Nhưng làm cách nào để ăn chay mà không bệnh, làm cách nào để ăn chay mà không ngán làm cách nào để ăn chay kỷ mà tiến lên ăn chay trường được. Đó mới gọi là "Bí quyết của sự trường chay". Nếu muốn ăn chay mà không bệnh thì chúng ta phải ăn cho đầy đủ dinh dưỡng, muốn ăn chay mà không ngán thì ta phải thay đổi món ăn và biết cách nấu. Chính vì vậy cho nên tất cả chị em nhất là quý bà nên đi trợ khẻo tay nên dành dè đi chút thì giới quý bầu ghé lại những món chay ngon miệng mà mình đã tự sáng chế ra hay là đã học hỏi được của người xưa hầu trợ duyên cho huynh đệ đạo đồng được dễ dàng trong sự chay tịnh. Đôi khi chúng ta thấy đây là một việc làm nhỏ mọn, nhưng nếu ngày nào chúng ta nghe lại có một số người nhờ sự đóng góp của chúng ta cũng nhờ sự của những mục gia chánh chay khác mà đã phát tâm ăn chay trường hoặc ăn chay kỷ một cách đồng minh, thì đó là chúng ta cũng tạo được rất nhiều công đức lành gọi là đến ơn Phật Pháp trong muôn một.

Gia Chánh Chay

1) CANH NẤM ĐÔNG CÔ

- Vật liệu: - 1/4 củ hành tây.
 - 4 nắm đông cô
 - 1/2 muống canh sốt cà chua (lấy từ chai)
 - 1 muống canh đậu ăn
 - 1 nắm tay bún tàu
 - 1 nắm tay tàu hũ ky lá
 - muối, bột ngọt, đường, tiêu, xì dầu hoặc Maggi.

Cách làm:

- Nấm đông cô ngâm nước nóng (5-10 phút), cắt bỏ chỗ gốc cứng, xắt mỏng.
 - Hành xắt mỏng, bỏ vỏ rồi cho dầu đã nóng, trộn đều cho vàng, thêm nắm đông cô xào sơ qua, thêm sốt cà chua, trộn nhanh tay rồi đổ vào 2 chén nước, nấu sôi, cho tàu hũ ky, bún tàu (cắt ngắn) và tất lửa. Nêm muối, xì dầu, đường, bột ngọt cho vừa ăn.
- Khi múc ra tô cho thêm 1 chút tiêu bột.

2) BÁNH TIÊU:

Vật liệu:

- 300 gr. bột bánh mì
- 1/2 muống cà phê muối
- 1 gói bột nổi (Hefe)
- 100 gr. đường trắng (có thể cho thêm nếu thích)
- 1 lít dầu ăn, mè sống.

Cách làm:

- Bột nổi bỏ vào 1/2 ly nước nóng + 1 muống canh đường lấy tay bóp trộn đều cho tan.
- Bột mì cho vào thau, trộn muối, đổ ly nước bột nổi (brothefe) vào, nhồi cho tới khi bột quện thành một khối dẻo, không dính thau - có thể cho thêm nước nóng

tiếp tục nhồi mạnh tay có 5 đến 10 phút - xong để bột nằm yên trong một chỗ ấm chừng 30 phút. Kế đó lấy ra chia thành từng khối tròn bằng cổ tay, rồi cán dẹp ra có 1/3cm x 8cm (lót chút bột trước ở dưới cho khỏi dính)

- Trước khi cán nên lót một ít mè ở dưới và lật qua cho 2 bên đều dính mè.

- Dầu cho vào chảo, chờ cho thật nóng mới thả dần từng bánh đã cán vào, trở bánh cho nhanh tay để khỏi cháy. Khi nào thấy vàng đều hai bên là được - nên ăn nóng.

(muốn biết dầu nóng chưa, nên thả thử một chút bột bánh vào chảo, nếu nổi lên ngay là đủ nóng).

Kỳ sau: Cách làm mì căn.

Cảm Tạ

Trong thời gian qua chùa đã nhận được rất nhiều tài liệu, sách báo của các chùa, các tổ chức và các Hội Đoàn khắp nơi trên thế giới.

Chùa Viên Giác - Trung - tâm văn hoá Phật Giáo Việt Nam tại Đức - xin thành thật cảm ơn tất cả Quý vị và mong mọi liên lạc thường xuyên với Quý vị để trao đổi những tin tức Phật Sự và văn Hóa cũng như những tin tức có liên quan đến hiện tình đất nước.

thông tin

Đại Lễ Phật Đản năm nay (2525 năm) sẽ được tổ chức trọng thể tại Hannover trong những ngày 15, 16 & 17 tháng 5 năm 1981 với một đêm văn nghệ đặc sắc do Hội Phật Tử VN tại Tây Đức đảm trách, cùng sự trợ lực của Gia Đình PT Quảng Đức tại Pháp và đặc biệt có sự cộng tác của Ban Dân Ca Quốc Nhạc Phương Ca và những ca sĩ tại Pháp qua trình diễn. Kính mong quý vị Phật Tử VN tại Tây Đức liên lạc sớm về chùa để biết thêm tin tức.

QUỐC SỬ TẬP LỤC

Một bài sử Việt quan trọng

Ranh giới Việt Nam

Bài của LÊ NGỌC TRỤ

Học giả MẶC KHÁCH SỬ LỤC

"Vị Xuyên, Bao Lạc, Nà-oa, Lộc Bình.
Đem thú biện với nhà Thanh,
Mở đồng, mở kẽm lại giành về ta.
Lập bia trên Đổ-Chủ-hà,
Giới cương tử đồ mới là phân minh"
(Đại Nam Quốc sử diên ca)

Nước Việt Nam, phương Bắc giáp với Trung Hoa từ ngàn xưa; phương nam, giáp với Cao Miên và vịnh Thái Lan từ thế kỷ thứ XIX. Nhưng ranh giới ngày nay có từ bao giờ, vào dịp lịch sử nào? Xét ra, việc phân định ranh giới chính thức giữa Việt Nam và hai nước ấy - miá mai thay! - không do triều đình các nước liên hệ ký kết với nhau, mà lại do chính phủ Pháp vì "lý do chính trị tối cao" của họ tìm cách vận động và ký kết hiệp ước, hoạch định biên cương riêng với Cao Miên và Trung Hoa không có Việt Nam tham dự.

Đến thế kỷ XIX, các đế quốc Âu Mỹ nhờ áp dụng khoa học mà kỹ nghệ phát đạt, cần kiếm thị trường ở Viễn đông một phần đất rộng lớn đông dân có nhiều tài nguyên chưa khai thác, để tiêu thụ sản phẩm và tìm mua nguyên liệu.

Nơi giòng nước Anh (ở Trung Hoa, Miên Điện, Xiêm) và nước Mỹ, nước Pháp cũng tìm kiếm thị trường và lập căn cứ ảnh hưởng. Cơ hội tốt để thực hiện lý do "chính trị tối cao" của nước Pháp là dịp dùng võ lực để bình vực các giáo sĩ bị triều đình Huế ngược đãi. Và muốn được làm chủ hoàn toàn nước Việt-Nam rộng lớn với một số ít quân sĩ và nhẹ phí tổn, Pháp tìm thế làm yếu thế lực của Việt Nam bằng việc tách rời khỏi xứ này, sự thần phục của nước Cao Miên ở phương Nam,

và cuộc bang giao cổ truyền của Trung-Hoa ở phương Bắc.

Vậy nên, vừa chiếm ba tỉnh miền đông Nam Kỳ (1862), Pháp liền vận động bảo hộ nước Cao Miên (1863); như thế, về chiến lược, quân đội Pháp kể như được làm chủ tình hình tronlục tỉnh. Và khi chiếm nốt ba tỉnh miền tây (1867), họ bèn lo định an bố cõi với Miêntriều hầu được rảnh tay để hành động nơi đất Bắc, đang bắt chặt triều đình Huế nhận chịu việc bảo hộ sau này. Do đó ranh giới Nam Việt với Cao Miên được chánh thức hoạch định giữa thống đốc Nam Kỳ và Miên hoàng năm 1873, và như thế, miền Nam mới tạo thành sau lại có biên giới chính thức trước, trong lúc tại miền Bắc, có trước tư ngàn xưa, ranh giới lại được chánh thức hoạch định sau, do hiệp ước Thiên Tân (1885) ký kết giữa hai nước Pháp và Trung Hoa tại Paris.

Vì tính cách oái ăm của lịch sử ấy nên trong bài này chúng tôi chỉ trình bày việc hoạch định ranh giới Việt Nam miền Bắc, và ranh giới Việt Miên miền Nam, mà không nói đến biên giới miền Tây giữa Việt Nam và Lào quốc.

I RANH GIỚI VIỆT HOA

Khởi có từ năm Giáp thân (264 sau công nguyên) đời Ngô thời Tam quốc, ranh giới được gần như ngày nay, từ năm Nhâm ngọc (622) đời Đường; được vua hai nước Việt Hoa chánh thức nhận: vào năm Giáp Tý (1084) giữa Lý Nhân Tông và Tống Thần Tông và vào năm Mậu Thân (1728) giữa Lê Dụ Tông với Thiê Tông Hiên Hoàng đế nhà Thanh; và rốt hết được chính thức hoạch định như hiện bây giờ, từ tháng 6 dương lịch năm 1897, - sau mười hai năm - do hiệp ước Thiên Tân năm 1885, ký kết giữa hai nước Pháp và Trung Hoa, không có Việt Nam tham dự.

A) TƯ TIỀN SỬ ĐẾN NĂM GIÁP THÂN (264 sau C.N)

Nước Việt Nam cổ sơ tên Văn Lang, ở phía đông Nam nước Trung Quốc; địa giới giữa hai miền Việt Hoa từ đầu đến đầu không thể biết chắc được. Miên Nam là bộ Nhật Nam giáp ranh với Lân Ấp.

Núi sông hiểm cách, đường giao thông thiên nhiên không nhiều, nên trong nước chi thành khu vực gọi là bộ. Khu vực nào có bộ lạc tự trị này. Có 15 bộ chịu quyền hành của vua Hùng vương, đóng đô ở tại Châu Phong (làng

Bách Hạc tại tỉnh Vĩnh Yên ngày nay).

Lưu truyền trải mười tám đời vua họ Hồng - Bàng, nước Văn Lang sau bị vua các nước láng giềng nối tiếp chinh phục:

- An Dương Vương nhà Thục đánh lấy năm 257 trước C.G.S. gồm với xứ mình thành nước Âu-Lạc, đóng đô tại Cổ Loa (tỉnh Phúc Yên ngày nay).

- Tần Thi Hoàng thấy miền Nam nhiều châu ngọc, năm 222 tr.C.G.S. sai Đồ Thư đánh chiếm các xứ Bách Việt chia làm ba quận: Quế Lâm, Nam Hải, Tượng quận. Nước Văn Lang ở v ã o quận Tượng.

- Triệu Đà, tướng nhà Tần ở quận Nam Hải, nhân nước Tần suy, năm 208 tr.C.G.S. sáp nhập nước Âu Lạc vào quận Nam Hải lập nên nước Nam Việt, đóng đô tại Phiên Ngung (Quảng Đông)

- Lữ Bố Đức, tướng nhà Hán, năm 111 tr.C.G.S. đánh chiếm nước Nam Việt mà chia l ã m chín quận, gọi tên chung là Giao Chỉ bộ hoặc Giao Châu. Phần lớn vùng trung châu Tượng-quận cũ đời Tần chia ra làm quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam; một phần thì nhập v ã o quận Nam Hải thành quận Hợp Phố.

Nước Văn Lang, vì thế, bị thuộc nhà Hán cùng với các xứ Bách Việt kia. Về địa giới nhà Hán (206 tr.C.G.S. - 220), miền cực Nam, t ở i gần Đèo Ngang ngày nay.

Dân Việt cư trú vùng châu thổ, lưu vực sông Hồng Hà rộng lớn, đất đai phì nhiêu, s a n h sông dễ dàng, giao thông tiện lợi. M i ề n thượng du miền núi hiểm trở thì có nhiều dân tộc khác gọi là Man dân (Thái, Thổ, Mường, Mèo, Mán...) cư trú. Ranh giới như vậy cũng chưa phân định giữa Trung Hoa với Việt Nam.

Thời Bắc thuộc, có nhiều Thái thú tàn ác cai trị quân Giao Chỉ. Năm 39 sau C.G.S. Hai Bà Trưng khởi nghĩa đánh đuổi Thái Thú Tô Định bạo ngược và xưng vương (39-43). Trưng-Mã Viện đánh thắng hai bà năm 43, tiến quân đến sông Mã (tỉnh Nghệ An). Khi rút quân về, họ Mã sai dựng cột đồng ở biên giới để ghi công.

Theo hai ông Đào Duy Anh và Hoàng Xuân Hãn thì "thuyết nói cột đồng dựng ở gần Đ ề o Ngang, phía nam Hà Tĩnh, trên đảo con ở vùng Chùa để đánh dấu ranh giới nhà Hán ở phía Nam" (1) có lẽ đúng hơn là thuyết nói cột đồng dựng tại Lạng Sơn (2) biên giới Việt Hoà sau này.

Nước ta lại bị Bắc thuộc.

Đầu thế kỷ thứ III, nhà Đông Hán suy. Nước Trung Hoa chia ba, gọi là Tam Quốc (220 - 265): Ngụy, Thục, Ngô.

Quận Giao Chỉ thuộc nước Ngô, nhờ Thái thú Sĩ Nhiếp (187-226) cai trị có phép tắc nên được yên. Sĩ vương triều công nhà Đông - Ngô và tự chủ trong 40 năm, mất năm 226.

Vua nhà Ngô bèn tỉnh chia Giao Chỉ bộ làm hai châu: Quảng châu và Giao Châu; đem số cai trị về Hợp Phố, cho Lữ Đại làm thứ sử. Trần Thì làm thái thú thế Sĩ Nhiếp. Song con Sĩ vương là Sĩ Huy, không phục, d ã e m quân chặn đánh, rồi tự xưng thái thú, tuy giao với nhà Ngô.

Lữ Đại đem quân sang dụ hàng, rồi giết cả năm anh em Sĩ Huy (229) Vua Ngô không chia Giao Chỉ bộ; đặt quan Thái Thú cai trị.

Các quan Thái Thú phần nhiều là kẻ t ã n ác. Năm 248, bà Triệu Ẩu mới 23 tuổi, quê ở Cửu Chân (nay là phủ Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa) khởi binh đánh thứ sử Giao Châu là Lục Dân, nhưng vì binh ít, được sáu tháng bà thua chạy đến xã Bồ Điền thì tự tử.

Thấy ở Giao Chỉ bộ miền Bắc được yên, miền cực Nam thường có bạo động, nên năm Giáp Thân (264) vua nhà Ngô bèn tách ra hai: 1) Quảng Châu gồm Nam Hải, Thượng Ngô, Uất - Lâm; châu trị là Phiên Ngung; 2) Giao Châu gồm Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam; châu trị là Long Biên.

Ranh giới hai châu bắt đầu có tư cố:

Đến khi nhà Tấn (265-420) diệt nước Ngô năm 280, nhất thống sơn hà, thì Quảng châu yên tĩnh được nhập về Trung Quốc.

B) TỬ NĂM 622 ĐẾN NĂM 1728

Nhà Ngô bị diệt. Thái Thú Giao Châu là Đào Hoàng lại tiếp tục triều công nhà Tấn, nên nước Giao Châu được yên và trở thành nước "phiên ly" làm rào giậu che chở nước Trung Quốc.

Năm 618, nhà Đường diệt nhà Tùy và nhất thống lãnh thổ. Bốn năm sau, năm Nhâm Ngọ (622) vua Đường cho sáp nhập Hợp Phố của Giao Châu vào Trung Nguyên, hợp các quận

(1) Hoàng Xuân Hãn - Đại Nam Quốc sử diễn ca, quyển 1 trang 66.

(2) Theo ông Deveria, trong quyển La Fron-tière Sino-annamite, trang 77, thì tại Lạng Sơn, gần Quý Môn Quan, có miếu thờ Phúc Đa Mã Viện, nhưng không thấy nhắc đến cột đồng.

Giao Chi, Cửu Chân, Nhật Nam làm một xứ gọi là Giao Châu - sau đổi tên là "An Nam ĐỘ PHỦ" (679) - chia làm 12 châu, thủ đô là Long Biên.

Như thế ranh giới giữa hai nước Việt Hoa, có từ năm 264, bị thu hẹp lại (năm 622), và thành ranh giới cố truyền của nước Việt-Nam từ thời Độc Lập (939) đến giờ. Ranh giới này rộng hơn ranh giới ngày nay.

Đứng ra, đó chỉ là ranh giới vùng Lương Quảng, từ Cao Bằng ra biển. Giao châu giao thông với Trung Nguyên, đường bộ do m ả y thông lộ thiên nhiên, nhất là ai Nam Quan (Lạng Sơn); đường thủy, miền duyên hải vịnh Hạ Long. Mỗi lượt xâm lấn Việt Nam, quân Trg Hoa đều do mây đường thiên nhiên này m ả tiến binh.

Còn biên giới miền Tây Bắc nước ta thì núi non hiểm trở, tiếp giáp với nước Nam Chiếu nay là tỉnh Vân Nam (nước này thường quấy nhiễu "An Nam ĐỘ PHỦ", có lúc chiếm phá trong mười năm từ năm 854 đến 865, sau bị quân Mông Cổ diệt vào năm 1252).

Ranh giới các xứ lúc đó chỉ do vua Trung-Quốc tự ý phân định.

Qua thời bắc thuộc, trong thời độc lập, các triều đại Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê thường phải chống giữ cuộc xâm lăng của các triều vua Trung Quốc: Tống, Nguyên, Minh, Thanh. Nhờ ngoại giao khôn khéo đối với địch quốc, kẻ lộ phương bắc, các vua Việt Nam tuy có thg được tướng Trung Hoa nhường vãn xin từng phục vua Trung Hoa nên thế nước được vững yên, và ranh giới cố truyền chỉ bị t h a y đổi đổi chút.

a) BIÊN GIỚI MIỀN ĐÔNG ĐẾN NĂM 1527

Man dân vùng biên giới Lương Quảng g ờ m nhiều giống khác nhau. Sứ ta tùy theo họ ở mỗi dân tộc mà gọi tên: họ Hoàng, họ Vi, họ Thân. Các họ có đất riêng mà tự trị. Ở i Tống họ chịu tước phong của vua Trung Hoa. Đầu nhà Minh, các trại chưa bị thu ần t n.

Trong các họ, có họ Hoàng là lớn, ở sáuchâu Tư Lâm, Cổ Sum, Liễu Cát, La Phù, Kim Lạc, Chiêm Lăng. Họ Hoàng chịu tước phong n h à Tống. Đến đời Minh, Trung Hoa thu ần trại chúa và cho họ Hoàng làm đồng trưởng. Vì thế khi bình định vương Lê Lợi đuổi quân Minh ra khỏi xứ (1428), họ Hoàng bèn dâng

sáu châu ấy, có trăm cây số vuông, cho vua Lê Thái Tổ (1428-1435) mà chịu thần phục.

Được trót trăm năm, Mạc Đăng Dung, khi chiếm ngôi Lê (1527), bèn đem sáu châu ấy dâng Vua nhà Minh để cầu phong. Từ đó, phần đất không phải của Việt Nam đó lại sáp nhập vào châu Khâm tỉnh Quảng Đông nước Trung Hoa.

Và ranh giới vùng Quảng Đông, giữa hai nước Việt-Hoa cũng an bài, lấy con sông An-nam - giang làm ranh.

b) BIÊN GIỚI VÙNG CAO BẰNG THỈ THAY ĐỔI TỪ NĂM 1084

Cao nguyên vùng phương Bắc nước ta có nhiều mỏ: mỏ vàng ở Quảng Nguyên, mỏ bạc ở Ngân - Sơn; mỏ đồng chì và thiếc ở Tụ Long.

Thổ dân vùng này có họ Nùng là đông và mạnh ở nhiều miệt Cao Bằng, Quảng Nguyên, Thái - Nguyên, nhờ các lò vàng bạc, họ trở nên giàu có.

Đến đời Lý, Nùng Tôn Phúc ở trong đất Đ a i Việt mà không chịu công vua Lý, lại chiêu tập dân các động khác rồi xưng vương. Lý - Thái Tông bèn tự cầm quân lên đánh bắt giết (1039). Con út Nùng tôn Phúc là Nùng Trí Cao cùng mẹ chạy thoát, sau cùng bị vua Lý bắt, rồi được tha. Vua Lý còn ban cấp chức tước.

Nùng Trí Cao lớn lên, chiêu tập thổ dân đánh phá miền biên giới Ung Khâm (Lương Quảng - ngày nay). Vua Tống đem quân đánh dẹp không nổi, sau Địch Thanh, tướng Tống, dùng mưu mới đánh tan (1053).

Các tướng tá chúa Nùng không chịu phục Đại Việt, ngã theo Trung Quốc và dâng đất c h o vua nhà Tống: năm 1057 Nùng tôn Đãng dâng - động Vật Ác và các động nhỏ xung quanh khác năm 1064, Nùng Trí Hội dâng động Vật Dương.

Vua Lý bèn Đại Việt thầy Nùng Trí Cao có lúc đánh thắng quân Tống bèn tính mở rộng biên cương miền Bắc. Năm 1075, vua sai Lý Thường Kiệt tiến quân sang Trung Hoa. Lý đánh thắng hai châu Khâm và Liêm (Quảng Đông) và chiếm châu Ung (Quảng Tây) rồi rút lui.

Vì vậy, năm sau (1076), Vương An Thạch tể - tướng nhà Tống, sai quân đánh trả thủ.

Nhờ quân Khê Động hàng mau nên quân Tống - chiếm được mấy châu huyện ở biên thùy rồi

tiên sâu vào nội địa nước Đại Việt. Nhưng khi đến sông Như Nguyệt, quân Tống bị Lý Thường Kiệt đánh chặn.

Sau vì tiền không được, phần thì quân - sĩ không hợp thủy thổ chết mất rất nhiều phần thì lương sắp cạn, nên tướng Tống rút lui (cuối năm 1077), chỉ chiếm mấy châu - huyện lấy được ở biên giới.

Vua Lý bèn đem công vua Tống năm con voi trắng và dùng ngoại giao mà thu lại được những châu huyện bị chiếm ấy (1084).

Còn hai động Vật Ác, Vật Dương, do tướng - Nùng dâng nhà Tống, năm 1057 và năm 1064, thì vua Tống Thần Tông không chịu trả lại. Sĩ bộ Đại Việt, ông Lê Văn Tinh sang dõ đi đến lần thứ sáu (1088) mà cũng không được.

Thế là từ năm 1084, hai động ấy đã thiết thọ nhập vào lãnh thổ Trung Quốc, Vật Ác và Vật Dương nay thuộc về châu Trần An, Quý Thuận của Tỉnh Quảng Tây nước Trung Hoa - (theo Hoàng Xuân Hãn - Lý Thường Kiệt IV II)

Và ranh giới phân chia từ trước, được vua hai nước Việt Hoa nhìn nhận vào năm 1084, sau khi ta mất hai động.

C) BIÊN GIỚI VÙNG TỰ LONG (TỈNH TUYẾN QUANG THỜI LÊ) BỊ XÂM CHIÊM NĂM 1687 MỚI TRẢ LẠI VUA LÊ NĂM 1728

Nhà Mạc bị nhà Trịnh diệt năm 1625. Con cháu nhà Mạc, Mạc Kính Vũ bị Trịnh Tạc đánh ở Cao Bằng năm 1667, bèn chạy sang Trung - Hoa dứt lốt vua nhà Thanh để bắt chử a Trịnh trả cho bốn châu ở Cao Bằng (Thạch Lâm, Quang Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang).

Song Mạc Kính Vũ lại thông đồng với Ngô Tam Quế là tướng Minh chống với nhà Thanh ở Quảng Tây, Tam Quế chết. Thanh triều chiếm Quảng Tây, Trịnh Tạc thừa cơ hội, sai người tố giác việc ấy với vua Thanh, rồi đem quân đánh Cao Bằng. Mạc Kính Vũ chạy sang Tàu bị vua nhà Thanh bắt giao cho chúa Trịnh giết đi (1677).

Nhưng "... Quân Thanh xâm chiếm đất ta Vị Xuyên, Bảo Lạc, Nà Oa, Lộc Bình, đem thư biên với nhà Thanh, mở đồng, mở kềm lại giành về ta. Lập bia trên Đồi Chử Hà Giới cương từ đó mới là phân minh"... (Đại Nam Quốc sử diễn ca)

Lối năm 1787, chủ tướng Văn Nam thấy vùng mở đồng Tự Long thuộc hai tỉnh Tuyên Quang và Hưng Hóa giáp ranh với tỉnh Vân Nam cũ.

Vua Lê cố biện lý để kêu nài với quan v ua nhà Thanh song vô hiệu quả.

Đến thời vua Lê Dụ Tông (1706-1729), Trịnh - Cường làm chúa, sửa đổi nhiều việc trong - nước. Bây giờ các mở trong nước đều do người Trung Hoa khai thác, nên năm Đinh Dậu (1717) chúa định lệ "người Trung Hoa sang khai mở chỗ nào đồng chỉ được 300 người, chỗ nào vữa 200, chỗ ít 100 mà thôi".

Song về sau, họ không tuân theo, thường đến hàng vạn, rồi sanh sự đánh nhau. Chúa Trịnh phải dùng đến quân lính đánh dẹp mới được. Tiên thế, thấy mấy lượt kêu nài vua Thanh không xong, quân ta chiếm lại vùng mở Tự Long (1726), bởi nó thuộc của Việt Nam hơn ngàn năm nay.

Quán trấn thủ ở tỉnh Vân Nam phải đệ sớ về kinh. Vua Thanh cho lập ủy ban coi v i ệ c phân giới. Việt Nam chỉ lấy lại được 80 dặm đất mất, đặt ranh ở núi Duyên Xương, còn 40 dặm trong đó có mở đồng quan trọng Tự Long thì người Trung Hoa cho sáp nhập vào p h ù Khai Hoa, tỉnh Vân Nam.

Mở đồng ấy thường niên cung cấp củi tron xủ Việt Nam và còn bán ra cho người Hòa Lan, Anh Cát Lợi. Vì vậy vua Lê phải sứ bộ đệ sớ kêu nài lần nữa tại Yên Kinh. Vua Thanh thấy sớ kêu nài lối lẽ cảm động, tỏ lòng kính cẩn thân phục Thanh triều, nên vui nhận và phân lệnh trả phần đất có mở Tự Long và cho đặt một giới giữa hai nước ở sông Đổ Chử.

Nhưng khi quan Việt Nam đến nhận đất và hoạch định biên cương thì quan địa phương Trung Hoa tìm cách gạt, chỉ sông Chảy ở phần đất Việt Nam mà cho là sông Đổ Chử. Song q u a mất không được, bởi phái bộ Việt Nam biết rõ sông Đổ Chử thật ở phủ Khai Hoa. Bây giờ họ mới chịu và hai bên lập bia tại hai bên mé sông Đổ Chử, dưới chân núi Duyên Tế (Mã Bạch Nam Sơn) (1728)

Và do sự nhìn nhận giữa vua Dụ Tông nhà Lê và vua Thế Tông Hiến Hoàng Đế nhà Thanh - "giới cương từ đó mới là phân minh".

Học Giả Lê Ngọc Trụ

VIỆT NAM PHONG SỬ

(Kỳ II)

Nguyễn Văn Mai bản dịch của
Tạ Quang Phát
Mặc Khách sớ lục



CHƯƠNG 6

Tạnh trời mây cuốn về non
Hẹn cùng cây cỏ chốn công
mía.

Thơ Phong sử này thuộc tỷ. Ý
nghĩa của chương này chưa rõ
ra sao.

Trong thời vua Hùng Huy Vương
ở bộ Vũ Ninh (nay là huyện Vũ
giang tỉnh Bắc Ninh) có giặc
đã nhiều năm mà triều - đình
chưa dẹp yên được. Vua tìm
người có tài đánh lui được
giặc.

Làng Phú Đông có một đứa trẻ
nhà giàu sinh ra được batuổi
mà không nói được.

Lúc trong nước có giặc, sứ nhà
vua đi đến thì đứa trẻ chột
nói được, bảo mẹ mời sứ nhà
vua đến mà dạy rằng "Xin cho
một thanh gươm và một con
ngựa thì sẽ vì vua mà dẹp
giặc".

Vua ban cho gươm và ngựa
theo lời câu xin. Đứa trẻ hay
lên ngựa rút gươm tiến tới,
quan quân nổi theo sau, đánh
nhau với quân giặc ở núi Tru
són (nay ở huyện Tiên du).
Quân giặc vỡ tan mọp xuống
lầy, gọi người là Thiên tướng
(tướng quân nhà Trời) mà đầu
hàng.

Đứa trẻ liền phi ngựa vượt
lên núi Vệ Linh (tại phủ Thiên
phúc).

Vua nhớ công, cho lập đền thờ
ở làng Phú Đông và ở núi Vệ
Linh, phong làm Đông Thiên
vương. Trong đền thờ có câu
đối:

Bất kỳ hà niên phi thiết mã.
Tướng truyền thi địa gia i
nhưng y.

(Không nhớ là năm nào Ngài đã
phi ngựa sắt.
Tướng, truyền Ngài cỡi bò quân
phục ở chốn này).

Sách Ngự chế Việt sử tổng
vinh nói:

Công thành thân thoát tủy mã
phi.

Lại từng hà lai? khải hà quy?

(Công đã thành thì thân phải
lui, phóng ngựa bay đi.
Đến thì tứ đâu? Đi thì về đâu)

Đông Thiên Vương, là người lập
đệ nhất vũ công ở nước Việt
ta chăng?

Này, về đời Hùng vương về sau
truyền nói trải qua nhiều đời,
dân yên ổn có làm công nghi,
một lần gặp giặc ở bộ Vũ Ninh
nhân dân trông có người dẹp
yên giặc cũng như làm mưa
trông mưa.

Đông Thiên vương một lần xuất
trận thì dẹp trừ ngay quân
giặc rồi ẩn thân không xuất
hiện nữa, thành công rồi mà
không ở lại. Nhân dân ở đó c

khỏi trận giặc mà sống yên,
cũng như cây cỏ mọc lên được
khỏi cơn nắng hạn, thì cái công
làm mây và đổ mưa của Đông -
Thiên vương đã thành tựu.

Tục truyền về sau Thiên vương
hiện linh ở Tam đồ sơn, nhân
dân tâm huyền lập đền thờ ở
Ngài. Mỗi năm đến ngày mùng
10 tháng 8 là ngày đại hội
cúng tế bảo ôn thân.

Mỗi xã đem một con trâu đến
chơi nhau. Xã nào thắng trận
chơi trâu là được điếm lạnh.

Mỗi kỳ đại hội đều có múa to
gió lớn, cho nên có câu ca
dao:

Nào ai buồn bán dậu dậu,
Mùng mười tháng tám chơi trâu
thi về.

Không có năm nào không ứ n g
nghiệm đúng như vậy. Đó là
trận mưa rào của Thiên vương
trong một năm đầy ru?

CHƯƠNG 7

Mệnh mông góc bể chân trời.
Nhưng người thiên hạ nào
người tri âm?
Buồn riêng thói lại tủi
thâm:
Một duyên, hai nợ, ba lần lấy
nhau.

Thơ phong sử này thuộc phú.

Thục An Dương vương đánh phá
thôn tính nước Văn Lang, đời
quốc hiệu là Âu Lạc đóng đô
ở Loa Thành.

Nhà vua được cái móng của
linh quý, sai bề tôi làm chiếc
nỏ thần, dùng cái móng làm
lấy nỏ, gọi là Linh quang kim
trảo thần nỏ.

Triệu Đà đem quân đến xâm
phạm An Dương vương dùng nỏ

thần bắn phá, Triệu Đà thua chạy. Triệu Đà biết Vương có nỏ thần không thể địch nổi sai con là Trọng Thủy vào làm Thị-túc-vệ cho Vương và cầu hôn con gái của Vương là công chúa My Châu. Vương ưng thuận.

Trọng Thủy dụ My Châu xin cho xem trộm nỏ thần và lên phá huỷ cái lẫy, mà trái cái khác, rồi thác cớ trở về thăm cha mẹ. Trọng Thủy nói với My Châu:

- Sau này như hai nước thất hòa, Nam Bắc cách biệt, ăn - tỉnh chống vợ làm sao được gặp nhau?

My Châu đáp:
- Thiếp có tâm nếm lũng ngông còn mang theo bên mình, đi - đến đâu thì rút lũng để ở ngã rẽ làm dấu.

Trọng Thủy trở về báo cáo cho Triệu Đà. Triệu Đà liền phát binh đánh An Dương Vương không ngờ lấy nỏ đã mất, cứ đánh cỡ mà cuối nói: "Triệu Đà không sợ thần nỏ của ta ư?"
Quân Triệu Đà tiến sát đến, Vương cầm nỏ thần lên thì thấy đã gãy. Vương thua chạy đặt My Châu ngồi phía sau - trên ngựa mà chạy về Nam.

Trọng Thủy nhận dấu lõng ngông cứ đuổi theo. Vương chạy đến bờ biển thì cũng đuối liền gọi: "Thần - Kim quy đến cứu ta".
Kim quy vọt lên mặt nước và bảo: "Kẻ ngồi phía sau trên ngựa là giặc đó".

Wương rút gươm muốn chém My Châu. Nàng than rằng: "Một - tiết trung tín bị người lừa dối, nguyện hoá thành ngọc châu để rửa mối nhục thù này Duyên ôi! nợ ôi! Lạm ôi!"
Nàng nuốt hận biết là đuối nào?

Thượng thay My Châu với tư-

chất yếu điệu, nàng làm vợ - người nước láng giềng, đã bị chồng lừa gạt, lại bị c h a nghi ngờ, ngàn năm oan hôn của nàng, khó tự biện bạch được! Biên Nam nổi sóng âm mưu như gào thét giải oan c h o nàng vậy.

Ý nghĩa của thơ phong sự này giống như thế cho nên m ở i chép ra để bình luận với các vị quân tử.
Thường bình luận về cái có hứng vong của Thục An Dương vương:

An Dương vương là một v u a hèn yếu, có quốc gia đông - thời với Hùng vương, bất quá chỉ là một tộc họ trong Bách Việt mà thôi.

Wương cầu hôn mà không được lại thốt lời thề phải tiêu diệt nước Văn Lang. Không - nhân việc nhỏ mà muốn khởi mưu to, vương không có h ù m lược trộm dơi, điều đó có thể biết được. Nếu như lúc Hùng - vương theo phụ đạo truyền đến đời thứ 18, Lạc Hầu cầm quyền chính trị lượng xét nhântại Lạc tướng cầm binh, coi giữ những nơi trong yếu, thì đầu lúc ấy có gọi là cuối ở ở i Hùng Vương, An Dương vương thật không rãnh lo cúi, đầu tự xưng là kẻ bề tôi ở phiến trần, còn lấy đầu mà hứng - phát lên được?

May lúc ấy Hùng vương không lo việc vũ bị, cho nên k h i quân địch tràn vào, liền v i say mê rượu chè mà mất nước. Thật có thể gọi là xuống vực lấy được hạt trần châu dưới hàm con rồng gặp lúc nó đang ngủ.

Việc hứng phát của An Dương vương thật không đáng kể, còn đến cỡ suy vong của An Dương vương lại còn có chỗ tệ hơn nữa.

Hùng Lạc (Văn Lang) là m ộ t nước cũ đã 2.000 năm, gồm có núi sông của 15 bộ, đất đai - không phải là không rộng, nhân dân không phải là không đông, một lần cử binh mà đánh lấy được thì phải lo, việc chính trị nhân đức, sửa sang quân đội, đặt quốc gia l ê n nên tàng vững vàng như núi Thái sơn, thì đầu Triệu - Đà là hùng, Trọng Thủy là t r á cũng chẳng làm được gì An Dương vương.

An Dương vương đã chẳng lo những việc như thế mà cứ đặt lạc yên vui, giao phó v i ệc mưu giữ biên thủy, vào cuộc - cơ, giữ nước đã không k ế sách chỉ cây vào loa thành, đuổi giặc đã không trí mưu, chỉ dựa vào mộng linh quylàm lẫy nỏ. Cho đến vùng sông Bình - giang (nay là sông Thiên - đức ở huyện Đông ngạn) thuộc về Triệu Đà, My Châu gả cho Trọng Thủy, quên thù mà cứng, yêu không tính ngộ, ngu xuẩn như thế còn ai hơn được?

Cha vợ ngu điếc thì gặp chằng rẽ bạc tỉnh dôi trúa. Không - cần chờ thấy đến việc r ú t lõng ngông bỏ ở ngã rẽ v à việc cũng đường ở bờ biển Nam Hải, người hiểu biết đ ấ độ trước rằng An Dương Vương tất phải mất nước vậy.

Than ôi! Ở một người như An Dương vương, việc hứng phát thật chợt thỉnh linh, t h i việc bại vong cũng h ồ nh iên vậy.

Khảo xét phần ngoại ký, đại - lược không có văn minh khởi hóa làm đất xuất đầu lập - quốc cho nước Nam Việt ta. Trước có Hùng vương mơ mang nước ta ở vùng viêm nhiệt (nóng bức) biết cuối gá, c à y búa, theo phép nước Âu Lạc, phong tục thuần phác. Lúc ấy An Dương Vương hứng phát lên

thì nào có ích gì cho hồng-phúc của nhân dân ta? sau thì có Triệu Vũ Vương đã vô yên nước Nam ta, thừa cơ hội nhà Tần rối loạn, quật cường chống lại nhà Hán lập thành một nước cường thịnh. An Dương Vương tuy mất thì nào có lo buồn gì cho việc tai họa của nhân dân ta? Phong Khê đắm chìm trong mây phủ âm thầm, rồi Loa thành suy tàn âm đạm trong bóng chiều tà, quyền quân chủ nước Âu Lạc của An Dương vương chỉ còn lưu lại tiếng thốt ở phân tóat yếu trong lịch sử tội cố mà thôi, đó là điều may mắn đặc biệt vậy.

Kinh đọc phân ngữ phê của vua Tự Đức trong Khâm Định Việt sử thông giám cương mục: "vì hôn nhân mà thắng, vì hôn nhân mà bại".

Việc hưng phát và tàn m à t của An Dương vương thật không đáng kể. Đất đai với núi xanh nước biếc và quốc dân với dòng giống mẹ Tiên cha Rồng ngẫu nhiên mà được, rồi lại ngẫu nhiên mà mất thì há tất phải mừng cho An Dương vương và phải tiếc cho An-Dương vương?

Từ Kinh-dương vương tới An-dương vương cả thấy được bảy chướng.

— CHUỖNG 8 —

Có con phải khổ vì con.
Lấy chồng phải gánh giang sơn nhà chồng.

Thở phong sự nầy thuộc phú.

Triệu Minh-vương (tức Triệu-Anh-Tề) cưới con gái Trung Quốc nhà Hán họ Cù lập là m Hoàng hậu, sinh ra đứa c o n trai tên Hưng.

Minh vương mất, Hưng lên làm vua, đó là Triệu Ai Vương.

Trước kia Cù Hoàng Hậu chứa

lấy Triệu Anh Tề thường tư-thông với An Quốc Thiệu Quý người ở Bá Lăng bên Trung-Quốc.

Nhà Hán sai Thiệu Quý sang dụ Cù Hoàng Hậu và Triệu Ai vương sang châu ở triều nhà Hán. Thiệu Quý lại tư thông với Cù Hoàng hậu, vì thế người trong nước phần nhiều không theo. Cù Hoàng Hậu sợ cô nội loạn, muốn dựa vào uy lực nhà Hán nên đã làm lần khuyên vua và các quan xin cho nước Nam nội thuộc nhà Hán. Hán đế búng lòng. Nhưng thừa tướng Lữ Gia can ngăn không nghe mà có lòng là m phần. Cù Hoàng Hậu âm mưu giết Lữ Gia mà không thành công. Lữ Gia làm loạn. Hán đế hay tin, sai Hán Thiên Thu và người em trai của Cù Hoàng-Hậu là Cù Lạc đem quân vào nước ta.

Lữ Gia hạ lệnh khắp trong nước rằng: "vua còn bé. Thái-hậu họ Cù là người Tàu nhà Hán đã tư thông với sứ giả nhà Hán, chuyên tâm muốn đem nước Việt nội thuộc nhà Hán đem hết đồ quý trong nước nhà dâng cho nhà Hán để định hót lấy mỗi lợi nhất thời mà không đoái đến xã tắc của nhà Triệu".

Lữ Gia bèn cùng người e m trai đem quân đánh Ai vương. Ai vương và Cù Thái hậu đều bị giết.

Lữ Gia lập người con trưởng của Minh vương là Kiến Đức lên làm vua đó là Vệ -dương và giết sứ giả nhà Hán. Nhà Hán đem đại binh sang x ả m láng nước ta. Nhà Triệu mất.

Câu phong dao nầy chê trách Cù Hoàng Hậu không biết giữ đạo dân bà. Hễ lấy chồng thì theo chồng, chồng mất thì theo con, đó là công lệ của nữ giới.

Cù Hoàng hậu là người Tàu nhà Hán, chồng là Triệu Minh vương, con là Triệu Ai Vương. Giang sơn của họ Triệu đã ủy thác cho Hoàng Hậu, thế mà Hoàng-hậu lại muốn dẫn con về nhà Hán, đem nước cho phụ vào nhà Hán để củng cố nhà Triệu chăg? - Chẳng phải thế đâu!

Đối với người tình cũ, ân nghĩa nặng, không nhẫn xacách nhau lâu, ngày nào Hoàng hậu trở về nhà Hán, mỗi tình của Thiệu Quý sẽ triền miên dan dẫu, thì không khỏi một nhất gờm của thừa tướng Lữ - Gia thật đáng chăg?

— CHUỖNG 9 —

Thường chồng nên phải gắng gỏi
Nào ai xứng sát đá đồng chỉ
đây?

Thở phong sự nầy thuộc phú.

Trưng Nữ vương tên Trắc, họ Trưng, con gái của Lạc tướng, ở huyện Mê Linh đất Phong - châu (nay là Yên-lãng), là vợ của Thi Sách ở huyện Chu Diên.

Lúc ấy thái thú Tô Định thi hành chính sách thảm bạo. Nữ vương hận Tô Định giết chồng bà, bèn cùng em là Trưng Nhị cứ binh đánh Phong-châu, hằm châu trí, dẹp yên được h ở n 60 thành ở Lĩnh -nam, tự lập làm vua, đóng đô ở Mê Linh.

Nhà Hán phong chức cho Mã - Viện làm Phục ba tướng quân - cho đem binh sang đánh Nữ - Vương. Mã Viện noi theo v e n biển mà tiến, đến hồ Lãng Bạc (nay ở huyện Vĩnh Thuận, nhà Lê đổi gọi là Tây-hồ, chúa - Trịnh đổi gọi là Đồi hồ) thì gặp quân của Nữ-vương.

(đón đọc tiếp kỳ sau)





truyện

HÙNG ĐẠO VƯƠNG

Lê Văn Phúc và Phan Kế Bính soạn - in lần thứ nhất tại Đông Kinh ấn Quán Hà Nội 1914.
Học giả Mạc Khách sưu lục

HỒI THỨ NHẤT

Nhân dịp biển, anh hùng xuất hiện,
Ý thế to, đạo khấu tung hoành.

Trải xem xưa nay nước Nam anh hùng, hào kiệt cũng nhiều, mà anh hùng lại thường nhân lúc biển loạn mới hiện tiếng. Về thời trước như Ngô Quyền, Đinh Thiên Vương, Bồ Cái Đại Vương, Đinh Tiên Hoàng, hai vị Trưng Trắc, Trưng Nhị, Lý Thường Kiệt, tuy so với thế giới thì chưa thêm vào đâu, nhưng trong một thời làm nên công nghiệp kinh thiên, động địa, cho đến nay trong nước được nhớ, thì cũng lâu được tiếng thơm về sau, khiến cho ai nghe thấy truyện phải kính, phải trọng, phải yêu, phải mến, mà đức nên một cái hồn tinh táo trong cõi Nam Việt.

Từ khi những bậc anh hùng ấy quá vắng, non nước trải bao thu, kể đến nhà Trần, mới có một tay đại anh hùng xuất thế.

Triều nhà Trần, lòng trời mở vận Đông a, tổ tích phát tại làng Tức Mặc (huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định). Vua Thái Tôn thay ngôi nhà Lý, Ngài là một vị minh quân, lại nhớ có vận số trăm quan, hết lòng phò tá. Từ khi lên ngôi đến bấy giờ, ngoài 30 năm, bốn phương yên ổn, trăm họ vui vẻ thái bình.

Bây giờ bên Tàu đang thời vua Lý tôn nhà Tống. Nhà Tống lúc ấy đang vận suy nhược, mà vận nhà Nguyên sắp lên. Nhà Nguyên vốn là giống Mông Cổ. Vua thế Tổ nhà Nguyên tên là Hốt tất Liệt, đang lúc cường thịnh binh hùng tướng dũng, nay đánh Kim, mai lấn Tống, chăm một việc mở mang bờ cõi.

Trong năm Đinh Tỵ, niên hiệu Nguyên-phong thứ bảy (Bảo hựu thứ năm nhà Tống, tây lịch 1257 sau Thiên chúa giáng sinh), tướng Mông

Cổ tên là Ngột-luông-cáp-Thai (có bản dịch là Ô-lan-cáp-Đạt) nhân vừa bình định xong đất Đại Lý tức là đất Vân Nam) tháng tám kéo quân tràn sang phân Hưng Hoá nước Nam. Chứa trại Qui Hoá tên là Hà Khuất, vội vả sai người chạy ngựa phi báo về kinh đô - Thăng Long (Hà Nội).

Bữa sau vua Thái Tôn khai chầu, trăm quan áo mũ lạy trước sân rồng, tung hô ba tiếng rồi có thái sư tướng quốc là Trần thủ Độ (chú vua) ra ban tâu rằng:

- Tâu bệ hạ, nay có chúa trại Qui Hoá báo tin rằng quân Mông Cổ tràn vào phân Hưng Hoá, xin thánh chỉ phán cho làm sao?

Mặt rồng nổi giận phán rằng:

- Mông cổ vô cớ muốn lấn vào cõi ta, chẳng hay vấn vở các người, có ai ra phòng ngự được cho trăm không?

Có một vị vương bước ra tâu rằng:

- Muốn tâu bệ hạ, thần xin cất quân raphòg ngự.

Vua nhác trông ra thấy một vị mặt phượng mũi sơn, trán cao, hàm én, oai phong dĩnh dĩnh, tướng mạo khôi ngô, mới gần trạc 30 tuổi.

Vua cả mừng nói rằng:

- Nếu cháu có bụng can đảm như thế, vậy thì cho cháu cất quân đi, nhưng ra đó mà liệu thế không chống nổi, lập tức phi báo về cho trăm biết.

Vị ấy mừng rỡ lạy tạ trở ra, các quan đều trông mắt thì là Hùng Đạo Vương, ngài họ Trần húy Quốc Tuấn, phụ thân Ngài là An sinh vương Liễu, tức là anh ruột vua Thái Tôn, mẫu thân là An sinh vương phu nhân, húy Nguyệt.

Khi trước, phu nhân có mơ thấy một ông thần tinh vàng, tướng ngọc, tự xưng là Thanh tiên đồng tử, phụng mệnh ngọc hoàng, ban cho kiếm ấn và đủ tam tài, ngũ bảo, xuống xin dâu - thai. Nhân thế có mang. Đến khi sanh ra Ngài (Xét trong hành trạng lục, thì nói Ngột-luông-cáp-Thai sinh ngày mông mười tháng chạp năm Nhâm Tý niên hiệu Nguyên phong thứ hai. Nhưng so với sử ký thì chắc là sai. Vì năm Nguyên phong thứ bảy, ngài đã phụng mệnh đi đánh giặc, không lẽ mới có 5 tuổi. Và lại Ngài mất năm Canh Tý, thời vua Anh tôn, niên hiệu Hưng long thứ tám, thì đã ngoài 70 tuổi. Cứ như hành trạng, thì mới ngoài 40 tuổi cho nên biết là sai) gió thồm ngào ngạt, ánh sáng rực nhà. Cách hôm sau có người Đáo sĩ đến nói rằng: "Đêm qua tôi coi thiên

vấn, thấy một vị tướng tinh sa xuống ở đây, vậy tôi xin đến bái kiến." An sinh vương đưa Ngài ra cho đạo sĩ xem. Người ấy xem xong nói rằng: "Quý hóa! vương tử mai sau tất yên được dân, cứu được đời, làm về vang cho nhà nước."

Ngài đây tuổi tôi đã biết nói. Lặn sâu tuổi đã biết bày bát trận, làm thơ ngũ ngôn, thông minh khác chúng, An sinh vương kén những người có tài dạy ngài học; ngài học đến đâu thông đến đấy, xem rộng các sách, mà học thì cốt trọng, trọng hiểu làm đầu. Lại kiêm tập cả nghề võ: thường bàn thao lược với Chiêu Văn vương Nhật Duật (con thứ sáu vua Thái Tông), đêm ngày không biết chán, hai anh em rất tương đắc với nhau. Có khi hầu vua giảng sách trong tòa Kinh diên, giảng bàn nghĩa lý ứng đối như nước chảy. Khi nào nhân thì tập bắn. Lại thường đem lục thao, tam lược của thái công Tử Phòng diễn làm trận đồ, để dạy các tướng. Ngài xử với người bề dưới thì hiền từ, tiết kiệm, khoan dung, đó là tam tài dùng người thì kén người trí mưu, nhân hậu, dũng lược, trung thực, tín cần, đó là ngũ bảo cho nên các tướng sĩ nhiều người vui lòng theo với ngài.

Hùng Đạo vương có bốn người con, con cả là Hùng Võ vương Trần Quốc Nghiễn, thứ hai là Hùng Hiếu vương Quốc Uy, hai vị bấy giờ đã 15, 16 tuổi, giỏi nghề cung ngựa, sức lực hơn người. Con thứ ba là Hùng Nhượng vương Quốc Tăng, con thứ tư là Hùng Trí vương Quốc Nghệ, hai vị này thì mới 12, 13 tuổi, còn đang học hành. Lại có một cô con gái tên là Trinh, và một cô con nuôi tên là Nguyễn. Hai người tuy còn nhỏ, nhưng nhan sắc trông đã xinh dòn, cũng đang học nghề nghiên bút.

Ngài lại có 5 tướng bộ hạ cực giỏi: một người là Dã Tượng, sức khỏe như voi; một người là Cao Mang; một người là Đại Hành; một người là Nguyễn Địa Lô, 3 người ấy cũng võ nghệ cao cường, muôn người khó địch. Một người họ Yết tên Kiêu tự là Hữu Thế, người ở làng Hạ Bì tỉnh Hải Dương, khi trước thung vác củoc ra bãi bể, thấy hai con trâu trắng ở dưới bể lên chơi nhau trên bãi cát, một hôm Yết Kiêu ngồi định cầm củoc đánh vào đầu trâu, trâu chạy nhào cả xuống bể; Yết Kiêu giở củoc xem thì có lông trâu dính ở đầu củoc; Yết Kiêu cho là của quý, nuốt ngay vào bụng, tự bấy giờ sức khỏe lạ thường, lội dưới nước như đi trên mặt đất.

Khi ấy Hùng Đạo Vương phụng mệnh về nhà thu

xếp đồ khí giới, chia quân làm hai mặt, sai Dã Tượng dẫn một đạo đi đường bộ, Yết Kiêu dẫn một đạo đi đường thủy, ngài dẫn hai con là Hùng Võ Vương, Hùng Hiếu vương và các tướng đi sau. Tháng chín năm ấy, trống vang trời, cờ rợp đất, ba đạo quân tụ thành Thăng Long kéo lên mặt Hùng Hoá.

Tướng tiên phong là Dã Tượng đến trước, cắm đồn lập trại, chia giữ các nơi, cách vài ba ngày, Hùng Đạo Vương đến đại quân cũng đến nơi.

Ngột Lương cáp Thái nghe tin đại quân chia làm hai ngõ kéo đến, liền sai phó tướng là Xích Tu Tử dẫn quân đánh mặt thủy, cầm mình thì dẫn quân đánh mặt bộ.

Hùng Đạo Vương dẫn trận, sai Dã Tượng ra khiêu chiến. Dã Tượng cấp đao phi ngựa ra trước trận, hét to lên rằng:

- Bớ quân khuyển dượng kia! sao dám vào xâm phạm vào nước tao?

Ngột Lương cáp Thái nổi giận sai tên kiêu tướng là Áo Lỗ Xích múa thương ra địch. Hai tướng đấu nhau hơn 100 hợp, chưa rõ được thua, bỗng đứng trong trận Ngột Lương trở nổi âm âm, quân Mông Cổ chia làm hai mặt tràn đến, như nước vỡ đê, Hùng Đạo vương vội vàng chia quân ra địch; nhưng quân mình ít quân Mông Cổ thì nhiều, Hùng Đạo vương liệu bề cụ không nổi rút quân chạy về Sơn Tây. Quân Mông Cổ thừa thế, đuổi tràn mãi xuống sông Thao mới đóng quân.

Yết Kiêu nghe tin đại quân lui về Sơn Tây cũng thu thuyền lui về. Xích tu Tử đuổi kịp, liền hợp quân với Ngột Lương Cáp Thái, Hùng Đạo Vương đóng quân ở Sơn Tây, sai người về kinh báo cáo cấp.

Vua Thái Tông được tin cả kinh, hội quần thần lại thương nghị, rồi truyền chỉ ngự giá thân chinh.

Sáng hôm sau sai kén 10 chiếc thuyền rồng cực to, và 300 chiến thuyền. Vua dẫn quân thành đức (tức là quân ngũ lâm) làm trung quân; Thái sử Trần Thủ Độ và tướng quân là Nguyễn Khoái dẫn tá quân, Thái úy là Trần Nhật Hiệu và tướng quân là Trần Bình Trọng dẫn hữu quân. Mỗi cánh dẫn 100 chiến thuyền 3.000 quân sĩ. Lê Phụ Trần dẫn 20 chiến thuyền làm tiên phong.

Thượng tuần tháng chạp, chiến thuyền kéo từ sông Phú Lương (tức sông Nhị Hà) lên mang sông Thao, đem quân lên bộ dẫn trận.

Ngột Lương cáp Thái dẫn quân ra đánh. Vua xông pha mũi tên hòn đạn, đốc thúc các tướng vào đánh. Tướng tiên phong là Lê Phu Trần, một tướng một ngựa, xông thẳng vào trận giặc đánh giết, ngựa đến đâu, quân Mông Cổ rẽ ra đến đấy. Tuy vậy quân Mông Cổ bây giờ đang mạnh thế quá, các tướng đánh cũng hăng, nhưng vẫn kém thế. Một hồi lâu quân quân dần dần núng thế phải lui. Vua dẫn quân xuống thuyền chạy về, sai Lê Phu Trần đi đoạn hậu, giặc cũng kéo xuống thuyền - đuổi theo, tên bắn ra như mưa, Phu Trần cầm một miếng ván thuyền đỡ tên, thuyền vua - chạy được thoát.

Hưng Đạo Vương trông thấy thế giặc to quá liệu bề giữ thành không nổi cũng rút quân về.

Quan quân lui về đến đâu, thì giặc thủ thế đuổi tràn đến đấy. Dẫn dẫn tràn xuống đến sông Phú Lương. Ngột - lương - cáp - Thái vào phá kinh thành, thấy 3 người sứ giả, bị giam trong ngục, người nào cũng trói bằng chạc tre lăn vào trong thịt. Nguyên là sứ c ú a Mông Cổ, sai đến dụ hàng, mà vua không nghe giam lại ở đây. Quân Mông Cổ cởi trói cho 3 người ấy, một người bị đau mà chết.

Ngột-lương-cáp-Thai giận lắm nghiên răng mà nói rằng:

- Ái chà! ai ngờ quân Nam Việt độc dữ làm vậy, xưa nay hai nước đánh nhau, không giết đến sứ giả bao giờ, mà nó xử tệ ác thế?

Lập tức truyền quân sĩ, cho làm cỏ nhân dân trong thành. Thương hai thay! già trẻ trăm họ bấy giờ, tóc bạc, đầu xanh làm gì nể tội chẳng may gặp phải quân hung ác, giận cá chém thớt, nó biết trách người xử tệ, mà nó xử tệ lại gặp trăm, gặp nghìn! xưa nay an - nghiệp sung sướng dường nào, mà bỗng dưng người bị đâm kẻ bị chém, người già con trẻ cũng mắc phải tai nạn, cửa nhà tàn phá dòn ruộng tan hoang, nói ra xót ruột đau lòng, ai mà không muốn xa thấy moi ruột những quân tàn ác ấy.

Quân Mông Cổ làm cho phủ tay tàn ác, rồi lại tiến quân đuổi theo đến bến Đông Bộ - đầu (thuộc huyện Thượng Phúc - Hà Nội), Vua lui quân về sông Thiên Mạc (thuộc phủ Lý - Nhân).

Hưng Đạo Vương bấy giờ tuy được dự c ã m quân, nhưng quyền chính còn do tự Thái Sứ

Trần Thủ Độ, và Thái Úy Trần Nhật Hiệu. Thủ Độ cũng là một tay tài cán giỏi, hết lòng lo việc nước. Nhật Hiệu thì tiếng là Hoàng thân, cầm quyền triều đình, mà trí mưu thì kém, làm lúc nguy hiểm không có tài ứ n g - biễn.

Khi ấy vua thấy quân Mông Cổ mạnh thế quân mình đã nguy núng đến nơi, Ngự thuyền đến hỏi Nhật Hiệu xem có kế gì không. Nhật Hiệu đang ngồi đầu thuyền, thấy vua hỏi, không biết nghĩ ra làm sao, mới cầm cái bơi chèo viết xuống nước hai chữ "Nhập Tống", là có ý khuyên vua chạy sang Tống.

Vua hỏi:

- Thế quân Tinh Cương (tên phong ấp c ú a Trần Nhật Hiệu) ở đâu?

- Tàu bệ hạ, đời chúng nó không đến nữa.

Vua bực mình, quay thuyền đến hỏi Trần Thủ Độ. Thủ Độ thì gan vắn vừng, mà ứng biến lại nhanh, liền tâu rằng:

- Muốn tàu bệ hạ, đầu tôi chưa rời xuống - đất, xin bệ hạ đừng lo!

Vua thấy nói cứng cỏi, bấy giờ cũng h ó i vừng dạ,

Đó là:

*Chỉ vì bên lòng lo việc nước,
Mới hay phá giặc lập công to.*

Chưa biết sự thế về sau thế nào, sẽ x e m hỏi sau phần giải.

Hệ Lụy

<p>Dòng sông trong hồn sắc trời đã cũ mây nào hoàng hôn trắng tà cổ đồ</p>	<p>Ồi nhỏ thương thời trăm hương nghi ngút hồn lên chơi với cỏi trời siêu thoát</p>
<p>phai cùng thời gian tiếng chim một thuở hoa xưa đã tàn tôi về qua ngõ</p>	<p>hệ lụy nào đây ảo đối khốc lại thiên thu ai hoài lệ sầu tuôn chảy</p>

lệ sầu tuôn mai người ơi...

Phạm Hoàng Thái _____

Paris 80

Đặt bút viết lại những giòng chữ này như là một lưu niệm cho những người thân thương ở những nơi đã đi và đã đến trên đất Mỹ và Canada, như là một hồi ký.

Đã biết bao nhiêu lần đi ngoại quốc từ Á sang Âu rồi từ Âu sang Mỹ, từ Mỹ trở về Âu Á hay Phi Châu, đối với tôi như một cuộc hành trình dài, cực nhọc nhưng đầy thi vị và hôm nay ghi lại nói đây một cái gì để nhớ.

Tôi vẫn thầm nghĩ rằng: mình là người có đầy đủ phúc duyên, mong muốn cái gì đều được thành tựu như ý nguyện cả. Âu đó cũng là việc nhân duyên đã đủ. Nhiều khi tự nghĩ lại - có nhiều người mong muốn dù mọi chuyện nhưng rốt cuộc chả được chuyện nào,

giới ngày nay biết được Việt Nam là n h ở chiến tranh và người tỵ nạn CS. Khi nói đến Việt Nam họ có vẻ thương hại hơn là kính nể. Cũng như bao nhiêu lần tôi gặp người Nhật trong những năm còn ở Nhật, họ hay hỏi tôi từ đâu đến? tôi trả lời là từ Việt Nam liền sau đó họ thốt ra một câu như bao nhiêu người Nhật khác mà tôi thường gặp là "tội nghiệp quá nhỉ". Tôi đã tôn biết bao nhiêu công lao để chính ý lại câu này, nhưng mấy ai đề cao Việt Nam được như mình nghĩ ví dụ như Nhật hay Đức họ chả từ đề cao họ mấy, nhưng những dân tộc khác trên thế giới vẫn đề cao họ thật nhiều, phải chăng "huu xạ tự nhiên hướng?"

Tôi ngồi miên man suy nghĩ cho con người Việt Nam và của chính mình đối với những

Ký sự:

ĐƯỜNG QUA XU TUYẾT

— Thích Như Điềm —



còn tôi một người tu, không nhà, không cửa, không gia đình, người thân, kẻ thuộc - suốt đời chỉ một mảnh áo màu nâu đã bạc, nhưng sự đến và đi đối với tôi rất bình thản là thường và để thành công, mặc dầu đời k h i không có ý mong đợi.

Trước khi đi Mỹ lần đầu, tôi phải chuẩn bị cả hai tháng để xin Visa. Cùng đi với tôi có nhiều người Đức và những người ngoại quốc khác, nhưng hồ sơ của tôi phải chờ đến phiên cuối cùng mới được gọi đến. Trong khi ngồi chờ đợi ở phòng Visa tôi cảm nhận cái đau thương của một con người Việt Nam, không có sự bình đẳng được với Quốc Tế. Tôi tự hỏi mình - tại sao một người Nhật, một người Đức có thể đi khắp thế giới ít cần điều kiện gì, mà một người Việt Nam lại đa đoan lắm thế? Hỏi cũng chỉ để chính mình trả lời thôi, nhưng có lẽ đó là thói quen của tôi khi có một vấn đề gì liên quan đến vấn đề đất nước. Người Việt Nam ta tự hào có 4000 năm Văn Hiến, có đủ loại anh hùng dân tộc, nhưng so với thế giới ta vẫn còn nhỏ bé hơn Nhật nhiều lắm. Các dân tộc trên thế

giới khác trên thế giới. Gần đến giờ mãn sở, người Mỹ có trách nhiệm lo Visa cho tôi mời gọi vào phòng.

Ông ta hỏi Ông đang làm gì?
- Tôi là Tu Sĩ Phật Giáo Việt Nam ở đây và đang lo hướng dẫn đời sống tinh thần của đồng bào Phật Tử tại quốc độ này.
Ông muốn đi Mỹ để làm gì?
- Đi thăm những cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ.
Ông có ai quen thuộc ở Mỹ không?
- Có, nhưng không phải là anh em ruột thịt trong gia đình.
Ai lo vấn đề tiền bạc cho ông?
- Tôi đã có người bảo lãnh.

Người Mỹ hỏi tôi bằng tiếng Mỹ, và tôi đã trả lời bằng tiếng Đức một cách thông thạo. Anh ta dứa mắt như có ý bảo tôi - tại sao không nói tiếng Mỹ, nhưng tôi vẫn làm thành và tiếp tục trả lời bằng tiếng Đức. Anh ta cười ra vẻ làm vui, nhưng có lẽ anh ta cũng hơi ngạc nhiên về lối đối xử của tôi với

anh ta lắm.

Tôi cầm tấm vé máy bay khứ hồi Frankfurt - Montréal-Frankfurt để mình chứng rằng khi tôi qua Canada và Mỹ, tôi sẽ trở về, và sẽ không lưu lại Mỹ. Anh ta khẽ gật đầu nhìn tôi và mỉm cười đưa hồ sơ tôi qua cô thư ký đánh máy bên cạnh.

Nhận lại Passport và Visa tôi trở lại Hannover.

Công việc giấy tờ thì cũng nhọc mệt thật, nhưng nếu cố công trì chí rồi cũng thành - có ai đổ giữa đường là khó, không bền là ng thi để hư hỏng đại sự.

Lúc tiễn chân tôi lên phi trường Frankfurt mấy người bạn bao tôi rằng:

Thầy nhớ đi rồi về kể lại chuyện xứ Mỹ cho tui nấy nghe về chuyện đi của Thầy nhé.

- Chuyện gì chứ việc đó đâu có khó.

Thầy đi vui và gặp nhiều may mắn.

- Cầu chúc các anh ở lại vui vẻ và bình an.

Lần tiễn chân này chỉ vài người thôi, mặc dầu tôi xa xứ Đức hơn ngàn dặm. Ngày nay sự đi và sự đến của tôi để gúa thường gần như là chuyện phải có, nên tôi ít quan tâm về chuyện đưa cũng như tiễn, như hồi còn ở Sài Gòn và Tân Sơn Nhất.

○

Chuyến bay bị trễ gần nửa giờ mới đáp xuống phi trường Montréal. Trên hành lang 1 ấ u- thường tôi nhìn lên thấy một người đàn bà mặc áo màu đen, dáng điệu đoan trang, phúc hậu, đưa tay vẫy chào. Đứng bên cạnh bà ta, một người thanh niên mặc bộ Âu phục mà u xám. Tôi biết đó là những người đi đón, tiếp tục lo những thủ tục nhập nội cần thiết, sau đó tôi đi nhanh về phía quan thuế.

Qua khỏi hàng rào quan thuế gặp lại a n h Bằng và Bà Hồng Hoa. Câu hỏi đầu tiên của bà là:

- Thầy đi có khỏe không?

- Tôi vẫn bình thường - cảm ơn Bác.

Người Đông phương thường hay trọng lễ nghi và sức khỏe, còn người Tây phương hầu n h ư ít để ý đến, nếu có chẳng đi nữa đó cũng chỉ là những câu chào hỏi xã giao thường ngày ở đâu mỗi chút lười mà thôi.

Bà ta mặc bộ đồ đen, trông bà rất phúc hậu nhưng trên nét mặt dưới một vẻ buồn khó tả. Cái buồn của bà bây giờ không còn như trước

đây hơn một năm nữa khi chồng bà đã mất tại Paris mà tôi đã có dịp đi đám táng, n h ư ờng cũng đã làm cho tôi nhớ lại những gì đã xảy ra trong lúc đám tang của chồng bà. Đáo mắt nhìn sang anh Bằng như có ý hỏi anh rằng: chắc anh không có gì lạ? và chính anh cũng đã trả lời như thế.

Có nhiều lúc câu hỏi chỉ là sự xã giao, nhg muốn hỏi ngấn gọn hơn là dài dòng khách sáo. Tôi bước lên chiếc Mercedes màu lam trông để thương và quý phái. Bà Hồng Hoa cũng như anh Bằng gợi chuyện bên Tây, bên Đức cũng như ở Canada. Tôi nói và nghe cũng t h ậ t nhiều, nhưng dường như chưa có gì để ý lắm.

Chiếc xe đưa chúng tôi đến một biệt t h ự sang trọng, lộng lẫy, nguy nga như trong đời mình chưa bao giờ đặt chân lên và sống nơi đó. Vì xưa nay những người tu hành ít được phép "thu hưởng những gì" cao sang "như thế.

Có lần bà Hồng Hoa bảo rằng: ngày xưa Thầy Tâm Châu đi đâu chỉ có tài xế thường thôi nhưng ngày nay Thầy đi thì có Mercedes và có cả người đưa đón là kỹ sư Bác Sĩ thì còn gì hơn nữa, có lẽ cộng sản sẽ nói Thầy là "CIA" mất.

Tôi mỉm cười và trả lời rằng: "Có lẽ p h ếp Phật nhiệm mầu đó Bác"

Tôi không vui để được đón nhận những ân - huệ ấy, nhưng mình cảm thấy sao sao khi tho lãnh những tình cảm cũng như những đặc ân mà gia đình bà Hồng Hoa đã đối xử với tôi.

Ngày xưa khi mới đi tu và mãi đến bây giờ, trước khi gặp gia đình bà Hồng Hoa, tôi đều không thích những gia đình giàu có. Nói như thế không có nghĩa là nói khoát và có lòng ganh tị, vì tôi hay nghĩ rằng: nếu ngày xưa Đức Phật từ bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan để đi tìm đạo giải thoát cho muôn loài, thì ngày nay nếu vô tình hoặc cố ý mình lại tự trói buộc mình vào trong những nơi không lối thoát ấy, thế thì có giải - thoát gì đâu. Và lại ngày xưa ở Việt Nam, những người giàu có, quyền quý lấy tiền cúng vào chùa, nhưng họ ỷ lại vào những của bô thí đó đi dọa nạt và hành hạ tăng chúng ở trong chùa, cũng như bắt Tăng chúng phải làm những điều như họ muốn, tôi cũng là một trợ giúp những nạn nhân của Thiên Môn ngày trước. Tư đó đâm ra không thích những người giàu có và quyền thế.

Nếu nhìn cho kỹ, họ sẽ không được phước đức

nào lúc gây nhân làm phúc, mà những hành-
động của họ lại tạo thêm tội lỗi nữa. Họ
xem những người ở chùa như một đũa tố trá
hình ở nhà họ cũng không bằng và họ đến
chùa là họ chỉ nghĩ đến vị sư Trụ Trì, còn
Tăng chúng họ coi không ra gì cả, mà họ đã
quên đi rằng Tăng chúng là nền tảng của
Giáo Hội ở những thế hệ sau này, kể vị nhĩ
bậc sư trưởng đi trước.

Một số quý Thầy không còn tiếp tục tu trợ
chùa nữa một phần cũng vì nghiệp duyên của
họ, nhưng một phần cũng vì những hành động
cư xử không đúng của một số đàn na, thích
không thuận thành với đạo đã gây ra.

Bây giờ tôi đang đối diện trước nhà giàu,
địa vị, sang trọng phải xử trí thế nào đây.
Thật ra tôi đã có nhiều ý niệm và chuẩn bị
trước khi đến đây để đối phó với bất cứ
điều gì sẽ xảy ra, bất cứ hình thức nào
trước đây mà chính tôi đã gặp, nhưng đặc
biệt đối với gia đình này tôi đã có cảm
tình ngay từ lúc ban đầu. Tôi có nói cho
bà Hồng Hoa và anh Bằng nghe trong chuyến
xe khởi hành từ Montréal đến Washington DC
là: Tôi đến với gia đình Bác không phải vì
sự giàu có, mà tôi đến vì tình người và
tình Đạo, chỉ đón gian có thể thôi.

Bà Hồng Hoa trả lời: Nếu những người nghèo
mà không có tư cách thì sao?

-Thì đáng thương hại họ hơn là đáng ghét,
vì xã hội làm cho họ nghèo và cũng chính-
nhờ xã hội nên mới có những người giàu.
Vì thế cho nên Thầy không thích những kẻ
quyên gúi giàu có?

Vâng, đúng thế. Nếu kẻ giàu có mà biết sùng
bái Tam Bảo và biết lễ nghi mình lại càng
đáng quý hơn, chỉ trách là trách những kẻ
không biết Đạo, nhưng cứ vênh vênh tự đắc
cho mình là có danh, có vọng. Bởi thế cho
nên Đức Phật mới dạy rằng:

"Kẻ trí mà biết mình là trí thì kẻ ấy là
kẻ ngu, mà kẻ ngu biết mình là ngu thì kẻ
ấy là người trí".

Tôi thao thao bất tuyệt trả lời bà và tiếp
tục kể cho hai người nghe về những mẩu
chuyện trong Thiền Môn vào những thời xa
xưa cũ.

Ngồi biết thư lòng lấy đó, bài trí t h ệ t
ngăn nắp, sạch sẽ, làm cho khách có cảm
tưởng vui khi đến nhà này. Ngồi biết thư
rõng, hai tưng nhưng chỉ có 2 người ở trống
rỗng thành thang hơn điều người ta tưởng.

Những bữa cơm chay chính tự tay bà làm
theo cách thức Tây phương, là rất ngon cũng
khả ngon. Nhiều lúc tôi đùa rằng: Ở Việt Nam
chắc gì Bác đã động đến móng tay, ở đâu cũng
có kẻ hầu người hạ, sang đây cái gì cũng tự
lo liệu hết như thế Bác thấy có nhọc nhằn
không?

Bà bảo rằng: chả có sao, nhưng làm dân ly -
hướng thì phải đành chịu vậy.

Được tin đến Canada, một số quý vị Đạo Hữu
và Phật Tử chùa Liên Hoa đã điện thoại đến
để mời tôi đến dự lễ Vu Lan. Tôi đã bằng
lòng và đã đến trong ngày Vu Lan nhiều mưa
và gió ấy. Thật ra tôi cũng chẳng muốn mất
lòng ai, kể cả kẻ trên, người dưới, nên phải
nhận lời, vì tôi chỉ nghĩ đến Phật Pháp hơn
là cá nhân hay những chuyện không đâu.

Vì là ngày lễ Vu Lan nên tụng kinh Vu Lan
Báo ân phụ mẫu là chuyện đã đành, nhưng sau
bài chú Đại Bi đến phần cầu siêu cho những
thân nhân quá vãng tôi hỏi lúng túng, vì xưa
nay chưa bao giờ đọc những lòng số như thế
cả. Số chữ Việt chữ không phải chữ Hán, vì
là văn và điệu chữ Việt nên khó bắt giọng
vô cùng. Tôi cố lấy giọng thật thấp, nhưng
tôi như ngăn lại mỗi lần hạ giọng thấp hơn
nữa.

Sau phần tụng kinh Vu Lan và tuyên số cầu
siêu cho chư hương linh quá vãng là phần
thuyết pháp về ý nghĩa lễ Vu Lan. Tôi nghĩ
thường đi đâu để diễn thuyết một việc gì
tôi cũng đều có đề tài trước, nhưng ở đây
không chuẩn bị gì cả, chỉ nói lại ý nghĩa
ngày lễ, và sau đó thì giải đáp những thắc
mắc của Phật Tử. Khi mọi lên diễn đàn mọi
người có vẻ không để ý đến, vì tôi còn quá
trẻ để làm những việc cao thượng như thế,
nhưng trong và sau thời pháp ít ra họ cũng
để hiểu tôi đang ở vào trình độ nào rồi.
Họ rất phục sau buổi lễ, nhưng đối với tôi
chuyện đó xưa nay vẫn là như thế không có
gì lạ để làm vui cả.

Sau khi dùng cơm, tôi tiếp chuyện với Quý
vị trong ban quản trị Hội, nhưng có một cái
gì thấy đang âm ỉ cháy như "đu như hoá trạch
trong tam giới này" Nói chông đối nhau thì
không đúng mà nói không thuận nhau thì
đúng hơn. Tôi biết chuyện đó rất nhiều, nhưng
nghĩ rằng lâu nay ở chốn Thiền Môn xây ra
rất thường. Có nhiều người bạo vào chùa để
đẹp bốt sân hận si mê, tìm về bỏ giác - ngộ
nhưng ngộ đâu không thấy mà thấy toàn là
tâm kiêu mang và si mê lại nhiều.

Tôi cảm nhận được điều đó, tâm mình bỗng -
đưng có nỗi buồn lại len lỏi vào đây.

Chúng tôi rời chùa Liên Hoa trong cơn mưa
dầm vào cuối trời mùa Hạ nhưng trong núi
tiếc lẫn thương tâm.

Những ngày ở Montréal tôi có được hưởng -
dần đi thăm Olympic và những vùng phụ cận.
Đầu đi đến đâu, thấy bất cứ hình ảnh gì tôi
cũng so sánh cả, nhưng ở đâu cuối cùng rồi
cũng không bằng Việt Nam. Không phải mình-
cố chấp, nhưng bản chất của con người Việt
Nam vẫn còn trong tôi muốn thuở và điều
đó chứng tỏ rằng lúc nào tôi cũng miên -
tướng đến Việt Nam và mong có ngày về sum
họp.

Ottawa tôi cũng đã có dịp đến thăm một lần
do lời mời của Giáo Sư Lê Kim Ngân và một
số Quý Vị Phật Tử nơi đó. Thành phố thủ đô
Canada có nhiều lâu đài cao chót vót, có
tòa nhà Quốc Hội và những cơ sở ngoại giao.
Thành phố thật nên thơ nhưng không h ứ u-
tình như Thụy Sĩ (Lausanne) hay Hagia C ú a
Nhật..

Chúng tôi đến nhà giáo sư Ngân như những
lần chúng tôi đến thăm giáo sư tại cư - xá
thánh đường Nichidai ở Tokyo, không khách
sáo và dửng dưng về thân mật. Tính tôi thường -
không thích khách sáo, đùa dầy, đón rào...
vì mình không thể tư dối mình được, b ở i
như thế là không thành thật với chính mình.
Bắt đầu mọi câu chuyện lúc mới gặp nhau
vẫn là chuyện hỏi thăm sức khỏe và những
câu chuyện có liên quan đến việc sinh sống
cũng như sự hoạt động của những hội đ i a
phương.

Giáo Sư Ngân có cho hay rằng: âu đó cũng là
một duyên lành mới gặp được một tu - sĩ
nơi đây. Vì những người Việt tha hương cũng
tôn Giáo ở đây dự định lập một Hội PG
tại vùng Ottawa-Hull để chodồng
bào Phật Tử có cơ hội lui tới thăm viếng,
sinh hoạt cộng đồng cũng như thể hiện sống
trong tinh thần trí tuệ siêu việt c ú a
Phật Giáo. Bước tiến xa hơn nữa của Q ú y-
vị Phật Tử nơi đây là có một ngôi c h ù a
thực thụ, có được một vị lãnh đạo tinh thần
xứng đáng và đó sẽ là nơi chốn để đồng bào
Phật Tử lui tới lễ bái, học đạo.

Chiều hôm đó giáo sư Ngân gọi điện -thoai
cho một số quý vị Đạo Hữu Phật Tử có Đạo
tâm, thiên chí trong việc thành lập H ò i

Phật Giáo nơi đây đến nhà một anh Sinh viên
Việt Nam sống lâu năm tại Canada để b à n
tính việc lập Hội và nhớ tôi cho thêm ý -
kiến.

Đúng 8 giờ tối hôm đó khoảng chừng 10 người
đã đến, quây quần với nhau để bàn tính việc
lập Hội và thỉnh Tăng Trụ Trì. Ban đầu câu
chuyện không ra đầu vào đầu cả, nhưng sau
đó thì mọi người đã yên lặng để nghe giáo
sư Ngân trình bày về nguyên nhân cũng như
mục đích việc thành lập Hội này.

Ai cũng háng say đóng góp ý kiến của mình
nhưng cũng có một vài ý kiến chông, đối dặt
ra, cuối cùng cũng đã được giải quyết ở n
thỏa. Tôi có trình bày và có cho thêm ý -
kiến về việc thành lập một Hội Phật Giáo
phải được tiến triển từng giai đoạn và được
đi phải vững. Đầu tiên mọi người Phật Tử nên
đóng góp vào việc thuê tạm một nơi để làm
ngôi Niệm Phật Đường. Sau một thời gian, nếu
thấy số người tham gia Phật sự càng đông
thì tiến tới thành lập một ngôi chùa chính
thức, sau đó lo thỉnh Tăng về trụ trì chùa
cũng như cố vấn những công tác Phật sự tại
đây. Chuyện gì thì cũng có thể xong được,
nhưng chuyện thỉnh một vị tu sĩ về đây quả
là một chuyện hết sức nan giải. Ngay cả chùa
Liên Hoa ở Montréal thành lập đã bao nhiêu
năm rồi nhưng cho đến nay vẫn chưa có Thầy
nào đứng chân cả. Nguyên nhân chính vẫn là
như câu Phật sự càng ngày càng nhiều mà Quý
Thầy thì quá ít, do đó mới nảy sinh ra tình
trạng này. Trong lúc gần một triệu đồng bào
Việt Nam ở ngoại quốc, những Quý vị Tăng Sĩ
và Quý Ni cô chỉ có trên dưới 100 vị thì -
làm sao đáp ứng nổi nhu cầu ngày càng nhiều
của đồng bào Phật Tử. Tôi có than rằng: Ngày
xưa ở Việt Nam có rất nhiều người phát tâm
xuất gia nhưng ngày nay ngay cả nước Đ ú c
có 16.000 người tỵ nạn Việt Nam nhưng dốt
đuốc mà tìm cũng không thấy được người nào
còn mang được hoài bảo ấy. Đó là một điều
đáng lo mà ngay cả Pháp hay Mỹ cũng vậy, có
hàng mấy trăm ngàn người Việt nhưng giới-
trẻ không có người nào nói chuyện xuất gia
nữa. Tôi có đùa rằng: "Có lẽ các anh chỉ qua
đây thấy đèn xanh, đèn đỏ quá nhiều làm mờ
mắt nên quên hết mọi điều ước nguyện cũng
nên". Chỉ có một số quý vị lớn tuổi phát tâm
xuất gia sau này, nhưng nếu cố gắng đào tạo
cho họ 5,3 năm để có thể làm trụ trì, chừng
7,8 năm sau họ lại trở về tiên cảnh nên nỗi
khổ tâm của Quý Thầy trong hiện tại là thế.

(Ký tối TÌNH HÌNH PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI MỸ)

Thơ Thơ Thơ

VĂN

tiệc đối nửa cuộc người đi
hỏi thình không nọ có về gió thu
một tôi trong cõi sống mù
nghe bờ vó đến bao gió hỡi đêm
tay xưa nào động bóng rèm
đêm nay trắng xế qua miền sấm thướng

— Nguyễn Hồng Kỳ —
(Marseille)

Cát Bụi

Vắng như thiên địa còn nguyên nếp
Đêm nay lòng tiêu hết không gian
tôi thấy thời gian trôi lộn ngược
ngoài hư không cát bụi bay vàng

Bao kiếp đối reo trong hạt bụi
âm thanh hơn tử rợn tai người
ngủ thướng một chút phù sinh ấy
hay khóc than cát bụi lạc loài

Về đâu xa mã phồn hoa hội
gió đây thổi lạnh nổi hàn sa
mở hồ trên ngọn triều hứng phệ
tiếng quốc gọi buồn cung miếu xa

tiếng gọi nghe từ thiên cổ lại
ngàn sau cũng buồn như đêm nay
ngoài hư không bay vàng cát bụi
chút trần ai lay động trong người.

— Mai Vi Phúc

Khó hạnh

Tôi cười tôi thảng ngày buồn
Cười phai hạt nắng, cười tuôn mưa chiều
Cười mình, không thể cười nhiều
Mỗi ngày một ít - cười tiêu sâu đời.
Cười phôi pha lệ đã vơi
Cười trong tiếng uất nghẹn lời bấy lâu.
Như người khó hạnh tìm nhau
Cười tôi chẳng lẽ cười vào hư không?

Thấp một ngọn nến

22-6-80

Thấp lên một ngọn nến hồng
Soi cho tỏ rõ Sắc-Không cuộc đời
Quanh đây rộn rã tiếng cười
Mà sao nước mắt ta thối cả tuôn !
Cõi ta rất đời tâm thướng
Bao năm lưu lạc còn vương chút tình
Nợ đời một kiếp phù sinh
Thù nhà còn độ - giặt mình nghĩ quanh
Lá kia còn phải xa cành
Riêng ta không nở lòng đành xa quê
Ước mong có một ngày về
cúi hôn mảnh đất bờ đê đầu làng
Bà con lối xóm ngõ ngang
Mẹ cha rừng lữ ôm choàng con yêu.

Nơi đây có những buổi chiều
Buồn thướng chất ngất, quanh hieu lòng sâu
Thấp lên ngọn nến nhiệm màu
Xóa tan bóng tối khổ đau kiếp người
Xin đứng lạnh lẽo nên ơi!
Hãy mau đốt cháy cuộc đời oan khiên.

— Vĩnh Liêm —

08-10-80

Me Lộ

Ta về quên mộng thiên cung,
Chuốt trau một chút tinh trần làm vui.
Nhìn theo ai kẻ ngậm ngùi :
Ta vào mê lộ biết đời nào ra !

— Đặng Trinh Wallenstätter

Calmbach 28.5.1980

Trong cơn lốc đỏ (Kỳ hai)

Về phía nước bạn láng giềng Cam-pu-chia, quân khờ-me đỏ Pol Pot đã bao vây thủ-đô Phnom-Pênh và cuối cùng sụp đổ ngày 17-4-1975. Điều đó người ta có thể thấy trước. Việc thất thủ của Phnom Pênh có một ảnh hưởng tâm lý chiến rất mạnh đối với thời cuộc Việt Nam. Cam-pu-chia rơi vào tay cộng sản, Việt Nam ở vào thế bị cô lập, mặc dù Lào vẫn còn một chính phủ ba thành phần như còn bình, không chóng thì chầy, rồi cũng không tránh khỏi con đường Phnom-Pênh.

Kể từ khi các tỉnh tuyên đầu vào tay địch đêm nào Ngô cũng do dăm theo dõi các đài BBC và VOA và kể cả đài phát thanh GPMN và Hà Nội để tự mình đoán lấy tình hình đất nước. Ngô có một bản đồ nhỏ đầy đủ các tỉnh phía nam từ vĩ tuyến 17 trở vào, hệ một tỉnh mất thì anh tố đồ. Hôm nay bản đồ trước mắt Ngô đã quá nửa đã nhuộm đỏ.

Về phía Hoa Kỳ, quốc hội của họ đã b i ết quyết, vì lý do nhân đạo, nhận 150.000 người Việt tỵ nạn sẽ di tản trong những ngày tới.

Về phía cộng sản "thửa thắng xông lên". Đêm nào Ngô cũng nghe cái giọng khấp dăm như loài cú vọ của cô xướng ngôn đài p h ả t- thành "giải phóng" kêu gọi anh em quân - nhân bỏ hàng ngũ; tàu chiến, phi cơ bảo hiểm để họ ghi nhận và tiếp rước... Lối kêu gọi nghe như chim cú đem lại điềm không may.

Địch tiến như chẻ tre. Phan Rang mất ngày 16-4-1975, tiếp theo sau đó là Phan Thiết, rồi Hàm Tân trong vòng một tuần lễ. Quân cộng sản có thể nói đã gần kề ngưỡng cửa thủ đô VNCH nếu không gặp cái gai sư - đoàn 18 bộ binh ở Xuân Lộc. Nơi đó họ đã chùn bước tiến và trận chiến đã xảy ra ác liệt. Lần đầu tiên thấy trên báo chí đang tải, không quân đã dùng bom CBW can thiệp để ngăn chặn đối phương. Ít ra họ cũng đã tổn thất cả ngàn nhân mạng. Mặc dù vậy, cuối cùng thế và lực của họ rất mạnh như thác đổ. Cái chốt ấy đã bị đánh bật.

7 giờ sáng. Ngô bắt đầu lên phiên trực 24 tiếng đồng hồ ở yêu khu. Ngày 27-4-75, một ngày chửa nhất thật là dài! Nói là yêu khu chủ ở đây chỉ là một danh xưng, không c ó thực chất, là một, tổ chức quân sự quân số được tăng phái đến từ các quân trưởng năm trong liên trường này. Đại Tá chỉ huy trưởng trường quân báo kiêm nhiệm chức vụ chỉ huy trưởng yêu khu. Hàng ngày, mỗi quân trưởng

cử một sĩ quan trưởng toán và năm ba binh-sĩ trực, có nhiệm vụ phối hợp với các toán khác thay phiên nhau đi tuần tra t r o ng khắp vòng đai của liên trường. Ban s á n g Quốc hội đã mở cuộc họp và đi đến một giải pháp nhằm xác nhận lại sứ t ỉ n nhiệm đ ồ i với tân tổng thống Trần Văn Hương, và n ề u khi cảm thấy cần phải thay thế tổng- thống mới ông ta chỉ định một nhân vật để đ ầ u a đến một sứ mạng hòa bình trong danh dự với sự phê chuẩn của quốc hội. Trước những thất bại nặng nề về quân sự đồng thời với những ảnh hưởng sâu sắc của quân chủng, các đảng phái đối lập, các phong trào, tổ chức, b ả t t ỉ n nhiệm, ngày 21-4-1975 tổng thống, Thiệu đọc một bài diễn văn rất dài trút tất cả sự sụp đổ của VNCH cho chính phủ Hoa Kỳ, trách cứ Mỹ trong vấn đề viện trợ nhỏ giọt, k ỳ k ẻ o trả giá như hàng tôm hàng cá. "Với bảy trăm triệu đô la tôi chỉ có thể dành cho c ả c ố n g (ám chỉ Hoa Thịnh Đốn) phân nửa miền Nam mà thôi"... "nếu các ông cho tôi một t ỉ n rưỡi đô la tôi sẽ giữ cho các ông tất c ả miền Nam Việt Nam" (Vi Nam Việt Nam t r ườ c đây có tiếng là tiến đồn chống cộng c ứ a Đ ồ n g Nam Á). Ông ta còn nêu bức thư trước đây của tổng thống Nixon hứa cam kết can- thiệp của Hoa Kỳ trường hợp Bắc Việt vi - phạm hiệp định Paris. Hà Nội đã làm gì? Ni- xon không giữ lời hứa, thế g ấ i b ừ đ ườ n g như lạnh đạm trước cơn binh không thuốc chữa, tình hình nguy ngập đến nơi. "Tôi quyết đ ị n h t ỉ n chức", đó là lời của tổng thống t ỉ n - nhiệm ông Hương.

Sau khi Xuân Lộc thất thủ, sư đoàn 18 đ ấ hoàn toàn tan rã và kể cả sư đoàn 5 bộ binh cũng thế. Trưởng thiết giáp Long Thành đ ấ bị tấn công. Đồng thời phía tây nam thủ đô, quốc lộ 4 bị cắt đứt nhiều đoạn, và ngay cả khu xí mãng Hà Tiên nằm trên xa lộ Sài Gòn Thủ Đức cũng đã bị tấn công, xe cộ nghẹt ứ, phải đi vòng vào ngã ch ố Thủ Đức về cầu B Bình Lợi vào Sài Gòn. Đ ồ n g như quốc lộ 1 là một đường chánh để từ các ngã miền Trug đổ xô theo đó xuôi nam. Xe nào cũng c h ấ t ních người, họ chen chúc cả trên mũ, h ồ n - đ ồ n, mang theo tất cả những gì có thể. Trườ g bộ binh tử Long Thành đã đổi trở về trận đồng trong vòng liên trường này mấy hôm nay. Công chánh của liên trường do trưởng bộ binh đảm nhiệm. Trai càng cầm 100% hơn nữa!

Đêm xuống. Trong phòng trực yêu khu c ả c giú n g n g ầ tr ườ n g tròn, ch ầ u th ầ y b ồ n g m ộ t

sĩ quan trưởng toán nào đến, duy chỉ có một thiếu tá tổng trực và Ngô. Một bóng đèn n diên đủ soi sáng yếu ớt căn phòng. Hai người đang theo dõi bên chiếc máy thu thanh nhỏ. Hai người đang chờ đợi một phép lạ. Trong bầu không khí căn phòng ấy là m cho thời gian dài thêm. Bất chợt Ngô h ỏ i viên Thiếu Tá:

- Tình hình như thế này Thiếu Tá có hy vọng miền Nam không sụp đổ?

- May ra có một nhân vật mới, có hậu thuẫn dân chúng đứng ra...chờ ông già Hương thì tôi không mong gì. Nhưng cha lẽ Hoa Kỳ bỏ rơi đồng minh mình? Tôi còn hy vọng vào giờ chót.

- Tôi cũng mong ông Hương trao quyền cho một người, nhưng có lẽ quá muộn. Tôi không tin tướng Mỹ.

Ngoài xa trông qua cửa sổ phòng trực, ánh sáng hóa châu nháy nháy như những chiếc đèn treo, tiếng ì ánh vang dội, thỉnh thoảng nổ đon đon những tràng tiêu liên AK phía trong xóm bên kia...

- Xem như tình hình Cam-pu-chia vừa qua, Ngô nói, cũng như sự biểu quyết của Quốc-Hội Mỹ đi sản 130.000 người Việt mà họ xem như một bất bước tình thân, tôi thấy điều đó báo hiệu một sự lầm lạc.

- Số dĩ tôi còn một ít hy vọng về Mỹ vì rằng chẳng lẽ họ chôn vùi danh dự và s ự hùng mạnh của Hoa Kỳ?

- Chánh sách của họ đã sai lầm đôi v ở i Việt Nam, bây giờ nó thuộc về dĩ vãng tôi không muốn bàn thêm; sự lụy lạc nội bộ Hoa Kỳ sau vụ Watergate...Ngày nay Mỹ đã mệt mỏi...

Hai người tiếp tục nói chuyện khào cho qua giờ chờ đợi. Họ bàn đến những nguồn tin cho là sẽ có một giải pháp tốt cho Việt Nam. Cộng sản sẽ dừng lại?chánh phủ trung lập?chánh phủ ba thành phần?Hòa giải hòa-hợp dân tộc? Hỏi thăm mệt, vì thiếu tá n ả m xuống giường.

Trong máy thu thanh nghe được tên người mà Tổng Thống Trần Văn Hương được mời c h i đình thay thế mình điều khiển quốc gia, đó là ông Dương Văn Minh!
Ngô thở phào nhẹ nhõm:

- Rồi!thiếu tá, ông Hương đã trao quyền lãnh đạo cho ông Minh, dù muộn cũng còn hơn.

- Tôi cũng mừng như anh...Bây giờ còn ai?

Bên ngoài trời vẫn tối. Ánh hỏa châu thỉnh-thoảng sáng rực một vùng và tiếng vang rền của đại bác vọng xa xa...

Đêm càng khuya, có những người nằm chờ sáng. Ngày thứ hai 28-4-1975.

Trong trường hôm nay thật vắng vẻ, tất cả quân nhân khóa sinh đều đi ứng chiến b ên ngoài vòng đai liên trường, chỉ còn lại một số rất ít anh em cán bộ. Người chỉ huy đầu náo quân trưởng hôm nay không có ai, ngoài i thiếu tá Thành là vị sĩ quan tổng trực, vài ba sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ. Như r ả n không đâu, anh chị em công chức không có đi làm việc.

Cho đến gần giữa trưa, Ngô nóng ruột không rõ gia đình ở Sài Gòn mấy hôm nay ra sao.

Với một chánh phủ mới gồm có tổng thống - Dương Văn Minh, thủ tướng Vũ Văn Mẫu, tổng-tham mưu trưởng đại tướng Cao Văn Viên, Bộ trưởng Quốc phòng trung tướng Trần văn Đôn và cảnh sát quốc gia tướng Bình, sẽ làm được gì? Ông Minh có người, em là Dương Văn Nhật trong hàng ngũ của đối phương, ông là m ột người ôn hòa, thích hoa phong lan. Sau k h i đảo chánh chế độ nhà Ngô, ông là chủ tịch. Một hôm đoàn xe của ông chạy trong thành phố, khi đến một ngã tư gặp đèn đỏ, ông r a lệnh cho tài xế đứng xe lại, chờ đèn xanh. Có người biết chuyện cho là ông ta không thể lãnh đạo quốc gia xuyên qua hành động đó.

Ngày hôm qua thủ tướng Vũ Văn Mẫu đọc lời tuyên bố trên đài phát thanh và truyền hình ra lệnh người Mỹ rút khỏi Việt Nam trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Cách đây một tuần lễ Trường thay chỉ - huy trưởng mới, đó là một Đại Tá già, hen suyễn, ở trong ngành tử đởi Pháp. Ông cứ ra đi mà cho đến nay cũng không thấy ông mới đ ến nhậm chức. Những nguồn tin rỉ tai cho biết có những vị sĩ quan cao cấp trong ngành đã đáp máy bay Mỹ ra ngoài quốc, rồi, trong đó có một trung tá chỉ huy trưởng căn cứ nhiên liệu ở Gia Định. Những cá lớn thả đồng r a biển cả, cá bẻ năm kết trong rọ. Có lẽ giờ phút này ông Thiếu và gia đình đã ra khỏi nước!

Thủy quân lục chiến Mỹ sẵn sàng đổ bộ đ ể

bảo vẽ một vòng đai từ Sài Gòn ra đến Vũng Tàu cho khoảng hai ngàn người Mỹ và hàng trăm ngàn người Việt đang chuẩn bị theo họ. Ngoài khơi bờ biển Việt Nam hạm đội 7 trải dài.

Ngô vào phòng mở tủ áo. Anh soạn lấy m ô t bộ đồ dân sự. Bên ngoài có tiếng giầy. Ngô day lại nhìn. Trung úy Thành bước vào.

- Anh Thành!

- Trá bị đi! cha nội bây giờ còn ở đây? mau lên! mình "dù" về cho rồi.

- Ngoài công nó không cho ra làm sao?

- Năn nỉ nó ra ngoài một chút rồi vô.

- Để tôi chuẩn bị đồ đạc chừng mười phút.

- Đube rồi, le lên nhé, tôi sẽ trở lại, Thành vừa nói xong quay lưng ra ngay.

Ngô vội thay ra bộ đồ nhà binh, mặc bộ dân sự vào. Trong lúc loay hoay xếp đồ, v à o chiếc túi vải, thì một thường sĩ bước vào về tỉnh bơ.

- Anh Sáu! tôi đang chuẩn bị về Sài - Gòn ngay bây giờ.

- Máy ông "dọt" hết rồi còn ai tâu, trung úy ở đây làm gì? Sáu đáp.

Biết tánh Sáu thường hay nóng nảy, con ên không làm nên mùa xuân, Ngô khuyên Sáu sâng suốt để nhận rõ thời cuộc.

- Dạ, Trung úy.

Sáu cảm động không thốt nên lời. Trước giây phút sắp chia tay nhau, không biết rồi mai đây có còn gặp lại nhau không? Dù sao tình đồng đội cũng thâm thiết. Và lại anh ta có mối liên hệ tình cảm với Ngô trong những ngày sống và làm việc dưới mái quân trường này. Từ khi trường dời về đây, buổi t x ù a phải ở lại, Sáu hầu như thêm phần cảm cho Ngô có khi lược thêm ít rau, hoặc rau tũ bích chấm nước tương... Thường những bữa cơm như thế có tất cả bốn người: Sáu, một chỉ lao công vệ sinh nhà trường, trung sĩ nhứt Hằng v à Ngô. Thỉnh thoảng có cả trung úy Thành nữa những rất hiếm. Chỉ có trung sĩ nhứt Hằng và Ngô ăn chay, các người kia ăn mặn. Hằng và Ngô cũng kết thân nhau như Sáu. Ngô đôi với Hằng ngoài tình đồng đội còn có tình đồng đạo. Hai người thường trao đổi v ở i nhau những hiểu biết về Phật học.

Về mặt thường sĩ Sáu buồn rười. Hai người - lạng khinh. Trung úy Thành đi vào hỏi:

- Đi chỗ?

- Ừ, để tôi ra nhà xe lấy chiếc Honda. Thời anh Sáu, lo thu xếp về sau, Ngô nói.

- Dạ Trung úy về trước đi.

Ngô xách chiếc túi vải đứng bộ quân - phục

và đôi giầy cao cổ ra phía nhà xe gần đó. Buổi trưa im phăng phắc. Trời nắng chanchan rải bóng anh em hạ sĩ quan và binh sĩ cò - hủu qua lại phía đằng xa. Trên bộ chỉ huy không có ai.

Ngô đạp cho máy nổ mười giây rồi nổ gachậm chậm chạy về phía Thành đang đợi.

- Anh ngồi sau, tôi chỗ cho, Thành bảo.

Ngô để Thành lái. Thành nói thêm để trấn an.

- Ra công chúng nó gọi tôi, vọt luôn, anh đừng sợ, tụi nó không dám bắn đâu.

- Ừ, thì anh liệu mà chạy. Máy hôm nay ngoài công gặt lắm.

Chiếc Honda tũ từ chuyên bánh, để lại m ô t ít khói trắng về phía sau. Ngô vẩy tay, Sả u cũng làm như vậy.

Từ đằng xa nhìn thấy công trường lỏ n h ô bóng quân nhân canh gặt, trang bị M16 lủi lủi, mũ sắt, áo giáp... đang xét hỏi giây tở những người tũ ngoài vào.

Thành cho xe chạy chậm lại phía bên công phải, phía ra. Không có quân nhân nào đứng gần phía này. Tũ bên trong phòng trực m ô t viên trung úy thò đầu ra, gọi xe dừng lại. Thành vẫn làm ngỡ giả điếc cũ cho xe phóng tũ. Tiếng còi húy t lên liên hồi. Thành ngoài cũ lại vừa nói:

- Ra có chút việc cần, vào ngay mà!

Công quân trường xạ dân theo tiếng rúnhanh của xe, mặc cho những lỏ hỏ hết phía sau ình đi. Không biết ra sao những ngày cũ cuối cùng của một đồn vị.

(tiếp theo)

NGUYỄN HỒNG KỶ

10 phút VIỆT NAM



Radio France
Internationale
75016 Paris.

Thư tứ nhân tin xin gởi
về: Mười Phút Việt Nam -
116 Ave. du Prés. Kennedy.

Chương trình phát thanh bằng Việt ngữ dành cho người Việt Kiều lao động, do Radio France Internationale chủ trương, do Đỗ - Quyên và An Lộc phụ trách, với những tin tức xã-hội thiết thực và các đề mục về văn H ó a và phong tục Việt Nam.

Trên đài France Culture, 348 thuộc Ondes Moyennes hay 862 KHZ. Sáng thứ bảy từ 6 giờ 50 đến 7 giờ. Hai tuần một lần. Ngày phát thanh trong các tháng tới 14-3, 28-3, 11-4, 25-4, 9-5, 23-5, 6-6, 20-6...

những dị biệt này càng làm thêm sáng tỏ. sáng tỏ thêm chân lý của tư tưởng ấy. Phật giáo chính là sức dung hoá kỳ diệu mà người Việt Nam đã mong đợi, đón nhận và sống. Và sự sống sức dung hoá kỳ diệu ấy không chỉ trong các tác phẩm văn nghệ. Nó còn bằng bạc trong đời sống thường nhật. Trong niềm tôn kính mà người Việt Nam dành cho các Thánh Hiền Trung Hoa. Trong sự noi theo những tấm gương anh - hùng liệt sĩ đã làm rạng danh nền Hán. Trong các mối liên hệ giữa những người trong thân tộc, hay ngoài xã hội hoặc giữa con người với thiên nhiên. Tóm lại trong hầu hết mọi sinh hoạt của chúng ta giữa chốn phồn hoa như ở thành phố này. Ngân quỹ sự mật thiết sẽ khiến chúng ta vọng tưởng dễ dàng nếu Phật - Giáo không được du nhập trực tiếp từ Ấn Độ như một sức dung hoá nhiệm mầu.

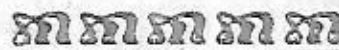
V

Vừa như là một sức mạnh đối kháng, vừa như một sức dung hoá không giới hạn, Phật Giáo nhuộm thêm tiềm thức dân tộc Việt Nam. Và nếu quan niệm lịch sử một dân tộc là sự trở thành của tiềm thức dân tộc ấy, chúng ta có thể nói lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử Phật Giáo Việt Nam và ngược lại. Dù có lúc bị các nhà hư ảo, hay các phần tử phong kiến lấn lướt, trước kia hay gần đây, bị thực dân đàn áp, Phật Giáo mỗi lần đều vươn lên lại. Để chứng kiến cuộc chấn hưng của Phật Giáo Việt Nam 1920, sự phục hồi của Phật Giáo miền Nam năm 1963, chúng ta càng có đủ thêm yếu tố để vững niềm tin rằng trong lần đối kháng này trước ý thức hệ Mác Lê, Phật Giáo Việt Nam vẫn cứ là sự trở thành của lịch sử Việt Nam. Hẳn nhiên chân lý ấy đòi hỏi thời gian để càng

thêm sáng tỏ. Tháp sáng chân lý ấy là bản phận của mọi người Phật tử. Riêng các văn nghệ sĩ Việt Nam đã thêm nhuần tu - tưởng Phật Giáo, sự tiếp nối giòng văn nghệ Phật Giáo Việt Nam là một sứ mạng thiêng liêng

Đường đi còn dài. Đã không lấy thời gian làm mối quan ngại, chúng ta dù hiện tại tàn mệt khắp năm châu sẽ không có gì để ngại nhau trong những gian. Bao giờ tìm còn chung nhịp đập, chúng ta sẽ cảm thấy như mình vẫn đứng cạnh nhau trên mảnh đất Việt Nam yêu dấu.

Tin tức



Ngày 14.3.81: Nhận lời mời của Sư Cô Thích Nữ Như Tuân cũng như của Caritas Verband Luzern, chư Đại Đức Tăng Ni Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức đã đến tham dự và trình bày cũng như người về nhu cầu tín ngưỡng của đồng bào tỵ nạn Phật Tử Việt Nam của chúng ta bằng Đức ngữ. Buổi hội thảo qui tụ gồm những vị lãnh đạo tinh thần tôn giáo, những gia đình đồng bào người tỵ nạn và những người làm việc cho Caritas Thụy Sĩ. Buổi hội thảo đã được kết thúc một cách tốt đẹp. Và hy vọng trong tương lai gần tại Thụy Sĩ dưới sự hướng dẫn tinh thần của Sư cô Như Tuân cũng như sự giúp đỡ về vật chất của những cơ quan từ thiện Thụy Sĩ, đồng bào Việt Nam ta nói đó sẽ có một ngôi chùa thực thụ để Phật Tử lui tới lễ Phật, học đạo và gìn giữ truyền thống văn hóa Phật Giáo Việt Nam tại xứ người.

21.3.1981: Lần đầu tiên trong lịch sử Phật Giáo Việt - Nam tại Tây Đức và có lẽ cũng là lần đầu tiên trong lịch sử Thiên Chúa Giáo tại Đức, một Thánh lễ Thiên Chúa Giáo và một nghi lễ Phật Giáo đã cử hành tại một nhà thờ lớn tại Paderborn cho đồng bào tỵ nạn CS Việt Nam dưới sự chủ - trì của Đức Tổng Giám Mục Degenhart và phụ lễ của cha Nguyễn Trung Điểm cũng như sự cử lễ của Đại Đức Chi Bộ Trưởng CBPGVN tại Đ. Hai tôn giáo đã cùng gặp nhau trong một Đức Tin, những khác hoàn cảnh và thời điểm, nhưng cũng đã đánh dấu một sự liên hệ mật thiết giữa những người cùng hoặc khác niềm tin đang sống tại CHLBĐ này.

27-29.3.81:

Để bồi dưỡng thêm văn - đức tinh thần cho đồng bào Phật - Tử Việt Nam tại CHLB Đức và cũng để cho người Đức có cơ hội hiểu biết thêm về giáo lý của Đức Phật, nên Chi Bộ cũng như Hội SV&KBPTVN tại Đ đã tổ chức một buổi hội thảo suốt trong ba ngày trên nhằm thảo luận cũng như phân tích những vấn đề có liên quan đến Phật Giáo và văn hoá n ở c nhà trên bình diện bảo - tồn và phát huy văn hóa Phật Giáo tại quốc độ này. Có khoảng 70 đại biểu khắp nơi trên nước Đức về tham dự. Và buổi Hội thảo này được đặt dưới sự tài trợ một phần nữa của Bộ Nội Vụ Liên Bang Tây Đức.

Ngày 30 tháng 4 sắp đến một số các Hội Đoàn và các tổ chức khắp nơi trên nước Đức sẽ có những cuộc hội thảo, biểu tình, tuyệt thực v.v... tại chùa Viên Giác cũng sẽ tổ chức một buổi lễ mặc niệm nhân ngày quốc tang này vào ngày chủ nhật 3.5.81. Xin mời chư Phật Tử đến tham dự lễ

hất hủi, chúng ta thấy buồn-
vô hạn. Vì đâu, nghệ - thuật
Đạo Phật, lễ nhạc Đạo Phật,
văn hóa Đạo Phật hiện giờ
sút kém ngày xưa như thế?
phải chăng vì trình độ tu-
hoc của tăng đồ và cuộc si
không được như xưa?
"Hữu ú trung tác hình ứ
ngoại"

Tâm hồn thế nào thì c á c h
sinh hoạt thế ấy. Sinh hoạt
văn hoá của giới Phật - Tử
ngày nay chứng tỏ một k h á
năng tu chứng thấp kém, bac-
nhược. Nếu các bậc tăng già
thực hiện được đời sống tâm
linh giải thoát an lạc, nếu
các vị cư sĩ tín niệm vững
vàng, không lới danh, k h ông
khinh suất thì đâu đến nỗi
mà lễ nhạc đi vào con đường
phá sản. Vậy chúng ta đã đ ể t
hưởng nguyện cầu cho các vị
tăng già được nhiều, người
cố tu chúng, cố sơ đ ặc tâm-
linh; cho các vị cư sĩ l ậ y
lại tín tâm thuần cần đến
hoá - chân tướng - của Đạo
Phật được hiển lộ, lới i c h
chờ quân sinh. Sống trong lễ
nhạc ấy ta mới có được "thực
tu", "thực chứng".

Vì sự biểu hiện bên ngoài
cần thiết như vậy, nên tại
phải cố gắng trở về với kho
tàng lễ nhạc cũ để gọi mình
trong đó, để thấm nhuần, để
chiêm nghiệm, để sáng tạo, để
loại trừ những hình thức lờ
bịch phạn tình thân Phật -
Giáo, phạn tình thân dân tộc
những hình thức đang m i á
mai hai ngàn năm lịch sử huy
hoàng của nền đạo đất nước,
và cuối cùng để xây dựng nếp
sống cao đẹp, thuần túy và
phong phú mà tiên nhân đ ả
xây dựng được một cách vẻ -
vang.

Viết tại Phường Bối Am mùa
An Cư Đỉnh Đậu.

Trích ở "Phật Giáo Việt Nam
Nguyệt San" số 12 ra ngày 15
tháng 7 Đỉnh Đậu (1957) Chợ -
Lớn 1957 - trang 12-20.

Phương danh Quý Đạo hữu - Phật tử ủng hộ

Trong thời gian qua chùa đã
nhận được sự cúng dường đĩnh
kỳ và bất thường của chư PT
xa gần để hộ trì ngôi Tam Bảo.
Chúng tôi thành tâm cảm niệm
công đức tài thí của Quý Vị
và xin hồi hướng công đức đó
đến người còn được an-
lạc và kẻ thác được siêu thấg.

ỦNG HỘ ĐÌNH KỶ: —

PT Trương Tân Lộc (Hannover))
mỗi tháng 100DM (3,4&5), Đao -
Hữu Nguyễn Thanh Tùy (Reckl -
inghausen) mỗi tháng 10DM (1,2
3,4,5,6,7&8) PT Nguyễn Bình-
Dương (Lünen) mỗi tháng 20 DM-
(3), ĐH Dương Văn Phương (Ess-
en) 3/20DM, Anh Lê Huy C á t
(Bergen) mỗi tháng 20DM (1,2,3
&4/81) Anh Vương Đắc Mẫn (Kiel
3&4/20DM. PT Trần Thực - Nghi
(Vechta) mỗi tháng 30DM 3&4 .
PT Lý Diệu Anh (Vechta) 3/25DM
PT Trương Phước Hảo (Vechta)
3/10DM. PT Nguyễn Ngọc Lệ (Ber-
lin) 10DM. PT Nguyễn Thị Thu
Mỹ (Berlin) 4/20DM.

ỦNG HỘ BẤT THƯỜNG —

ĐH Lâm Thành (Lingen/Ems) 30DM
OB Lê Trọng Phầm (Bonn) 50DM,
Cô Hélène Antony (Düsseldorf)
100DM, Anh Nguyễn Thành Long
(Georgmarienhütte) 40DM. Đao-
Hữu Lục Thị Tịnh (Wiesbaden) -
50DM. ĐH Huỳnh Thị Tở (GM!nüt-
tte) 70DM. ĐH Mai Văn Phúc (GM-
hütte) 20DM. ĐH Vương Minh (Em-
den) 100DM. ĐH Trình Trùng -
Hiếu (Emden) 100DM. ĐH Hà Ngọc
Anh (Kaltenkirchen) 50DM. Phật
Tứ Trương Ngọc Thanh (Reichs-
hof-Denklingen) 20DM. ĐH Nguyễn
Thị Tốt (Texas-USA) 200US. PT
Trần Thị Hồng Diệp (USA) 50US.
ĐH Trương Hồn Quyên (Vechta)
30DM. ĐH Trần Tiêu (Vechta) 30-
ĐH Trần Thập (Vechta) 30DM. ĐH
Lục Nguyệt Chi (Vechta) 30DM .
PT Giang Lăng Hiá - 10DM. ĐH
Diệu Niên (Braunschweig) 200DM

Cụ Cao Thị Sâm (Spaichingen)
100DM. ĐH Huỳnh Thị Hồng (")
100DM. ĐH Bùi Xuân Lâ (Würzburg)
200DM. PT Lê Văn Long (Mönchen-
gladbach) 50DM. PT Phan Duy -
Phượng (Hannover) 50DM. PTLê Văn
Sun (Mönchengladbach) 40DM. ĐH-
Nguyễn Văn Quân (Hanau) 50DM PT
Nguyễn Văn Triều (Krefeld) 40-
PT Diệu Thiên (Bad Iburg) 100-
PT Đặng Ngọc Hải (Speyer) 100DM.
PT Nguyễn Thị Tứ (Trossingen)
200DM. ĐH Hai (Berlin) 50DM. Đao
Hữu Phượng Lan (Kiel) 20DM. ĐH
Trần Thị Tứ (Kiel) 20DM. Cụ Lại
Thị Nga (Aachen) 50DM. PT Vô -
Danh (Aachen) 20DM. ĐH Khâu Nhan
Nienburg cùng gia quyền 80DM
ĐH Tăng Bảo (Berlin) 30DM. PT
Nguyễn Thị Thu Mỹ (Berlin) 10DM
Anh Phan công Tân (Clausthal)
20DM.
(tính đến đầu tháng 4 năm 81)

ỦNG HỘ BÁO VIÊN GIÁC —

PT Đoàn Hương Lan (Suisse) -
100Fr. PT Tô Văn Phước (Graf -
ing) 20DM.



TỔNG KẾT CHI THU TẠI CHÁNH -
CỬA CHÙA VIÊN GIÁC NĂM 1980-

mmmm

Tổng số tiền thu năm 1980 của
chùa Viên Giác gồm tiền ủng
hộ của các cơ quan chính -
quyền Đức và tiền cúng dường
của đồng bào Phật Tử Việt Nam
tại Đức cũng như khắp n ở i
trên thế giới là: 94.802,88DM

Tổng số tiền chi cho các Đại
lễ Phật Đản, Đại lễ Vu Lan,
nhà máy in cũng như những phí
tôn khác là: 129.141,46DM.

Như vậy chùa phải thâm nợ là
34.338,58DM. Số nợ này đãtrag
trả nhờ một số Phật Tử hảo
tâm khắp nơi đã cúng dường .

Ngôi chùa mới năm nay cần -
phải có nhiều sự hỗ trợ hơn
về tài chánh cũng như nhân sự.
Vậy xin tất cả chư PT giatâm
hộ trì cho.

TÔI CÓ



Thơ CAY VẠN

Nhạc HOÀI VIỆT



Tôi có một người CHA, trong thiên đường chủ nghĩa, ông đưa cái



tuổi già nơi vùng kinh tế mới. Tôi có một bà MẸ, vai chiu nặng ngày ngày



những mệt rau đến chợ, đầu gạo vẫn chưa đầy. Tôi có một người ANH, sống



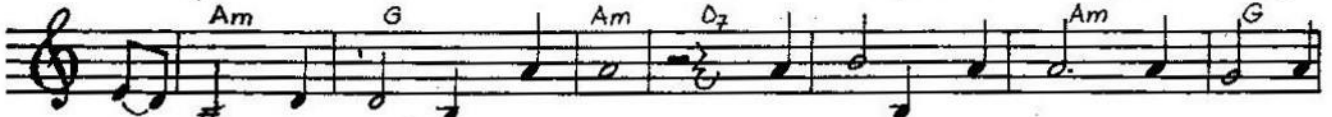
trong tù cải tạo, ủng phí cuộc đời mình chẳng biết khi nào mãn. Tôi



có một dân EM, đứa dân công biệt xứ, thẳng nghĩa vụ xa xăm, tương lai xa xăm



tay. Tôi có người YÊU nhỏ, năng mơ ước thật nhiều những điều không



đếm được trên khuôn mặt thân yêu. Tôi có một QUÊ HƯƠNG, đang còn trong



ngục tối, Dân lành còn đói khổ. Trời TỰ DO đâu, sao chưa mở lối, trời TỰ DO



đâu ở chính tay ta

1980

(viết cho trời trẻ lưu vong)